



BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP NAM ĐỊNH
Địa chỉ: Km số 6, Xã Liên Bảo, Huyện Vụ Bản, Tỉnh Nam Định

BÁO CÁO
KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGHỀ MAY THỜI TRANG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
NĂM 2021

Nam Định, tháng 08 năm 2021

NỘI DUNG CHÍNH

BÁO CÁO KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH/ NGHỀ MAY THỜI TRANG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG

CÁC TỪ VIẾT TẮT	7
PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ GDNN, KHOA PHỤ TRÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	8
1. Thông tin chung về cơ sở giáo dục nghề nghiệp.....	8
2. Thông tin khái quát về Khoa/Đơn vị phụ trách chương trình đào tạo	8
2.1. Quá trình phát triển	8
2.2. Cơ cấu tổ chức:.....	9
2.3. Thực trạng đào tạo nghề May thời trang trình độ Cao đẳng	9
3. Thông tin về Chương trình đào tạo	9
3.1. Giới thiệu chung về nghề May thời trang	9
3.2. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp	9
3.3. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp	10
3.4. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học	10
PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 12	
1. Tổng quan chung.....	12
1.1. Căn cứ tự đánh giá.....	12
1.2. Mục đích tự đánh giá.....	12
1.3. Yêu cầu tự đánh giá.....	12
1.4. Phương pháp tự đánh giá.....	12
1.5. Các bước tiến hành tự đánh giá	13
2. Tự đánh giá.....	14
2.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá.....	14
2.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn	18
2.2.1. Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính.....	18
Tiêu chuẩn 1.1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.	19
Tiêu chuẩn 1.2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.	23
Tiêu chuẩn 1.3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.	25
2.2.2. Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo	29

Tiêu chuẩn 2.1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.....	31
Tiêu chuẩn 2.2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.	33
Tiêu chuẩn 2.3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.....	34
Tiêu chuẩn 2.4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.....	35
Tiêu chuẩn 2.5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.....	36
Tiêu chuẩn 2.6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.	38
Tiêu chuẩn 2.7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.....	39
2.2.3. Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên.....	40
Tiêu chuẩn 3.1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.....	41
Tiêu chuẩn 3.2: Hàng năm 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.....	43
Tiêu chuẩn 3.3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/ nhà giáo theo quy định.....	45
Tiêu chuẩn 3.4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.....	48
Tiêu chuẩn 3.5: Hàng năm cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.....	49
Tiêu chuẩn 3.6: 100% Nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.....	51
Tiêu chuẩn 3.7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.....	52
Tiêu chuẩn 3.8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.....	53
2.2.4. Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình.....	55
Tiêu chuẩn 4.1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.....	57
Tiêu chuẩn 4.2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.....	58

Tiêu chuẩn 4.3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.	59
Tiêu chuẩn 4.4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.	59
Tiêu chuẩn 4.5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.	60
Tiêu chuẩn 4.6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.....	61
Tiêu chuẩn 4.7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ	62
Tiêu chuẩn 4.8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.....	63
Tiêu chuẩn 4.9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.....	64
Tiêu chuẩn 4.10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	64
Tiêu chuẩn 4.11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực	65
Tiêu chuẩn 4.12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	66
2.2.5. Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	67
Tiêu chuẩn 5.1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.	69
Tiêu chuẩn 5.2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.	73
Tiêu chuẩn 5.3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.	74
Tiêu chuẩn 5.4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	76
Tiêu chuẩn 5.5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.	78
Tiêu chuẩn 5.6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.	80

Tiêu chuẩn 5.7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.....	82
Tiêu chuẩn 5.8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.	83

2.2.6. Tiêu chí 6: Dịch vụ người học 84

Tiêu chuẩn 6.1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác sinh viên, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.	86
Tiêu chuẩn 6.2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.	87
Tiêu chuẩn 6.3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	89
Tiêu chuẩn 6.4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.	91

2.2.7. Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng 92

Tiêu chuẩn 7.1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.....	93
Tiêu chuẩn 7.2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.	94
Tiêu chuẩn 7.3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.....	95
Tiêu chuẩn 7.4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.....	96
Tiêu chuẩn 7.5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.	97
Tiêu chuẩn 7.6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).	98
Tiêu chuẩn 7.7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	98
Tiêu chuẩn 7.8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.....	99

PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 101

PHẦN IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ	102
PHỤ LỤC	103
1. Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng GDNN trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định năm 2021	103
2. Kế hoạch Tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định năm 2021	105
3. Bảng mã minh chứng	110

CÁC TỪ VIẾT TẮT

ANTT:	An ninh trật tự
CĐCNNĐ:	Cao đẳng Công nghiệp Nam Định
CCVC:	Công chức, viên chức
GD&ĐT:	Giáo dục và Đào tạo
GDNN:	Giáo dục nghề nghiệp
GVCN:	Giáo viên Chủ nhiệm
CVHT:	Cố vấn học tập
GDTX:	Giáo dục thường xuyên
HSSV:	Học sinh, sinh viên
NCKH:	Nghiên cứu khoa học
LĐTBOXH:	Lao động Thương binh và Xã hội
TDTT:	Thể dục thể thao
XDCB:	Xây dựng cơ bản
QLKH&ĐBCL:	Quản lý Khoa học & Đảm bảo chất lượng
HTĐT&QHĐN:	Hợp tác đào tạo & Quan hệ doanh nghiệp

PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ GDNN, KHOA PHỤ TRÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Thông tin chung về cơ sở giáo dục nghề nghiệp

1.1 Tên: Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định

1.2. Địa chỉ trụ sở: xã Liên Bảo, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định

1.3. Cơ quan chủ quản: Bộ Công Thương

1.4. Loại hình cơ sở giáo dục nghề nghiệp: Công lập

1.5. Năm thành lập: 1956

1.6. Thông tin liên hệ của cơ sở giáo dục nghề nghiệp:

Số điện thoại: 0228 3849581

Email: cnd@cnd.edu.vn

Website: www.cnd.edu.vn

1.7. Thông tin liên hệ của người đứng đầu cơ sở giáo dục nghề nghiệp phụ trách công tác kiểm định, đảm bảo chất lượng:

TS. Nguyễn Duy Phần - Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định.

Số điện thoại: 0983 703 936

Email: ndphan@cnd.edu.vn

2. Thông tin khái quát về Khoa phụ trách chương trình đào tạo

2.1. Quá trình phát triển

Khoa Công nghệ May và Thiết kế thời trang được thành lập từ tháng 7 năm 1991 khi trường mang tên Trường Kỹ nghệ thực hành.

Cùng với sự phát triển của Trường, Khoa Công nghệ May và Thiết kế thời trang Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định được thành lập theo QĐ số: 48/QĐ-CĐCNNĐ ngày 29 tháng 4 năm 2005.

Số lượng cán bộ giáo viên trong khoa là 18, trong đó có 4 nam chiếm 22, 2%, 14 nữ chiếm 77, 8% (17 cán bộ giáo viên trực tiếp tham gia giảng dạy, 01 giáo vụ khoa)

Về trình độ chuyên môn: Về trình độ chuyên môn: 100% giáo viên có trình độ từ đại học trở lên. Trong đó có 8/18 giảng viên có trình độ Thạc sĩ chiếm 44%; 13/18 giảng viên có chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia.

Hàng năm khoa luôn có giảng viên tham gia các kỳ hội giảng cấp trường, cấp tỉnh, cấp quốc gia đạt nhiều thành tích cao, 100% GV đạt danh hiệu LĐT, ...Khoa đã có 1 nhà giáo được nhà nước phong tặng danh hiệu nhà giáo ưu tú. Tập thể khoa nhiều năm được nhận danh hiệu tập thể lao động xuất sắc và nhiều giảng viên được nhận danh hiệu chiến sỹ thi đua và bằng khen các cấp, nhiều HSSV dự thi tay nghề giỏi các cấp đạt kết quả cao.

Khoa Công nghệ May và Thiết kế thời trang được trường giao nhiệm vụ đào tạo 05 ngành, nghề trình độ Cao đẳng, Trung cấp và Sơ cấp. Hiện tại khoa đang đào tạo các ngành, nghề: Trình độ Cao đẳng: Công nghệ May thời trang, May thời trang, Thiết kế

thời trang; Trình độ Trung cấp: Công nghệ May và Thời trang, May công nghiệp. Tổng số lớp do khoa quản lý trong năm từ 30 ÷ 36 lớp. Toàn bộ các chương trình đào tạo được thiết kế và thực hiện theo mô hình đào tạo kép tỷ lệ thực hành từ 65 ÷ 70%; lý thuyết từ 30 ÷ 35%.

Khoa Công nghệ May và Thiết kế thời trang trực tiếp phụ trách, quản lý và tổ chức triển khai đào tạo thực hành, thí nghiệm tại 12 phòng thực hành cho cả khoa bao gồm nhà 02 tầng của khoa và một vài phòng khu lý thuyết là phòng tạo mẫu, thực hành cho khoa.

2.2. Cơ cấu tổ chức:

- Tổng số cán bộ, giảng viên: 18
- Trưởng khoa: 01
- Phó trưởng khoa: 01
- Đoàn thể: 02: + Công đoàn
+ Đoàn thanh niên

2.3. Thực trạng đào tạo nghề May thời trang trình độ Cao đẳng

Kết quả tuyển sinh các năm:

- Năm 2018: 89 sinh viên
- Năm 2019: 37 sinh viên
- Năm 2020: 32 sinh viên

Trong những năm qua, công tác tuyển sinh của các trường cao đẳng các tỉnh phía bắc gặp nhiều khó khăn, hầu hết các trường không tuyển đủ chỉ tiêu.

Tỷ lệ học sinh, sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp

- Tỷ lệ HSSV có việc làm sau khi ra trường tổng thể toàn trường là 85%
- Tỷ lệ HSSV có việc làm sau khi ra trường đối với nghề May thời trang là 98,6%

3. Thông tin về Chương trình đào tạo

3.1. Giới thiệu chung về nghề May thời trang

May thời trang trình độ cao đẳng là nghề mà người hành nghề thực hiện các công việc tư vấn, thiết kế, cắt, may các kiểu sản phẩm thời trang từ đơn giản đến phức tạp: áo sơ mi, quần âu, váy, áo Jacket, áo dài, áo Veston...

Người hành nghề May thời trang làm việc tại các vị trí: thiết kế, giác mẫu, may mẫu, hướng dẫn kỹ thuật, kiểm tra giám sát, kiểm soát chất lượng, quản lý điều hành và trực tiếp tham gia các công đoạn sản xuất tại các cửa hàng may đo thời trang, các công ty, doanh nghiệp may công nghiệp... đáp ứng yêu cầu bậc 5 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Người hành nghề May thời trang phải có sức khỏe tốt, có đạo đức nghề nghiệp, có kiến thức về chuyên môn và kỹ năng nghề đáp ứng được vị trí công việc.

3.2. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

- Trực tiếp thực hiện các công việc tại cửa hàng may đo thời trang hoặc trên dây

chuyên sản xuất.

- Đảm nhiệm được những vị trí kỹ thuật: kỹ thuật chuyên, thiết kế mẫu, nhay mẫu, may mẫu, giác sơ đồ, tính định mức nguyên phụ liệu, lập kế hoạch sản xuất, phương án giá thành sản phẩm...

- Các vị trí về quản lý chất lượng: KCS (kiểm tra chất lượng sản phẩm); QC (Quality Control); QA (Quality Assurance).

- Quản lý kỹ thuật, tổ trưởng sản xuất, tổ trưởng kỹ thuật.

3.3. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Có khả năng tự học, tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức mới thuộc chuyên môn ngành, nghề đào tạo.

- Học liên thông lên trình độ cao hơn trong cùng ngành, nghề; nhóm ngành, nghề hoặc trong cùng lĩnh vực đào tạo.

3.4. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

Phân bổ thời gian khóa học

Năm học	LT, TH	Thi		Nghỉ hè, lễ, tết	Khai giảng, bế giảng	LD, Dự phòng	Tổng số
		Học kỳ	Tốt nghiệp				
I	34	6		8	1	3	52
II	36	6		8		2	52
III	36	6	5	4	1	0	52
Tổng số	106	18	5	20	2	5	156

Danh mục và thời lượng các môn học/mô đun

TT	Mã MH/MĐ	Tên môn học/mô đun	Số TC	Thời gian học tập (giờ)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	Thực hành	Thi, kiểm tra
I. Các môn học chung			17	330	148	165	17
<i>(Không tính GDTC: 4TC; GDQP: 5TC)</i>							
1	C610010110	Chính trị	5	75	41	29	5
2	C610040110	Pháp luật	2	30	22	6	2
3	C614010110	Tin học	3	75	15	58	2
4	C611010011	Tiếng anh	5	120	42	72	6
5	C616030110	Kỹ năng giao tiếp	2	30	28		2
II. Các môn học, mô đun chuyên môn			108	2970	573	2313	84
II.1. Môn học, mô đun cơ sở			14	225	198	13	14
6	C611010811	Anh văn chuyên ngành	2	45	30	13	2

TT	Mã MH/MĐ	Tên môn học/mô đun	Số TC	Thời gian học tập (giờ)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	Thực hành	Thi, kiểm tra
7	C615010110	Môi trường và con người	2	30	28		2
8	C615010210	Vẽ kỹ thuật	2	30	28		2
9	C615010310	Vật liệu may	2	30	28		2
10	C615010510	Mỹ thuật trang phục	2	30	28		2
11	C615012111	Sáng tác mẫu thời trang	2	30	28		2
12	C615010610	Quản lý chất lượng SP may	2	30	28		2
II.2. Môn học, mô đun chuyên môn			91	2685	345	2272	68
13	C615010411	Thiết bị may và AT lao động	4	105	15	86	4
14	C615010711	Thiết kế áo sơ mi, Jacket	4	90	30	56	4
15	C615010811	Thiết kế quần âu, váy	2	45	15	28	2
16	C615010911	Thiết kế áo dài, veston	3	75	15	57	3
17	C615011011	Các đường may cơ bản	3	75	15	57	3
18	C615011111	May BPCY áo sơ mi	4	105	15	86	4
19	C615011211	May BPCY quần âu	4	105	15	86	4
20	C615011311	May BPCY áo Jacket	4	105	15	86	4
21	C615011411	May áo sơ mi thời trang	5	135	15	115	5
22	C615011511	May quần âu, váy thời trang	5	135	15	115	5
23	C615011611	May Jacket thời trang	5	135	15	115	5
24	C615011711	May áo veston thời trang	5	135	15	115	5
25	C615011811	Thiết kế mẫu CN	3	75	15	57	3
26	C615011911	Thiết kế GSD trên máy tính	3	75	15	57	3
27	C615012011	CNSX may thời trang	4	75	45	26	4
28	C615012811	Cắt may quần áo thời trang	4	90	30	56	4
29	C615012911	Thiết kế TT trên Ma-nơ-canh	3	75	15	57	3
30	C615012611	Tổ chức QL và SX may CN	3	60	30	27	3
31	C615012211	Thực tập sản xuất 1	6	270		270	
32	C615012311	Thực tập sản xuất 2	6	270		270	
33	C615012411	Thực tập nghề nghiệp	5	180		180	
34	C615012511	Thực tập tốt nghiệp	6	270		270	
II.3. Môn học, mô đun tự chọn			3	60	30	28	2
35	C615013001	Công nghệ là	3	60	30	28	2
36	C615013101	May thời trang dạ hội	3	60	30	28	2
37	C615013201	May áo dài thời trang	3	60	30	28	2
	Cộng:		125	3300	721	2478	101

PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tổng quan chung

1.1. Căn cứ tự đánh giá

- Về tiêu chí, tiêu chuẩn áp dụng khi triển khai tự kiểm định: thực hiện theo thông tư số 15/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 8/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDNN.

- Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Công văn 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25/03/2019 Tổng Cục trưởng Tổng cục GDNN về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

1.2. Mục đích tự đánh giá

Đánh giá, xác định mức độ thực hiện mục tiêu, chương trình, nội dung đào tạo, cơ sở vật chất, trang thiết bị thực hành, dịch vụ cho người học của nhà trường và các điều kiện học tập của học sinh, giảng dạy của giáo viên so với bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ cao đẳng tại Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 08 tháng 06 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Phát hiện các điểm không phù hợp cần chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo, qua đó giúp trường hoạch định chiến lược nâng cao chất lượng đào tạo trong từng giai đoạn và làm cơ sở báo cáo hàng năm Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Nam Định.

Là điều kiện cần thiết cho việc kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp bắt buộc của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để tiến tới đánh giá ngoài cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong thời gian tới.

Giúp nhà trường tự rà soát, xem xét đánh giá thực trạng của mình, lập và triển khai các kế hoạch hành động cải tiến nâng cao chất lượng chương trình đào tạo phù hợp với sứ mạng, chính sách và mục tiêu của nhà trường

1.3. Yêu cầu tự đánh giá

- Đảm bảo tính khách quan, trung thực và minh bạch trong quá trình tự kiểm định.
- Hợp tác, trao đổi, thảo luận công khai với tất cả các thành viên trong trường.
- Đảm bảo đúng thời gian, nội dung theo kế hoạch.

1.4. Phương pháp tự đánh giá

- Nghiên cứu bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng áp dụng đối với trường Trung cấp, Cao đẳng theo Thông tư 15/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 8/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành, và các tài liệu, hồ sơ minh chứng

kèm theo.

- Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Công văn 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25/03/2019 Tổng Cục trưởng Tổng cục GDNN về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

- Thu thập thông tin, phân tích, tổng hợp, thống kê, so sánh, rà soát các hoạt động của Khoa chuyên môn, Sinh viên nghề may Thời trang, phòng chức năng liên quan và chọn lọc những chứng cứ để chứng minh.

- Khảo sát thực tế, thảo luận, lấy ý kiến với các đơn vị, cán bộ quản lý, giáo viên, người học và người sử dụng lao động.

1.5. Các bước tiến hành tự đánh giá

- Xác định rõ mục tiêu tự kiểm định chất lượng chương trình đào tạo là nghề may thời trang trình độ cao đẳng.

- Thành lập Hội đồng kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của nhà trường.

- Xây dựng kế hoạch tự kiểm định chất lượng chương trình đào tạo nghề may TT trình độ Cao đẳng.

- Thu thập thông tin và những chứng cứ để minh chứng.

- Xử lý phân tích các thông tin và những chứng cứ thu được để minh chứng.

- Kiểm định mức độ mà chương trình đào tạo nghề may TT trình độ Cao đẳng đã đạt được theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn.

- Điều chỉnh, bổ sung kết quả tự kiểm định chất lượng chương trình đào tạo nghề may TT trình độ Cao đẳng.

- Công bố công khai kết quả tự kiểm định chương trình đào tạo nghề may TT trình độ Cao đẳng trong nội bộ trường.

2. Tự đánh giá

2.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá của cơ sở GDNN
	ĐỀ XUẤT CẤP ĐỘ LÀM ĐƯỢC		<i>Đạt tiêu chuẩn kiểm định</i>
1	Tiêu chí 1 - Mục tiêu, quản lý và tài chính	6	6
1.1	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.	2	2
1.2	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.	2	2
1.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.	2	2
2	Tiêu chí 2 - Hoạt động đào tạo	14	14
2.1	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.	2	2
2.2	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.	2	2
2.3	Tiêu chuẩn 3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng CNTT, truyền thông trong hoạt động dạy và học.	2	2
2.4	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	2
2.5	Tiêu chuẩn 5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.	2	2
2.6	Tiêu chuẩn 6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều	2	2

	chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.		
2.7	Tiêu chuẩn 7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.		2
3	Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên	16	14
3.1	Tiêu chuẩn 1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2
3.2	Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2
3.3	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỷ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.	2	0
3.4	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia NCKH, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.	2	2
3.5	Tiêu chuẩn 5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.	2	2
3.6	Tiêu chuẩn 6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.	2	2
3.7	Tiêu chuẩn 7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2
3.8	Tiêu chuẩn 8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2
4	Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình	24	24
4.1	Tiêu chuẩn 1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2
4.2	Tiêu chuẩn 2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.	2	2
4.3	Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.	2	2
4.4	Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bố thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.	2	2
4.5	Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.	2	2
4.6	Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2
4.7	Tiêu chuẩn 7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.	2	2

4.8	Tiêu chuẩn 8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.	2	2
4.9	Tiêu chuẩn 9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2
4.10	Tiêu chuẩn 10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2
4.11	Tiêu chuẩn 11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	2	2
4.12	Tiêu chuẩn 12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2
5	Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	16	14
5.1	Tiêu chuẩn 1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.	2	2
5.2	Tiêu chuẩn 2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.	2	2
5.3	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.	2	2
5.4	Tiêu chuẩn 4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	2	2
5.5	Tiêu chuẩn 5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.	2	2
5.6	Tiêu chuẩn 6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.	2	2
5.7	Tiêu chuẩn 7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.	2	2
5.8	Tiêu chuẩn 8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.	2	0
6	Tiêu chí 6 - Dịch vụ cho người học	8	8
6.1	Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo: quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.	2	2

6.2	Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.	2	2
6.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	2	2
6.4	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.	2	2
7	Tiêu chí 7 - Giám sát, đánh giá chất lượng	16	16
7.1	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2
7.2	Tiêu chuẩn 2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.	2	2
7.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.	2	2
7.4	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.	2	2
7.5	Tiêu chuẩn 5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.	2	2
7.6	Tiêu chuẩn 6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).	2	2
7.7	Tiêu chuẩn 7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	2
7.8	Tiêu chuẩn 8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	2	2
Tổng điểm tự đánh giá:		100	96

2.2 Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn

2.2.1. Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính

Đánh giá tổng quát tiêu chí 1:

Mở đầu:

Khoa Công nghệ May - Thời trang được nhà trường trao nhiệm vụ đào tạo chuyên môn các ngành nghề thuộc lĩnh vực may thời trang. Khoa quản lý đào tạo các bậc từ sơ cấp đến cao đẳng thuộc các nghề: Công nghệ may, May thời trang và Thiết kế thời trang.

Xuất phát từ nhiệm vụ và Mục tiêu đào tạo nghề may thời trang nhằm trang bị năng lực thực hành nghề cho sinh viên tương xứng với trình độ đào tạo, có sức khỏe, đạo đức lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp đồng thời giải quyết triệt để việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp. Sinh viên có năng lực thích ứng với việc làm trong xã hội, tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học lên trình độ cao hơn, đáp ứng yêu cầu thị trường lao động, phục vụ nhu cầu nguồn nhân lực cho phát triển ngành công nghiệp may thời trang và phát triển kinh tế xã hội trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh Nam Định và khu vực Nam đồng bằng Sông Hồng.

Khoa may thời trang được phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, đội ngũ giảng viên khoa Công nghệ may và Thiết kế thời trang nói riêng và các đơn vị chức năng đã thực hiện đúng các quy định của nhà trường đảm bảo chất lượng, tiến độ đào tạo, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Để hiện thực hoá mục tiêu, công tác quản lý và tài chính được nhà trường thực hiện đúng theo các thông tư, văn bản quy định pháp luật về quản lý tài chính, cân đối các nguồn thu từ ngân sách Nhà nước cấp, các nguồn thu hợp pháp từ đào tạo, nguồn thu khác để đáp ứng được nhu cầu kinh phí cho hoạt động đào tạo nghề May thời trang cũng như hoạt động sự nghiệp của Trường.

*** Những điểm mạnh:**

Trong 3 năm 2018, 2019, 2020 khoa Công nghệ may và Thiết kế thời trang đã hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ nhà trường giao theo chức năng nhiệm vụ quy định. Tập thể và nhiều cá nhân được xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Trường có đủ nguồn thu hợp pháp để tổ chức thực hiện chương trình đào tạo nghề may thời trang, đảm bảo chất lượng đào tạo.

*** Những tồn tại:**

Các hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ ngành nghề May thời trang kết hợp đào tạo đem lại nguồn thu còn hạn chế.

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

Hàng năm trên cơ sở mục tiêu chung của Nhà trường, khoa Công nghệ may và Thiết kế thời trang xây dựng mục tiêu, kế hoạch cụ thể của đơn vị, thường xuyên rà soát, đánh giá, sửa đổi, bổ sung tạo bước chuyển biến mạnh mẽ trong giáo dục đào tạo theo

hướng “chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa”. Phát triển đa dạng các hình thức đào tạo, đáp ứng nhu cầu học tập thường xuyên của các lực lượng lao động tại doanh nghiệp.

Khoa tập trung dân chủ, phân công nhiệm vụ cho các thành viên hợp lý; đảm bảo tốt các điều kiện dạy học; nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện theo hướng tiếp cận với trình độ tiên tiến, đào tạo gắn với thực tiễn, góp phần đáp ứng yêu cầu nhân lực của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Tăng cường công tác tuyển sinh, tập trung khai thác dịch vụ đặc biệt là dịch vụ sản xuất, phối kết hợp cùng doanh nghiệp... để tăng nguồn thu hợp pháp, từ đó công tác tài chính của nhà trường được cải thiện, tạo điều kiện đầu tư tăng cường cơ sở vật chất, con người phục vụ cho nhiệm vụ đào tạo của khoa.

Điểm đánh giá tiêu chí 1:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 1	6
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2

Tiêu chuẩn 1.1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Xác định đúng đắn mục tiêu của chương trình đào tạo là căn cứ khoa học để xây dựng chương trình và các nội dung giảng dạy phù hợp mục tiêu giáo dục của nhà trường và nhu cầu thị trường lao động. Chương trình đào tạo nghề May thời trang của Trường được xây dựng bám sát theo: Thông tư số 03/2017/TT -BLĐTBXH ngày 01/3/2017 Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng; Thông tư số 04/2017/TT-BLĐTBXH ngày 02 tháng 03 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về danh mục nghề đào tạo cấp IV trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng **(1.1.01–Bộ chương trình đào tạo nghề May thời trang)**.

*** Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp với mục tiêu của nhà trường**

“Mục tiêu của chương trình đào tạo cao đẳng nghề May thời nhằm trang bị cho người học các kiến thức và kỹ năng thực hành nghề nghiệp. Người học có sự phát triển toàn diện, đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong công nghiệp” **(1.1.01–Bộ chương trình đào tạo nghề May thời trang)**.

Mục tiêu của chương trình đào tạo được xây dựng xuất phát từ mục tiêu của giáo dục nghề nghiệp và mục tiêu đào tạo của Trường nhằm “đào tạo nhân lực trực tiếp cho sản xuất, kinh doanh và dịch vụ, có năng lực hành nghề tương ứng với trình độ đào tạo; có đạo đức, sức khỏe và trách nhiệm nghề nghiệp” *(1.1.02–Mục tiêu phát triển công bố trên trang điện tử của trường; 1.1.03–Chiến lược phát triển trường Cao Đẳng Công nghiệp Nam Định giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn 2025)* .

*** Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động**

Giáo dục nghề nghiệp gắn với nhu cầu của thị trường lao động là xu hướng tất yếu trong cơ chế thị trường nhằm mang lại lợi ích cho cả cơ sở giáo dục nghề nghiệp, học viên và thị trường lao động.

Mục tiêu của chương trình đào tạo nghề May thời trang không chỉ mang tính tổng quát mà còn cụ thể hoá về vị trí việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp:

- Đảm nhiệm vị trí kỹ thuật: kỹ thuật chuyên, thiết kế mẫu, nhảy mẫu, giác sơ đồ, tính định mức nguyên phụ liệu, lập kế hoạch sản xuất, phương án giá thành sản phẩm,...

- Các vị trí về quản lý chất lượng: KCS (kiểm tra chất lượng sản phẩm); QC (Quality Control); QA (Quality Assurance).

- Quản lý kỹ thuật, tổ trưởng sản xuất, tổ trưởng kỹ thuật,.... *(1.1.01–Bộ chương trình đào tạo nghề May thời trang)*.

Mục tiêu của chương trình đào tạo còn được xác định rất rõ ràng trong nội dung Chuẩn đầu ra đã được nhà trường công bố công khai *(1.1.04-Bộ Kế hoạch xây dựng và công bố chuẩn đầu ra năm 2018, 2019, 2020 nghề May thời trang)*.

Mục tiêu này hoàn toàn phù hợp với nhu cầu sử dụng lao động có chuyên môn cao của ngành công nghiệp may thời trang ở cả hiện tại và tương lai. Theo “Dự báo về tương lai việc làm 2018 của WEF xuất bản năm 2018 “trong giai đoạn 2018-2022, trong ngành dệt may, các việc làm liên quan đến thiết kế, quản trị, chuỗi cung ứng dệt may...là những vị trí việc làm chắc chắn tăng cao so với hiện tại. Mặt khác theo quy hoạch nguồn nhân lực Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020; số liệu điều tra lao động việc làm và kết quả dự báo của Trung tâm Quốc gia về Dịch vụ việc làm), tỷ lệ lao động qua đào tạo giáo dục nghề nghiệp trong tổng số lao động của lĩnh vực công nghiệp phải đạt 63%. Ngoài ra, dựa vào số liệu cụ thể về trình độ lao động dệt may Việt Nam năm 2019 được thể hiện trong bảng sau:

Trình độ lao động dệt may năm 2019

Đơn vị: %

Lĩnh vực	Phổ thông	Cao đẳng	Đại học	Sau Đại học
May	87, 92	8	4	0, 08

Nguồn: khảo sát của nhóm nghiên cứu đề tài đánh giá tác động của CMCN 4.0 đến ngành dệt may

Những số liệu nêu trên cho thấy nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực bậc đào tạo cao đẳng là rất lớn, đặc biệt trong lĩnh vực May thời trang. Hàng năm, căn cứ vào báo cáo phân tích thị trường lao động và dự báo nhu cầu nhân lực tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh và khu vực, Nhà trường thực hiện kế hoạch khảo sát, thu thập ý kiến đánh giá của doanh nghiệp phân tích, đánh giá nhu cầu tuyển dụng nhân lực để điều chỉnh nội dung chương trình cho phù hợp (*1.1.05-Bộ Hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến của Doanh nghiệp năm 2018, 2019, 2020*). Do vậy, mục tiêu chương trình đào tạo luôn phù hợp với nhu cầu thị trường lao động và cả nguyện vọng của chính bản thân người học. Chính vì vậy các doanh nghiệp May công nghiệp luôn sẵn sàng đón nhận HSSV thực tập và tiếp nhận làm việc sau khi tốt nghiệp (*1.1.06-Hợp đồng thực tập, thực hành nghề May thời trang với các đơn vị sử dụng lao động năm 2018, 2019, 2020*). Đồng thời Nhà trường cũng thực hiện kế hoạch khảo sát các cựu sinh viên cao đẳng nghề May thời trang về vị trí việc làm và các tiêu chí đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, thông qua đó đã nhận được phản hồi tích cực từ phía các sinh viên đã tốt nghiệp (*1.1.07-Hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến cựu SV May thời trang năm 2018, 2019, 2020 và 6 tháng đầu năm 2021*).

Khả năng có việc làm, thu nhập ổn định của sinh viên sau khi tốt nghiệp đã góp phần định hướng, thay đổi dần nhận thức của xã hội về vai trò của giáo dục nghề nghiệp, có thể nói mục tiêu của chương trình đào tạo cao đẳng nghề May thời trang là phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động.

*** Mục tiêu của chương trình đào tạo được nhà trường công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.**

Nhằm giúp cho giảng viên giảng dạy và người học dễ dàng tiếp cận, tra cứu thông tin trong quá trình học tập, bộ chương trình đào tạo với mục tiêu xác định tường minh cùng với các chuẩn đầu ra được Hiệu trưởng quyết định ban hành và công bố rộng rãi trên Website Nhà trường. Chương trình đào tạo từng khoá học được in ấn, lưu trữ tại khoa, thư viện làm tài liệu lưu hành nội bộ, cho giảng viên, sinh viên dễ dàng sử dụng giảng dạy, học tập (*1.1.08-Bộ quyết định ban hành chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra năm 2018, 2019, 2020; Địa chỉ trang web chương trình đào tạo*).

Việc rà soát chương trình đào tạo các ngành/ngành nói chung và chương trình đào tạo nghề May thời trang nói riêng được nhà trường tổ chức xây dựng, thẩm định theo đúng nội dung, biểu mẫu của Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/03/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐTB&XH quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng (*1.1.09-Kế hoạch phát triển chương trình đào tạo trung cấp, cao đẳng; 1.1.10-Bộ biên bản đánh giá chương trình đào tạo và đề xuất xây dựng, chỉnh lý chương trình đào tạo hàng năm; 1.1.01-Bộ chương trình đào tạo nghề May thời trang*).

(1) Năm 2018 chương trình đào tạo nghề may thời trang được xây dựng và đưa vào

giảng dạy khoá 59. Nội dung đã được rà soát, chỉnh lý, bổ sung từ chương trình giảng dạy nghề May thời trang khoá 58 cụ thể như sau:

Chỉnh lý chương trình đào tạo với mục tiêu kỹ năng nghề nghiệp. Do vậy tăng thời lượng các môn học thực hành và thực tập tại doanh nghiệp đáp ứng tốt nhất nhu cầu của các nhà tuyển dụng. Các môn học chung (không tính giờ môn giáo dục thể chất, quốc phòng, an ninh) đã giảm từ 390 giờ xuống còn 255 giờ, các môn học cơ sở giảm từ 285 giờ xuống còn 255 giờ; các môn học chuyên môn tăng từ 1785 giờ lên 1815 giờ.

(2) Năm 2019 chương trình đào tạo nghề may thời trang tiếp tục được chỉnh lý và đưa vào giảng dạy khoá 60. Nội dung đã được rà soát, chỉnh lý, bổ sung từ chương trình giảng dạy nghề May thời trang khoá 59 cụ thể như sau:

Chỉnh lý, phát triển chương trình đào tạo khoá 60 với tiêu chí đảm bảo tính liên thông của chương trình đào tạo; tích hợp kết hợp đào tạo giữa nhà trường và doanh nghiệp; đáp ứng nhu cầu thực tế nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp. Đồng thời bổ sung một số nội dung theo chỉ đạo của Bộ công thương, Bộ LĐTBXH. Do vậy đã bổ sung môn “Môi trường và con người” 30 giờ; tăng thời lượng giảng dạy môn “Anh văn” từ 105 giờ lên 120 giờ và giảm thời lượng một số môn cơ sở.

(3) Năm 2020 chương trình đào tạo cao đẳng nghề may thời trang tiếp tục được chỉnh lý và đưa vào giảng dạy khoá 61. Nội dung đã được rà soát, chỉnh lý, bổ sung từ chương trình giảng dạy Cao đẳng nghề May thời trang khoá 60 cụ thể như sau:

Chỉnh lý, phát triển chương trình đào tạo khoá 61 với tiêu chí giảm thời lượng một số môn cơ sở ngành, tăng thời lượng một số môn chuyên ngành, kết hợp chặt chẽ hơn giữa đào tạo tại nhà trường và doanh nghiệp. Trong đó mục tiêu đào tạo chú trọng nâng cao kỹ năng thực hành nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu nhân lực cho các doanh nghiệp.

Do thời gian đào tạo cho khoá 61 tăng từ 2,5 năm lên 3 năm, nên thời lượng này tập trung cho các môn chuyên ngành; thực tập thực tế tại doanh nghiệp đã bố trí dàn đều ra các kỳ. Thời lượng các học phần, môn chuyên môn tăng từ 2415 giờ lên 2970 giờ.

Mỗi chương trình đào tạo của nghề may thời trang áp dụng giảng dạy cho từng khoá học khác nhau đều được rà soát sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh mục tiêu đào tạo bám sát thực tiễn ở cả phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo. Định kỳ, 3 năm 1 lần, Khoa sẽ thực hiện khảo sát và điều chỉnh lại chuẩn đầu ra cho phù hợp (*1.1.11-Bộ quyết định thành lập hội đồng thẩm định nghiệm thu chương trình đào tạo*).

Như vậy mục tiêu của chương trình đào tạo cao đẳng nghề may thời trang không những được công bố công khai mà còn được rà soát, điều chỉnh theo quy định nhằm đảm bảo đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực trong thực tiễn.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 1: 2 điểm

Tiêu chuẩn 1.2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Khoa Công nghệ may và Thiết kế thời trang là đơn vị chủ chốt trực tiếp giảng dạy các môn học chuyên môn trong chương trình đào tạo nghề may thời trang (chiếm khoảng 80% khối lượng chương trình), các khoa liên quan như KHCB, Kinh tế, Công nghệ thông tin đảm nhiệm giảng dạy một số các môn học lý thuyết cơ sở và lý thuyết liên ngành (chiếm khoảng 20% khối lượng chương trình). Ngoài ra, phòng Đào tạo là đơn vị đầu mối hướng dẫn chỉ đạo thực hiện chương trình theo đúng các quy định của nhà trường.

Trường có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo

Căn cứ vào các văn bản tài liệu hướng dẫn tại thông tư 46, 47/2016-BLĐT BXH quy định về điều lệ trường cao đẳng, trung cấp. Trường đã có các quyết định quy định rõ chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trong trường đối với các nội dung liên quan đến quá trình triển khai, hiện thực hoá chương trình đào tạo.

Nhiệm vụ thực hiện chương trình đào tạo của khoa Công nghệ may và Thiết kế thời trang đã được quy định rõ trong nội dung Chức năng nhiệm vụ khoa Công nghệ may và Thiết kế thời trang tại quyết định số 1914/QĐ- CĐCNNĐ, ngày 28/12/2012:

- Tổ chức thực hiện quá trình đào tạo kế hoạch giảng dạy học tập và các hoạt động giáo dục khác theo chương trình, kế hoạch giảng dạy chung của nhà trường

- Quản lý và tổ chức giảng dạy chuyên nghề May thời trang cho các hệ Cao đẳng, cao đẳng liên thông, trung cấp nghề trong trường, liên kết ngoài trường, hợp tác liên kết với nước ngoài.

- Trên cơ sở kế hoạch phòng Đào tạo, khoa phải chịu trách nhiệm chính cùng phối hợp với các đơn vị chức năng khác trong trường tổ chức cho HSSV thực tập sản xuất, nghiên cứu khoa học, tổ chức sản xuất tại các doanh nghiệp.

- Biên soạn chương trình đào tạo, giáo trình, tài liệu giảng dạy các môn học chuyên ngành may thời trang..... *(1.2.01-Quyết định ban hành cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của trường Cao đẳng công nghiệp Nam Định; Quyết định giao nhiệm vụ cho khoa Công nghệ may & TKTT).*

Trên cơ sở đó, Khoa Công nghệ may và Thiết kế thời trang là đơn vị thực hiện chức năng trực tiếp giảng dạy các môn học, chuyên môn cho nghề May thời trang và các hoạt động giáo dục khác theo chương trình đào tạo; kế hoạch giảng dạy chung của nhà trường lập ra.

Ngoài các phòng chức năng, nhiệm vụ thực hiện chương trình đào tạo cao đẳng nghề May thời trang còn có sự tham gia của giáo viên một số bộ môn thuộc khoa Khoa học cơ bản, Kinh tế, Công nghệ thông tin (*1.2.02-Tổng hợp giảng viên giảng dạy các môn chung cao đẳng nghề May thời trang bậc cao đẳng năm 2018, 2019, 2020*). Dựa trên kế hoạch đào tạo, các khoa tiến hành, phân công nhiệm vụ cụ thể cho giảng viên, nhân viên trong khoa theo hai học kỳ/năm học (*1.2.03-Tổng hợp kế hoạch phân công giảng viên giảng dạy nghề May thời trang năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021*).

Như vậy, Khoa Công nghệ May và Thời trang nói riêng và các khoa chuyên môn liên quan nói chung được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường.

Khoa phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo

Xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm được giao, khoa Công nghệ may và Thiết kế thời trang và các khoa chuyên môn khác đã tổ chức các hoạt động đào tạo:

- Biên soạn, chỉnh lý chương trình, giáo trình, bài giảng, giáo án bám sát chương trình đào tạo và các quy định, thông tư hướng dẫn trong GDNN
- Tổ chức giảng dạy theo tiến độ đào tạo, thời khoá biểu
- Thực hiện các nghiệp vụ chuyên môn nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy

Trong nhiều năm qua, đội ngũ cán bộ, giảng viên nhân viên trong khoa luôn nhiệt tình, tích cực tham gia hoạt động trong công tác chuyên môn, thực hiện tốt mọi nhiệm vụ được giao. Hàng năm, Khoa Công nghệ may và Thiết kế thời trang và các khoa chuyên môn đều thực hiện báo cáo tổng kết các công việc đã thực hiện trong năm, rút kinh nghiệm những việc chưa làm được, đề nghị khen thưởng các cá nhân, đơn vị thực hiện xuất sắc công việc được giao cũng như phương hướng triển khai cho giai đoạn tiếp theo (*1.2.04-Báo cáo kết quả hoạt động năm học và phương hướng nhiệm vụ năm học tới; 1.2.05-Bộ kết quả đánh giá phân loại công chức, viên chức khoa Công nghệ may và Thiết kế thời trang năm 2018, 2019, 2020*).

- Năm 2018; 2019; 2020: 18 cán bộ giảng viên, viên chức toàn khoa đều hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (đạt tỷ lệ 100%).

* Công tác biên soạn, chỉnh lý chương trình, giáo trình đào tạo các lĩnh vực thuộc nghề may thời trang được thực hiện thường xuyên, liên tục (*1.2.06-Bộ biên bản thẩm định và nghiệm thu chương trình đào tạo khoa Công nghệ may &TKTT hàng năm*).

(1) Năm học 2018-2019: Chỉnh lý chương trình tổng quát đào tạo cao đẳng May thời trang, đồng thời biên soạn và chỉnh lý 26 chương trình bậc Cao đẳng ngành Công nghệ May, 13 chương trình bậc Cao đẳng liên thông nghề Công nghệ may và các ngân hàng đề thi, ngân hàng câu hỏi.

(2) Năm học 2019-2020: Chính lý chương trình tổng quát đào tạo cao đẳng, liên thông cao đẳng ngành Công nghệ May, đồng thời biên soạn và chỉnh lý 22 chương trình bậc Cao đẳng ngành May thời trang.

(3) Năm học 2020-2021: Chính lý chương trình tổng quát đào tạo cao đẳng, liên thông cao đẳng ngành Công nghệ May, đồng thời biên soạn và chỉnh lý 22 chương trình bậc Cao đẳng ngành May thời trang.

Việc hoàn thành nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ, giáo viên khoa Công nghệ may và Thiết kế thời trang thể hiện ở mức độ hoàn thành 100% khối lượng công việc của giảng viên được tổng hợp cuối mỗi học kỳ (*1.2.07-Tổng hợp khối lượng giảng dạy và thực hiện nhiệm vụ giảng viên khoa CN may & TKTT năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020*).

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, cán bộ giảng viên khoa Công nghệ may và Thiết kế thời trang nói riêng và các phòng khoa chức năng đã thực hiện đúng các quy định của nhà trường đảm bảo chất lượng, tiến độ đào tạo. Giáo viên luôn nhận được sự hỗ trợ thích hợp từ các phòng ban chức năng, mọi hoạt động giảng dạy đều được lưu trữ (Sổ lên lớp, sổ tay cá nhân của giảng viên) và được kiểm soát chặt chẽ nhằm đảm bảo chất lượng giảng dạy (*1.2.08-Hồ sơ giảng dạy của giảng viên nghề May thời trang (Sổ tay giảng viên, sổ lên lớp, giáo án) năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021*). Đồng thời mức độ thực hiện tốt nhiệm vụ được giao của mỗi cá nhân còn được đánh giá qua Báo cáo công tác thanh kiểm tra hoạt động đào tạo của nhà trường (*1.2.09-Báo cáo kết quả công tác thanh kiểm tra nội bộ hàng tháng năm 2018, 2019, 2020*).

Với những thành tích đạt được, tập thể cán bộ, giảng viên, viên chức khoa Công nghệ may và Thiết kế thời trang là đơn vị chính phụ trách nhiệm vụ chuyên môn đào tạo cao đẳng nghề May thời trang, luôn hoàn thành suất xất mọi nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 1: 2 điểm

Tiêu chuẩn 1.3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định là đơn vị sự nghiệp công lập có thu, tự đảm bảo một phần kinh phí hoạt động thực hiện theo Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 9/8/2006 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Nguồn kinh phí của trường được hình thành từ 2 nguồn chủ yếu: Ngân sách nhà nước giao và nguồn thu từ học phí (thực hiện theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 12/10/2015 của Chính

phủ quy định về cơ chế thu, quản lý và chế độ chính sách miễn, giảm học phí đối HSSV, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021). Ngoài ra trường còn có các nguồn thu từ các hoạt động đào tạo khác, nguồn kinh phí chương trình mục tiêu giáo dục nghề nghiệp và nguồn thu từ hoạt động dịch vụ.

Để đảm bảo nguồn kinh phí đáp ứng cho hoạt động giảng dạy của trường không chỉ nghề May thời trang mà tất cả các ngành khác nhà trường đang đào tạo được thực hiện đầy đủ và đạt chất lượng, nhà trường đã xây dựng định mức chi tối thiểu cho 1 người học theo mỗi ngành đào tạo.

Hàng năm, nhà trường nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo.

Căn cứ vào Nghị định 86/2015/NĐ - CP về cơ chế thu, quản lý học phí đối với học sinh, Hiệu trưởng ban hành quyết định thu học phí đối với từng nghề. Để đảm bảo chất lượng đào tạo các chuyên ngành nói chung và nghề May thời trang nói riêng, Nhà trường đã xây dựng định mức chi cho một người học học chương trình đào tạo trong đó có sinh viên học nghề May thời trang trình độ cao đẳng. Căn cứ vào các quy định cụ thể của nhà nước, ngân sách nhà nước cấp hàng năm và khả năng thu học phí của người học là cơ sở cơ bản để xây dựng mức chi tối thiểu cho 1 học sinh.

Nhà trường xây dựng định mức chi tối thiểu cho 1 người học cho cao đẳng nghề May thời trang trên cơ sở công thức chung:

$$\begin{array}{l} \text{Mức chi tối} \\ \text{thiểu cho 1} \\ \text{người học} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Chi thanh} \\ \text{toán cho cá} \\ \text{nhân} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi cho nghiệp} \\ \text{vụ chuyên môn} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí cho công tác} \\ \text{quản lý (bao gồm cả khấu} \\ \text{hao TS)} \end{array}$$

Từ công thức chung, nhà trường đã xây dựng định mức cho các nội dung cụ thể: Trên nguyên tắc số thực chi ngân sách của năm trước đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt nhà trường xây dựng định mức chi tối thiểu cho 1 người học, sau đó có sự điều chỉnh chi phí tăng do giá cả biến động trong năm đó (**1.3.01-Bộ quyết định mức chi tối thiểu cho người học cao đẳng nghề may thời trang năm 2018, 2019, 2020**).

- Đối với Chi phí thanh toán cho cá nhân: Căn cứ vào quyết toán ngân sách nhà nước đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt năm trước để xây dựng mức chi tối thiểu cho năm sau, số lượng GV trực tiếp tham gia giảng dạy các môn của Khoa Công nghệ may (cụ thể ngành May thời trang) được xác định tổng mức giờ giảng thực tế trong năm, và tiến độ đào tạo để xây dựng chi phí tiền lương tiền công. Đồng thời dự kiến chi học bổng cho HSSV đang theo học nghề May thời trang tại khoa.

- Chi phí cho nghiệp vụ chuyên môn: Căn cứ dự toán ngân sách nhà nước xây dựng, nhà trường xác định mức vật tư phục vụ học tập, thi tốt nghiệp, văn phòng phẩm, chi phí thông tin liên lạc, thuê mướn và các chi khác trong nghiệp vụ chuyên môn để đảm bảo kinh phí phục vụ học tập.

- Chi phí cho công tác quản lý: bao gồm tài sản phục vụ công tác chuyên môn của khoa và khấu hao tài sản cố định dùng cho công tác chuyên môn.

Mức chi tối thiểu cho 1 người học qua các năm như sau:

+ Năm 2018 mức chi tối thiểu cho 1 người học (không bao gồm hao mòn TSCĐ) là 15.934.650 đồng.

+ Năm 2019 mức chi tối thiểu cho 1 người học (không bao gồm hao mòn TSCĐ) là 17.086.750 đồng.

+ Năm 2020 mức chi tối thiểu cho 1 người học (không bao gồm hao mòn TSCĐ) là 18.919.450 đồng.

Căn cứ vào các nội dung của định mức, số lượng lớp học, số SV cao đẳng nghề May thời trang, các đơn vị tiến hành lập dự toán kinh phí mua vật tư thực tập, mua sắm, sửa chữa thiết bị - máy móc phục vụ cho đào tạo và các hoạt động khác...Hàng tháng có kế hoạch cụ thể (*1.3.02-Bản tổng hợp dự trù vật tư của khoa*). Nhà trường luôn đáp ứng đầy đủ nhu cầu về vật tư, trang thiết bị phục vụ cho quá trình đào tạo đảm bảo chất lượng, đặc biệt vật tư phục vụ cho sinh viên thực tập luôn được đáp ứng đầy đủ, kịp thời, giúp cho giảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy (*1.2.09-Báo cáo kết quả công tác thanh kiểm tra nội bộ hàng tháng năm 2018, 2019, 2020*). Đồng thời đây cũng là một trong những tiêu chí để đánh giá mức độ hài lòng của sinh viên đối với chất lượng đào tạo (*1.3.03-Bộ phiếu lấy ý kiến phản hồi của HSSV về hoạt động giảng dạy của GV khoa CN May TT năm 2018÷2020*).

Mức chi cụ thể cho các hoạt động phục vụ nhiệm vụ đào tạo của trường nói chung và khoa Công nghệ may và Thiết kế thời trang nói riêng đã được thể hiện rõ trong báo cáo tài chính và các văn bản thanh kiểm tra hoạt động tài chính (*1.3.04-Báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán kinh phí hoạt động các năm 2018, 2019, 2020, Biên bản thanh, kiểm tra hoạt động tài chính năm 2018, 2019, 2020*).

Nhà trường đã nghiên cứu, đưa ra định mức kinh tế kỹ thuật cụ thể, phù hợp, đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo và hài hoà với lợi ích của người học

Nhà trường có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.

Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định là đơn vị sự nghiệp có thu, tự đảm bảo một phần kinh phí hoạt động thực hiện theo Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 9/8/2006 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Nguồn kinh phí của trường được hình thành từ 2 nguồn chủ yếu: Ngân sách nhà nước giao và nguồn thu từ học phí (thực hiện theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 12/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý và chế độ chính sách miễn, giảm học phí đối HSSV, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021). Ngoài ra trường còn có các

nguồn thu từ các hoạt động đào tạo khác, nguồn kinh phí chương trình mục tiêu giáo dục nghề nghiệp và nguồn thu từ hoạt động dịch vụ. Chi tiết như sau:

- Nguồn kinh phí Ngân sách Nhà nước cấp
- Nguồn kinh phí thu từ các nhiệm vụ khác được giao
- Kinh phí thu sự nghiệp (học phí, lệ phí, sự nghiệp khác) *(1.3.04-Báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán kinh phí hoạt động các năm 2018, 2019, 2020; 1.3.05-Quyết định về mức thu học phí các năm 2018, 2019, 2020).*

- Nguồn thu từ các hoạt động dịch vụ *(1.3.04-Báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán kinh phí hoạt động các năm 2018, 2019, 2020).*

- Các nguồn thu hợp pháp khác *(1.3.04-Báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán kinh phí hoạt động các năm 2018, 2019, 2020).*

- Nguồn kinh phí được thực hiện qua các năm:

Năm 2018

- Thu từ nguồn học phí hệ cao đẳng nghề May thời trang là: 715.296.000 đồng.
- Ngân sách nhà nước năm 2018 Nguồn Kinh phí phục vụ cho bộ máy là 26.236.000.000 đ, quy đổi ước tính cho nghề May thời trang là 1.097.304.000 đồng.
- Nguồn thu từ học sinh nghề May thời trang đi thực tập do các doanh nghiệp tài trợ cho nhà trường: 5.000.000 đồng.

- Nguồn thu hợp pháp khác: 1.000.000 đồng.

*Tổng thu năm 2018: **1.818.600.000** đồng.

*Tổng chi phân bổ cho nghề May thời trang hệ Cao đẳng (không tính hao mòn tài sản cố định) năm 2018 là **1.816.663.000** đồng.

Như vậy năm 2018 nhà trường đã bố trí sắp xếp đủ nguồn kinh phí để thực hiện chương trình đào tạo nghề May thời trang hệ Cao đẳng.

Năm 2019

- Thu từ nguồn học phí hệ cao đẳng nghề May thời trang là: 1.073.706.000 đồng.
- Ngân sách nhà nước năm 2019 Nguồn Kinh phí phục vụ cho bộ máy là 19.741.000.000 đ, quy đổi ước tính cho nghề May thời trang là 1.062.050.000 đồng.
- Nguồn thu từ học sinh nghề May thời trang đi thực tập do các doanh nghiệp tài trợ cho nhà trường: 5.000.000 đồng.

- Nguồn thu hợp pháp khác: 1.000.000 đồng.

Tổng thu năm 2019: **2.133.756.000** đồng.

Tổng chi phân bổ cho nghề May thời trang hệ Cao đẳng (không tính hao mòn tài sản cố định) năm 2019 là **2.133.272.000** đồng.

Như vậy năm 2019 nhà trường đã bố trí sắp xếp đủ nguồn kinh phí để thực hiện chương trình đào tạo nghề May thời trang hệ Cao đẳng.

Năm 2020:

- Thu từ nguồn học phí hệ cao đẳng nghề May thời trang là: 935.873.000 đồng.
- Ngân sách nhà nước năm 2020 Nguồn Kinh phí phục vụ cho bộ máy là 23.092.000.000 đ, quy đổi ước tính cho nghề May thời trang là 1.355.000.000 đồng.
- Nguồn thu từ học sinh nghề May thời trang đi thực tập do các doanh nghiệp tài trợ cho nhà trường: 10.000.000 đồng.
- Nguồn thu hợp pháp khác: 1.000.000 đồng.

Tổng thu năm 2020: **2.301.873.000** đồng.

Tổng chi phân bổ cho nghề May thời trang hệ Cao đẳng (không tính hao mòn tài sản cố định) năm 2020 là **2.300.947.000** đồng.

Như vậy năm 2020 nhà trường đã bố trí sắp xếp đủ nguồn kinh phí để thực hiện chương trình đào tạo nghề May thời trang hệ Cao đẳng.

Qua các năm, nhà trường có nguồn lực tài chính đảm bảo chủ động được phân bổ chi tiết theo từng nội dung chi một cách hợp lý, tiết kiệm và thực hiện theo đúng chế độ kế toán tài chính hiện hành đáp ứng kinh phí phục vụ cho các hoạt động của trường (*1.3.06-Dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2018, 2019, 2020*).

Với khả năng khai thác hợp lý khoa học các nguồn tài chính, nhà trường đã thực hiện nghiêm túc kế hoạch tài chính đáp ứng yêu cầu các chương trình đào tạo nghề nói chung và nghề may thời trang nói riêng, đặc biệt chú trọng đảm bảo nguồn kinh phí chi cho con người, ưu tiên đầu tư những trang thiết bị cần thiết, đó là yếu tố then chốt nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

Như vậy nhà trường hoàn toàn có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện các chương trình được cấp phép đào tạo nói chung và nghề May thời trang trình độ cao đẳng nói riêng đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 1: 2 điểm

2.2.2. Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo**Đánh giá tổng quát tiêu chí 2:****Mở đầu:**

Hoạt động đào tạo trong nhà trường có ý nghĩa rất quan trọng đối với sự nghiệp phát triển giáo dục, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng đáp ứng nhu cầu xã hội. Trong nhiều năm qua, Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định nói chung và Khoa Công nghệ May nói riêng luôn là địa chỉ tin cậy của học sinh, sinh viên muốn lập nghiệp bằng con đường học nghề. Nhà trường không ngừng đổi mới trang thiết bị cũng như chương trình đào tạo theo hướng giảm thiểu lý thuyết, tăng thời lượng thực hành, tiếp cận các chương trình đào tạo quốc tế, thường xuyên cập nhật các tiến bộ khoa học kỹ thuật, đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng đội

ngũ cán bộ giảng viên và công tác quản trị nhà trường đồng thời tăng cường công tác gắn kết doanh nghiệp trong đào tạo nghề và giải quyết việc làm sau đào tạo.

*** Những điểm mạnh**

- Công tác tuyển sinh của trường được thực hiện theo đúng quy định của Bộ Lao động Thương binh – Xã hội, hình thức, chỉ tiêu, đối tượng, kết quả tuyển sinh các năm đều được trường thông báo công khai.

- Công tác đa dạng hóa phương thức tổ chức đào tạo, đổi mới phương pháp dạy và học được trường hết sức quan tâm, tổ chức bồi dưỡng về phương pháp và có sự đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học hiện đại, 100% cán bộ giảng viên của Khoa Công nghệ May đã áp dụng công nghệ thông tin, internet vào giảng dạy, trên 50% bài giảng điện tử được giảng viên thực hiện khi lên lớp.

- Trường đã thực hiện tổ chức đào tạo theo mục tiêu và nội dung chương trình nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp, xây dựng kế hoạch giảng dạy, tiến độ giảng dạy kịp thời và phù hợp.

- Việc lưu trữ kết quả học tập của người học được trường thực hiện nghiêm túc, chính xác. Kết quả học tập của người học được quản lý, lưu trữ an toàn và đầy đủ, được công bố công khai trên mạng thông qua phần mềm quản lý đào tạo.

- Công tác tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học được nhà trường thực hiện theo đúng kế hoạch, khách quan, chính xác và đảm bảo đúng quy định, việc đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học được trường coi trọng và triển khai thực hiện theo quy chế.

- Đánh giá được khách quan công tác giảng dạy của giảng viên thông qua phiếu lấy ý kiến của sinh viên và cán bộ quản lý.

- Hằng năm Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng chứng chỉ theo quy định.

*** Những tồn tại**

Việc tổ chức cho giảng viên tham quan, học tập, cập nhật kiến thức công nghệ mới chưa được tổ chức thường xuyên do vậy khả năng sáng tạo, tính thuyết phục trong các tiết giảng đôi lúc còn hạn chế.

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng**

- Phát huy những điểm mạnh hiện có về cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên

- Thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng về phương pháp dạy học mới, phương pháp dạy học hiện đại, cử các giảng viên tham gia các lớp bồi dưỡng kỹ năng nghề. Phát huy và nhân rộng những tiết dạy học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và tinh thần hợp tác của người học.

- Liên kết đào tạo, hợp tác sản xuất với các doanh nghiệp là cơ hội để giáo viên và học sinh có điều kiện tiếp xúc với sản xuất thực tế.

- Đầu tư kinh phí, trang thiết bị hệ thống lưu trữ chuyên dụng để đảm bảo an toàn, chính xác kết quả của người học. Đầu tư phần mềm quản lý điểm để việc nhập điểm và quản lý điểm khách quan hơn, chính xác hơn. Đẩy mạnh hình thức tổ chức quản lý theo hướng ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học.

- Tăng cường công tác kiểm tra hoạt động dạy của giảng viên đồng thời đẩy mạnh hình thức thi trắc nghiệm khách quan. Tiếp tục hoàn thiện ngân hàng đề thi.

- Triển khai lấy ý kiến của HSSV và các nhà sử dụng lao động về chất lượng đào tạo của trường để có kế hoạch điều chỉnh hoạt động đào tạo cho phù hợp với yêu cầu của doanh nghiệp và xã hội.

- Khảo sát điều tra định kì về tình hình HSSV sau khi tốt nghiệp để nắm được năng lực chuyên môn của người học và thu nhập của họ sau khi ra trường.

- Thành lập hội cựu sinh viên, xây dựng kế hoạch điều tra, khảo sát nắm bắt tình hình HSSV của trường sau khi đã tốt nghiệp ra trường

Điểm đánh giá tiêu chí 2

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 2	14
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2

Tiêu chuẩn 2.1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Công tác tuyển sinh là một nhiệm vụ đặc biệt quan trọng, là yếu tố quyết định đến sự tồn tại và phát triển của nhà trường. Hàng năm, trường Cao đẳng công nghiệp Nam Định đều xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh của Trường để áp dụng cho công tác tuyển sinh trình độ cao đẳng, trung cấp (***2.1.01-Quy chế tuyển sinh của Trường CĐCNNĐ năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021***).

Các quy chế tuyển sinh của trường ban hành đều bám sát hướng dẫn của Bộ LĐTBXH như: Thông tư 05/2017/TT-BLĐTBXH ngày 02/3/2017, Thông tư 07/2019/TT-BLĐTBXH ngày 07/3/2019. Trong Quy chế tuyển sinh hàng năm, Trường đã xác định rõ chỉ tiêu tuyển sinh cho từng nghề, trong đó nghề May thời trang có chỉ tiêu tuyển sinh là 50 sinh viên trình độ cao đẳng (bao gồm cả cao đẳng chính quy và cao đẳng liên thông).

Để công tác tuyển sinh đạt kết quả cao, hàng năm trường đã thành lập Hội đồng tuyển sinh, Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh để triển khai công tác tuyển sinh đúng quy trình và quy định (*2.1.02-Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 2.1.03-Quyết định thành lập các tiểu ban tuyển sinh (Ban thư ký, Ban cơ sở vật chất, ban phúc tra) năm 2018, 2019, 2020*). Hội đồng tuyển sinh đã xây dựng và ban hành kế hoạch tuyển sinh (*2.1.04-Kế hoạch tuyển sinh năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021*) và tổ chức hoạt động tuyển sinh cho các ngành nghề đào tạo của trường nói chung và nghề May thời trang nói riêng theo hình thức xét tuyển (*2.1.05-Thông báo tuyển sinh của Trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021*).

Trường thực hiện tiếp nhận hồ sơ tuyển sinh và xét tuyển theo đúng quy định. Kết thúc mùa tuyển sinh, trường đều tổ chức kiểm tra, đánh giá công tác tuyển sinh, lập báo cáo kết quả tuyển sinh năm trước và xác định chỉ tiêu tuyển sinh cho năm sau (*2.1.06-Hồ sơ đăng ký học nghề May thời trang năm 2018, 2019, 2020; 2.1.07-Quyết định trúng tuyển nghề May thời trang năm 2018, 2019, 2020; 2.1.08-Báo cáo về việc kiểm tra hồ sơ của thí sinh trúng tuyển hệ Cao đẳng, trung cấp trong và ngoài trường năm 2018, 2019, 2020; 2.1.09-Báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh năm 2018, 2019, 2020; 2.1.10-Biên bản họp hội đồng tổng kết tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh năm 2018, 2019, 2020, 2021*).

Kết quả tuyển sinh nghề May thời trang, trình độ cao đẳng của Trường trong 3 năm gần đây như sau:

- Năm học 2018-2019: 87/50 SV đạt 174% (trong đó 74 SV hệ cao đẳng, 13 SV hệ liên thông).

- Năm học 2019-2020: 42/50 đạt 84% (36 SV hệ cao đẳng, 06 SV hệ liên thông).

- Năm học 2020-2021: 46/50 đạt 92% (35 SV hệ cao đẳng, 11 SV hệ liên thông).

(*2.1.11-Quyết định thành lập các lớp Cao đẳng nghề May thời trang năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021*)

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2.2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Việc lập Kế hoạch đào tạo và xây dựng tiến độ đào tạo cho từng khóa học theo từng học kỳ, năm học cho các nghề của trường do phòng Đào tạo phối hợp với các khoa thực hiện, căn cứ đặc điểm của từng nghề, theo đúng quy định của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, trong đó có nghề May thời trang trình độ cao đẳng (**2.2.01-Kế hoạch đào tạo nghề May thời trang năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 1.1.01-Bộ chương trình đào tạo nghề May thời trang; 2.2.02-Tiến độ đào tạo nghề May thời trang năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021**).

Căn cứ vào kế hoạch đào tạo và tiến độ đào tạo, Khoa Công nghệ may xây dựng kế hoạch phân công giảng viên và phối hợp với Phòng đào tạo xây dựng thời khóa biểu theo từng học kỳ, chi tiết đến từng mô đun/môn học cho các nghề, trong đó có nghề May thời trang trình độ cao đẳng (**1.2.03-Tổng hợp kế hoạch phân công giảng viên giảng dạy nghề May thời trang năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 2.2.03-Thời khoá biểu các lớp Cao đẳng nghề May thời trang các học kỳ các năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021 và tổng hợp phân công ca thực tập hàng tuần của khoa**). Khi đã có thời khóa biểu, giáo viên sẽ căn cứ vào nội dung, thời lượng đã qui định trong chương trình đào tạo nghề để chuẩn bị hồ sơ giảng dạy chi tiết cho từng môn học, mô đun được phân công (**1.2.08-Hồ sơ giảng dạy của giảng viên nghề May thời trang (Sổ tay giảng viên, sổ lên lớp, giáo án) năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021**).

Nhà trường thực hiện kiểm tra đột xuất, định kỳ và dự giờ giảng của giáo viên ở tất cả các đơn vị để giám sát và đánh giá sự phù hợp của nội dung bài giảng, phương pháp giảng dạy với kế hoạch đào tạo và khả năng người học (**2.2.04-Kế hoạch công tác thanh tra, kiểm tra học kỳ I, II năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 2.2.05-Thông báo về việc củng cố và tăng cường công tác tổ chức đào tạo năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 1.2.09-Báo cáo kết quả công tác thanh kiểm tra nội bộ hàng tháng năm 2018, 2019, 2020**). Nội dung các biên bản kiểm tra và báo cáo đều chứng tỏ giảng viên Khoa Công nghệ may thực hiện tốt các hoạt động đào tạo theo quy định.

Cuối mỗi năm học, mỗi khóa học, Khoa Công nghệ May và Nhà trường đều có báo cáo tổng kết để rà soát và đánh giá hiệu quả của công tác đào tạo, từ đó đặt ra phương hướng hành động phù hợp cho giai đoạn tiếp theo (**1.2.04-Báo cáo kết quả hoạt động năm học và phương hướng nhiệm vụ năm học tới**).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2.3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hiện nay, các giáo viên của trường nói chung và Khoa Công nghệ may nói riêng đang áp dụng đa dạng các phương pháp giảng dạy tích cực, lấy người học làm trung tâm như: phương pháp thảo luận nhóm, phương pháp bốn giai đoạn, phương pháp nêu vấn đề, phương pháp dự án, phương pháp viết tiểu luận hoặc làm bài tập lớn, phương pháp sử dụng mô hình (*1.2.08-Hồ sơ giảng dạy của giáo viên nghề may thời trang năm 2018, 2019, 2020 (Sổ lên lớp, Sổ tay giáo viên, Giáo án); 2.2.04-Kế hoạch công tác thanh tra, kiểm tra học kỳ I, II năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 2.2.05-Thông báo về việc củng cố và tăng cường công tác tổ chức đào tạo năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 1.2.09-Báo cáo kết quả công tác thanh kiểm tra nội bộ hàng tháng năm 2018, 2019, 2020*), giúp sinh viên phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

Qua các báo cáo hoạt động thu thập ý kiến của nhà giáo và người học về chất lượng các phương pháp đào tạo, phần lớn nhà giáo và người học đều đánh giá phương pháp đào tạo hiện nay của trường đáp ứng tốt các yêu cầu kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm. Nhà giáo: Rất tốt trên 50%, tốt trên 40%; Người học: Rất tốt trên 50%, tốt gần 40%, bình thường 10% (*2.3.01-Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến của nhà giáo năm 2018, 2019, 2020 (Kế hoạch, Bộ phiếu thu thập ý kiến của nhà giáo, Danh sách nhà giáo tham gia khảo sát, Báo cáo kết quả thu thập ý kiến của nhà giáo); 2.3.02-Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến của người học năm 2018, 2019, 2020 (Kế hoạch, Bộ phiếu thu thập ý kiến của người học, Danh sách người học tham gia khảo sát, Báo cáo kết quả thu thập ý kiến của người học)*).

Tất cả các hoạt động về đào tạo của Trường đều có cơ sở dữ liệu đặt tại máy chủ phòng Đào tạo. Việc tổ chức quản lý và sử dụng có hiệu quả thông qua việc chia sẻ dữ liệu giữa các đơn vị trong trường bằng việc sử dụng phần mềm Markman (*2.3.03-Hướng dẫn sử dụng phần mềm quản lý đào tạo Markman*). Qua phần mềm quản lý đào tạo, giảng viên và người học được cung cấp tài khoản để truy cập và tra cứu các thông tin. Đối với giảng viên sử dụng phần mềm để nhập điểm thành phần các môn học, giáo vụ Khoa nhập điểm thi kết thúc môn học/moodul, SV truy cập điểm các môn học.

Hàng năm, có nhiều đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường và các sáng kiến cải tiến kỹ thuật liên quan đến việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học được cán

bộ, giáo viên đăng ký thực hiện và đã được Hội đồng khoa học nhà trường nghiệm thu đưa vào ứng dụng (**2.3.04-Đề tài NCKH xây dựng phần mềm trộn đề thi từ ngân hàng câu hỏi**).

Ngoài ra, tất cả các ngành nghề trình độ cao đẳng, trung cấp hiện đang đào tạo của Trường đều được ứng dụng CNTT trong dạy học. Trong đó nghề May thời trang có áp dụng CNTT vào trong giảng dạy dưới một trong các hình thức sau:

- Sử dụng các phần mềm giảng dạy trực tuyến như: Meeting Zoom, Google Classroom, Microsoft Team, Google meet.

- Sử dụng phần mềm hỗ trợ soạn bài giảng điện tử và các phần mềm dựng phim, nhạc như Microsoft PowerPoint, Proshow producer 8.0, Camtasia dựng video ghép nhạc, photoshop vẽ digital painting trên wacom.

- Sử dụng phần mềm trộn đề thi từ ngân hàng câu hỏi, phần mềm McMIX để làm đề thi trắc nghiệm

(2.3.05-Danh sách giáo viên nghề may thời trang sử dụng phần mềm dạy học; 2.3.06-Danh sách các môn học/mô đun nghề may thời trang có sử dụng phần mềm dạy học; 2.3.07-Bài giảng điện tử của giáo viên nghề may thời trang năm 2018, 2019, 2020).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2.4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trong chương trình đào tạo nghề May thời trang trình độ cao đẳng của trường có mô đun thực tập nghề nghiệp và thực tập tốt nghiệp, những mô đun này được bố trí thực hiện tại các cơ quan chuyên môn hoặc tại doanh nghiệp. Nhà trường có các biên bản hợp tác hoặc ký kết các hợp đồng thỏa thuận với các doanh nghiệp liên quan đến nghề trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động (**1.1.06-Hợp đồng thực tập, thực hành nghề May thời trang với các đơn vị sử dụng lao động năm 2018, 2019, 2020**).

Thực hiện các thỏa thuận đã có, căn cứ vào kế hoạch đào tạo hàng năm, Phòng Đào tạo và Khoa Công nghệ may xây dựng kế hoạch đưa HSSV đi thực hành, thực tập tại doanh nghiệp, tham mưu ký kết các hợp đồng đưa HSSV đến thực tập tại doanh nghiệp và trình Hiệu trưởng ban hành các quyết định cử HSSV đi thực tập (**2.2.02-Tiến độ đào tạo nghề May thời trang năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 2.4.01-Quyết định cử HSSV nghề May thời trang đi thực tập tốt nghiệp năm 2018, 2019, 2020**). Hình thức thực tập được nhà trường linh hoạt bố trí theo nhóm, theo lớp hoặc theo cá nhân sinh viên

tùy nhu cầu thực tập đơn lẻ của sinh viên (*2.4.02-Bảng thống kê danh mục các thoả thuận/ hợp đồng thực tập của nghề May thời trang đã bố trí cho HSSV đi thực tập các năm 2018, 2019, 2020*). Ngoài ra, để hoạt động thực tập của HSSV được đảm bảo theo đúng nội dung chương trình đào tạo, căn cứ vào đề xuất của Khoa, Nhà trường ra các quyết định cử giảng viên hướng dẫn sinh viên thực tập tại doanh nghiệp (*2.4.03-Quyết định cử giảng viên nghề May thời trang hướng dẫn thực tập năm 2018, 2019, 2020*).

Trước khi đi thực tập, sinh viên được nhận đề cương hướng dẫn thực tập và bảng chấm công thực tập để thực hiện (*2.4.04-Hồ sơ thực tập của HSSV (Đề cương hướng dẫn thực tập, Bảng chấm công)*). Sau mỗi đợt thực tập, các SV đều phải hoàn thành báo cáo thực tập và có nhận xét, đánh giá và xác nhận của các đơn vị thực tập (*2.4.05-Báo cáo kết quả thực tập của sinh viên nghề May thời trang có nhận xét của Doanh nghiệp năm 2018, 2019, 2020*). Căn cứ vào nội dung báo cáo thực tập và nhận xét của đơn vị sử dụng lao động, giảng viên hướng dẫn chấm điểm thực tập cho sinh viên trình lãnh đạo khoa phê duyệt (*2.4.06-Báo cáo kết quả thực tập của giảng viên nghề May thời trang giảng dạy năm 2018, 2019, 2020 (bảng điểm KQ thực tập)*).

Trong những năm gần đây, 100% người học nghề Công may thời trang trình độ cao đăng trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo (*2.4.07-Danh sách HSSV nghề May thời trang hoàn thành khóa thực tập năm 2018, 2019, 2020*).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2.5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ vào các quy định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Nhà trường đã ban hành Quy chế đào tạo trình độ Cao đẳng, Trung cấp theo niên chế của Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định (*2.5.01-Quy chế đào tạo trình độ Cao đẳng, trung cấp theo niên chế của trường CĐCNĐ*). Nội dung quy chế đã quy định rõ hình thức tổ chức đào tạo; kiểm tra và thi kết thúc môn học, mô đun; thi tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp; cấp giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời, bảng điểm, giấy chứng nhận kết quả học tập, bằng tốt nghiệp.

Công tác tổ chức kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện cho người học được thực hiện theo đúng qui định đã đề ra. Cụ thể:

- Việc tổ chức kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp thực hiện theo kế hoạch đào tạo và tiến độ đào tạo của Trường (*2.2.01-Kế hoạch đào tạo nghề May thời trang năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 2.2.02-Tiến độ đào tạo nghề May thời trang năm học*

2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021; **2.5.02-Kế hoạch thi tốt nghiệp nghề May thời trang năm 2018, 2019, 2020;** **2.5.03-Biên bản xét điều kiện dự thi tốt nghiệp các lớp cao đẳng nghề May thời trang năm 2018, 2019, 2020;** **2.5.04-Quyết định v/v công nhận sinh viên đủ điều kiện thi tốt nghiệp nghề May thời trang năm 2018, 2019, 2020;** **2.5.05-Quyết định thành lập hội đồng thi tốt nghiệp nghề May thời trang năm 2018, 2019, 2020;** **2.5.06-Quyết định thành lập ban thư ký đề thi, coi chấm thi tốt nghiệp).**

Quá trình thi được tổ chức nghiêm túc, khách quan: mỗi phòng thi có 2 giám thị coi thi, ngoài ra còn có giám thị biên, thanh tra đào tạo kiểm tra (**2.5.07-Danh sách cán bộ coi thi tốt nghiệp các lớp cao đẳng nghề May thời trang năm 2018, 2019, 2020**). Mỗi phòng thi phải thực hiện đầy đủ các văn bản theo quy định. Công tác chấm thi cũng được thực hiện rất khách quan: mỗi bài thi của sinh viên đều được cắt phách và do 2 giáo viên chấm độc lập. Sau khi có kết quả thi, Hội đồng thi sẽ họp để đánh giá tình hình, xét và quyết định công nhận tốt nghiệp cho sinh viên đủ điều kiện. Kết quả tốt nghiệp được định kỳ báo cáo với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Nam Định và Tổng cục GDNN theo quy định (**2.5.08-Kết quả thi tốt nghiệp các lớp cao đẳng nghề May thời trang năm 2018, 2019, 2020;** **2.5.09-Biên bản họp xét tốt nghiệp các lớp Cao đẳng nghề May thời trang năm 2018, 2019, 2020;** **2.5.10-Biên bản chấm thi tốt nghiệp;** **2.5.11-Quyết định công nhận tốt nghiệp nghề May thời trang năm 2018, 2019, 2020;** **2.5.12-Danh sách sinh viên được công nhận và xếp loại tốt nghiệp nghề May thời trang;** **2.5.13-Báo cáo kết quả thanh, kiểm tra tổ chức thi tốt nghiệp nghề May thời trang năm học 2018-2019, 2019- 2020, 2020- 2021**).

- Việc đánh giá kết quả học tập, rèn luyện được thực hiện cuối mỗi học kỳ do Hội đồng xét kết quả học tập rèn luyện của HSSV nhà trường thực hiện dựa trên tổng hợp kết quả học tập do Phòng Đào tạo và kết quả rèn luyện do Phòng Công tác HSSV cung cấp. (**2.5.14-Kết quả điểm rèn luyện của HSSV nghề May thời trang năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021**). Kết quả học tập được công khai đến từng HSSV thông qua đơn vị đào tạo và giáo viên chủ nhiệm.

- Việc cấp phát văn bằng, chứng chỉ do bộ phận chuyên trách thuộc Phòng Đào tạo thực hiện. Nhà trường ban hành quy chế quy định về sử dụng phôi bằng tốt nghiệp Trung cấp, Cao đẳng; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp Trung cấp, cao đẳng của Trường. Quy chế này thường xuyên được rà soát, điều chỉnh tùy theo tình hình thực tế (**2.5.15-Quy chế quy định về sử dụng phôi bằng tốt nghiệp Trung cấp, Cao đẳng; in, quản lý cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp Trung cấp, cao đẳng của Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định**). Các văn bản và hồ sơ cấp phát văn bằng, chứng chỉ được quản lý chặt chẽ, đúng quy định, được định kỳ kiểm tra rà soát của đơn vị chuyên môn (**2.5.16-Sổ cấp phát văn bằng chứng chỉ;** **2.5.17-Thông báo về việc kiểm tra thực hiện các quy định về quản lý, cấp phát văn bằng, chứng chỉ đào tạo**). Đến nay chưa có khiếu nại, thắc mắc gì về việc cấp phát văn bằng chứng chỉ của Trường.

Nhà trường có quy định Hồ sơ HSSV căn cứ vào Quy chế tuyển sinh hàng năm dựa trên các quy định của Bộ Lao động Thương binh và xã hội. Hồ sơ HSSV được lưu trữ đầy đủ theo quy định tại phòng Công tác HSSV của trường, bao gồm tối thiểu các giấy tờ sau: Bản sao hợp lệ bằng tốt nghiệp hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời; bản sao hợp lệ học bạ; bản sao hợp lệ giấy khai sinh; giấy báo nhập học; các giấy tờ minh chứng hưởng chế độ ưu tiên theo quy định (*2.5.18-Hồ sơ trúng tuyển nghề May thời trang năm 2018, 2019, 2020*).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2.6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Để các hoạt động dạy và học của Nhà trường được thực hiện hiệu quả, công tác kiểm tra, giám sát được Nhà trường đặc biệt quan tâm. Nhà trường giao cho Phòng QLKH&ĐBCL chủ trì phối hợp với các đơn vị thực hiện công tác kiểm tra giám sát thường xuyên đối với các hoạt động dạy và học. Phòng đã chủ trì cùng các đơn vị liên quan như Phòng Đào tạo, Phòng Công tác HSSV, Khoa Công nghệ may và Thiết kế thời trang tiến hành kiểm tra, giám sát các hoạt động dạy và học của các lớp thuộc nghề May thời trang trong Trường đảm bảo đáp ứng được các mục tiêu dạy học (*2.2.04-Kế hoạch công tác thanh tra, kiểm tra học kỳ I, II năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 2.6.01-Kế hoạch công tác hàng tháng của Khoa Công nghệ May năm 2018, 2019, 2020*).

Việc xây dựng kế hoạch tổ chức, giám sát hoạt động dạy và học của nhà trường nói chung và nghề May thời trang nói riêng được thực hiện sát sao. Việc giám sát được thực hiện định kỳ hoặc đột xuất đảm bảo tính khách quan và hiệu quả, bằng các biện pháp như: kiểm tra hồ sơ giảng dạy (giáo án, sổ tay giáo viên, đề cương bài giảng, thực hiện tiến độ), kiểm tra sổ lên lớp, dự giờ đánh giá quá trình lên lớp của giáo viên, chất lượng của giờ giảng... để có những điều chỉnh kịp thời nhằm nâng cao chất lượng đào tạo (*2.6.02-Thông báo về việc thanh tra thực hiện các quy định trong giảng dạy; 2.6.03-Biên bản dự giờ hàng tháng của Khoa năm 2018, 2019, 2020; 2.6.04-Biên bản kiểm tra thi kết thúc môn học, mô đun; 2.6.05-Nhật ký thanh tra*).

Những kết quả kiểm tra, giám sát các hoạt động dạy và học đều được tổng hợp báo cáo lãnh đạo Nhà trường (*2.6.06-Báo cáo nhanh công tác kiểm tra giảng dạy và học tập; 1.2.09-Báo cáo kết quả công tác thanh kiểm tra nội bộ hàng tháng*). Trong các báo cáo đều có các kiến nghị đề xuất nhằm nâng cao chất lượng dạy và học. Những nội dung kiến nghị đề xuất đều được lãnh đạo nhà trường xem xét đưa ra thảo luận và quyết định điều chỉnh nếu cần thiết (*2.6.07-Thông báo về việc hoàn thiện nghiệp vụ của giảng viên năm học 2018-2019; 2019-2020; 2020-2021*).

Qua tổng hợp ý kiến của nhà giáo và cán bộ quản lý về công tác kiểm tra, giám sát của Nhà trường, mức độ đánh giá các hoạt động kiểm tra, giám sát và cải tiến các phương pháp, công cụ kiểm tra giám sát của Trường nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy như sau: Nhà giáo: Rất tốt trên 60%, tốt trên 30% và đối với Cán bộ quản lý: Rất tốt trên 60%, tốt trên 30% (*2.3.01-Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến của nhà giáo năm 2018, 2019, 2020 (Kế hoạch, Bộ phiếu thu thập ý kiến của nhà giáo, Danh sách nhà giáo tham gia khảo sát, Báo cáo kết quả thu thập ý kiến của nhà giáo); 2.6.08-Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến của cán bộ quản lý năm 2018, 2019, 2020 (Kế hoạch, Bộ phiếu thu thập ý kiến của CBQL, Danh sách CBQL tham gia khảo sát, Báo cáo kết quả thu thập ý kiến của CBQL)*).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2.7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ Thông tư số 27/2017/TT-BLĐTBXH ngày 21/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp, Nhà trường đã ban hành Quyết định số 105/QĐ-CĐCNNĐ ngày 26/2/2018 quy định về đào tạo liên thông giữa các cấp trình độ của nhà trường (*2.5.01-Quy chế đào tạo trình độ Cao đẳng, trung cấp theo niên chế của trường CĐCNNĐ*). Trường đã tiến hành xây dựng chương trình đào tạo liên thông cho các nghề của trường, trong đó có nghề May thời trang (*2.7.01-Chương trình đào tạo liên thông nghề May thời trang*) và thông báo tuyển sinh rộng rãi cùng các thông báo tuyển sinh của Trường (*2.1.05-Thông báo tuyển sinh của Trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021*).

Trong 3 năm gần đây, Nhà trường đã triển khai đào tạo liên thông cho nghề May thời trang từ trình độ trung cấp lên cao đẳng. Hoạt động đào tạo liên thông tuân thủ đúng theo các quy định đã đề ra (*2.7.02-Quyết định về việc công nhận trúng tuyển bậc Cao đẳng liên thông năm 2018, 2019, 2020; 2.7.03-Quyết định thành lập lớp đào tạo liên thông nghề May thời trang năm 2018, 2019, 2020; 2.7.04-Thông báo cho học sinh các môn học/mô đun học trong chương trình liên thông nghề May thời trang năm 2018, 2019, 2020; 2.7.05-Kế hoạch đào tạo toàn khóa năm 2018, 2019, 2020; 2.2.02- Tiến độ đào tạo nghề May thời trang năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 1.2.03-Tổng hợp kế hoạch phân công giảng viên giảng dạy nghề May thời trang năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 2.7.06-Thời khoá biểu các lớp CĐ liên thông nghề May thời trang năm 2018, 2019, 2020*).

Hoạt động kiểm tra, giám sát các lớp đào tạo liên thông được thực hiện như các lớp đào tạo khác của Trường (*2.2.04- Kế hoạch công tác thanh tra, kiểm tra học kỳ I, II năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 2.6.01-Kế hoạch công tác hàng tháng của Khoa*

Công nghệ May năm 2018, 2019, 2020; 2.6.02-Thông báo về việc thanh tra thực hiện các quy định trong giảng dạy; 2.6.03- Biên bản dự giờ hàng tháng của Khoa năm 2018, 2019, 2020; 2.6.04-Biên bản kiểm tra thi kết thúc môn học, mô đun; 2.6.05-Nhật ký thanh tra; 2.6.06-Báo cáo nhanh công tác kiểm tra giảng dạy và học tập; 1.2.09-Báo cáo kết quả công tác thanh kiểm tra nội bộ hàng tháng; 2.6.07-Thông báo về việc hoàn thiện nghiệp vụ của giảng viên năm học 2018-2019; 2019- 2020; 2020- 2021).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7 tiêu chí 2: 2 điểm

2.2.3. Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên

Đánh giá tổng quát tiêu chí 3:

Mở đầu:

Khoa May thời trang có đội ngũ cán bộ quản lý, viên chức và người lao động đáp ứng được yêu cầu về số lượng, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và được đảm bảo quyền lợi theo quy định hiện hành của Nhà nước và của trường.

100% nhà giáo của khoa đảm bảo đạt chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ; có đủ số lượng nhà giáo giảng dạy các môn học, mô đun của chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu giảng dạy. Đội ngũ nhà giáo tích cực tham gia phong trào thi đua dạy tốt như hội giảng nhà giáo dạy giỏi cấp trường, cấp tỉnh, và cấp quốc gia nhằm góp ý rút kinh nghiệm để nâng cao chất lượng giảng dạy; hàng năm đảm bảo thời gian thực tập tại doanh nghiệp theo quy định.

Nhà trường có chính sách đào tạo bồi dưỡng cán bộ, hỗ trợ cả về thời gian và kinh phí cho cán bộ đi học tập bồi dưỡng chuyên môn, nâng cao trình độ. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức nghiệp vụ của khoa thường xuyên được bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý và chuyên môn, kỹ năng nghề...

Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên trong khoa, thể hiện tinh thần trách nhiệm và tính tự giác cao, hàng năm đơn vị và các cá nhân đều hoàn thành các nhiệm vụ được giao theo chức năng nhiệm vụ của đơn vị.

*** Những điểm mạnh**

Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của khoa đều có trình độ chuyên môn, trình độ nghiệp vụ sư phạm dạy nghề đạt chuẩn theo quy định của Bộ Lao động - Thương Binh và Xã hội; có thâm niên, kinh nghiệm cao trong GDNN; thực hiện tốt và đầy đủ nhiệm vụ giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học của nhà trường

Hàng năm 100% nhà giáo tham gia thực tập tại đơn vị sử dụng lao động.

Hàng năm tập thể và các cá nhân trong khoa hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Khoa luôn luôn đảm bảo tỷ lệ nhà giáo/người học cao đẳng nghề may thời trang theo quy định.

*** Những tồn tại:**

Đội ngũ nhà giáo giảng dạy một số lĩnh vực chuyên ngành thời trang còn thiếu cân đối.

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng**

Trên cơ sở nghề trọng điểm đã được phê duyệt theo các cấp độ (quốc tế, khu vực ASEAN, quốc gia); Nhà trường đã xác định mục tiêu, kế hoạch đúng đắn :

- Tập trung nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, nâng cao trình độ cho đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý cho khoa Công nghệ may và Thiết kế thời trang đặc biệt là đội ngũ giáo viên giảng dạy nghề May thời trang

- Tiếp tục chuẩn hóa các điều kiện bảo đảm chất lượng trong giáo dục nghề nghiệp theo chuẩn khu vực và quốc tế; tổ chức, quản lý đào tạo tiên tiến

- Bồi dưỡng chuẩn hóa cho nhà giáo, cán bộ quản lý GDNN; dự thảo tiêu chuẩn người dạy tại các doanh nghiệp; xây dựng và triển khai chương trình chuyên gia quốc tế trong lĩnh vực nghề May thời trang.

Điểm đánh giá tiêu chí 3:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 3	14
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	0
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2
Tiêu chuẩn 8	2

Tiêu chuẩn 3.1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Chuẩn hoá chuyên môn, nghiệp vụ, nâng cao năng lực của đội ngũ nhà giáo là yêu cầu cấp thiết của giáo dục nghề nghiệp hiện nay bởi giáo viên đóng vai trò quan trọng trong việc truyền tải kiến thức, giúp nâng cao chất lượng đào tạo cho sinh viên. Nhận thức rõ tầm quan trọng của việc chuẩn hoá, nâng cao năng lực cho đội ngũ nhà giáo đang trực tiếp tham gia giảng dạy, trong những năm qua nhà trường đã tạo mọi điều kiện cho đội ngũ giảng viên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Hiện nay, 100%

Giảng viên của khoa Công nghệ may và Thiết kế thời trang tham gia giảng dạy các môn học thuộc chuyên môn nghề đều đạt chuẩn theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH13 ngày 27, tháng 11 năm 2014. Trường thực hiện theo thông tư số 08/2017/TTBLĐTBXH, thông tư số 30/2009/TT-BGDĐT; quy định của Điều lệ trường cao đẳng và Quy hoạch mạng lưới các trường đại học và cao đẳng tại Quyết định số 37/2013/QĐ- TTg về việc điều chỉnh Quy hoạch mạng lưới các trường đại học, cao đẳng giai đoạn 2006-2020.

(1) Kết quả đánh giá chuyên môn nghiệp vụ của 17 nhà giáo cơ hữu khoa Công nghệ may và Thiết kế thời trang, tham gia giảng dạy các môn học chuyên môn nghề *(3.1.01–Danh sách trích ngang cán bộ, giáo viên khoa Công nghệ may và Thiết kế thời trang; Tổng hợp bản photo văn bằng, chứng chỉ giáo viên khoa Công nghệ may và Thiết kế thời trang)*.

- Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ : 8 thạc sỹ, đạt 47%; 9 đại học, đạt 53%; trong đó có 03 nam, 14 nữ.

- Trình độ ngoại ngữ: 01 giảng viên có văn bằng 2 tiếng Anh (trường ĐHNN Hà Nội) chiếm 5,6%; 17 giáo viên có trình độ tiếng Anh B1 khung châu Âu và chứng chỉ tiếng Anh giao tiếp, đạt 100%.

- Trình độ tin học : 17/17 giảng viên có chứng chỉ tin học.

- Nghiệp vụ sư phạm: 17/17 giảng viên có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm.

- Kỹ năng nghề: 17/17 giáo viên có trình độ kỹ năng thực hành nghề nghiệp, trong đó: 15 giảng viên có chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia; 03 giảng viên có chứng chỉ kỹ năng nghề do CHLB Đức cấp (trong đó 02 giảng viên có đồng thời chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia); 01 giáo viên có bằng Công nhân kỹ thuật lành nghề bậc 3/7.

(2) Kết quả đánh giá chuyên môn nghiệp vụ của 22 nhà giáo thuộc các khoa Khoa học cơ bản, Kinh tế, Công nghệ thông tin tham gia giảng dạy các môn học chung (giáo dục quốc phòng an ninh, Giáo dục thể chất, giáo dục chính trị....) thuộc chương trình đào tạo nghề May thời trang *(3.1.02-Trích ngang tổng hợp văn bằng chứng chỉ giáo viên tham gia giảng dạy các môn chung nghề May thời trang, phòng tổ chức hành chính)*.

- Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: 12 thạc sỹ, đạt 54,5%; 10 đại học, đạt 45,5%.

- Trình độ ngoại ngữ: 01 thạc sỹ chuyên ngành tiếng Anh; 12 giảng viên có văn bằng tiếng Anh; 09 giảng viên có chứng chỉ B, C tiếng Anh, đạt 100%

- Trình độ tin học: 04 thạc sỹ công nghệ thông tin, 02 giảng viên có bằng đại học, 01 giảng viên có bằng cao đẳng Công nghệ thông tin; 15 giảng viên có chứng chỉ Công nghệ thông tin cơ bản, đạt 100%.

- Nghiệp vụ sư phạm: 22/22 giảng viên có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm.

- Kỹ năng nghề : 05 giảng viên (thuộc chuyên môn giảng dạy tin học) có chứng chỉ kỹ năng nghề.

- Năng lực phát triển nghề nghiệp: Tất cả các cán bộ giảng viên tham gia giảng dạy đều có khả năng sử dụng máy tính để thiết kế giáo án, bài giảng và phục vụ cho công tác chuyên môn.

Đội ngũ giảng viên của khoa Công nghệ may và Thiết kế thời trang không chỉ có năng lực chuyên môn nghiệp vụ tốt mà còn có khả năng đáp ứng được những yêu cầu cao của thực tiễn sản xuất. Nhiều giảng viên tham gia giảng dạy các khoá bồi dưỡng, đào tạo tổ trưởng sản xuất tại các doanh nghiệp may công nghiệp trên địa bàn Nam Định và các tỉnh lân cận. Quá trình giảng dạy đã nhận được phản hồi tích cực từ phía doanh nghiệp *(3.1.03–Bộ quyết định cử giảng viên tham gia giảng dạy các khoá đào tạo nâng cao năng lực quản lý cho các cơ sở công nghiệp nông thôn nghề may)*. Đội ngũ giảng viên được nhà trường phân công giảng dạy theo đúng chuyên môn được đào tạo, đảm bảo trình độ đạt chuẩn theo quy định.

Từ những số liệu nêu trên cho thấy đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy nghề May thời trang cơ bản đạt chuẩn, có đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ chuyên môn theo đúng qui định.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3.2: Hàng năm 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Xác định đúng đắn vai trò, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà giáo là một trong những nhân tố quan trọng thực hiện nhiệm vụ giáo dục, đào tạo và quyết định thành công của nhà trường; đội ngũ giảng viên của nhà trường nói chung, khoa Công nghệ may và Thiết kế thời trang nói riêng luôn chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương, Nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; thực hiện tốt mọi nhiệm vụ được giao.

Căn cứ vào hướng dẫn tại Thông tư 07/2017/TTBLĐTBXH, và 08/2017/TTBLĐTBXH Quy định về chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp; Căn cứ quy chế tổ chức hoạt động của trường *(1.2.01–Quyết định ban hành cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của trường Cao đẳng công nghiệp Nam Định, Quyết định giao nhiệm vụ cho khoa Công nghệ may và Thiết kế thời trang)*. Đồng thời căn cứ vào quy định chế độ làm việc đối với Nhà giáo được bổ sung, sửa đổi hàng năm của trường *(3.2.01–Bộ quy định chế độ làm việc đối với Nhà giáo của Hiệu trưởng trường CĐCNND)*. Ngoài ra còn căn cứ, điều kiện thực tiễn, nhà trường đã tiến hành giao nhiệm vụ cụ thể cho mỗi giảng viên vào đầu mỗi học kỳ /năm học, giúp cho giảng viên có kế hoạch chuẩn bị các điều kiện hoàn thành nhiệm vụ một cách tốt nhất *(3.2.02- Tổng hợp kế hoạch phân công nhiệm vụ và khối lượng giảng dạy của giảng viên năm 2018, 2019, 2020)*.

Trong bản kế hoạch thể hiện rõ quy định về khối lượng, dự kiến nội dung công việc đã được lượng hoá quy đổi ra khối lượng mà giảng viên cần thực hiện trong mỗi học kỳ/năm học. Ngoài bản tổng hợp kế hoạch phân công nhiệm vụ giảng viên đầu học kỳ, trong quá trình thực hiện, các nghiệp vụ phát sinh sẽ có kế hoạch bổ sung, ví dụ như kế hoạch hội giảng, kế hoạch huấn luyện học sinh giỏi, giảng dạy, thực tập tại doanh nghiệp,...

Đội ngũ cán bộ, giảng viên được bố trí giảng dạy, công tác theo chuyên môn và trình độ được đào tạo nhằm phát huy năng lực cá nhân, đảm bảo chất lượng và hiệu quả.

Hàng năm, công tác thi đua-khen thưởng và phân loại, đánh giá cán bộ, viên chức được quan tâm, đây là yếu tố rất quan trọng để động viên, thúc đẩy cán bộ, giảng viên thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của mình trong Nhà trường. Việc hoàn thành nhiệm vụ của từng cá nhân được thể hiện rõ qua kết quả đánh giá phân loại viên chức hàng năm:

* Đối với 22 giáo viên không thuộc khoa giảng dạy các môn chung (*3.2.03-Trích kết quả đánh giá giảng viên tham gia giảng dạy môn chung nghề May thời trang trong 3 năm – phòng Tổ chức hành chính*).

(1) Năm 2018:

- Giáo viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 04, đạt 18,1%.
- Giáo viên hoàn thành tốt nhiệm vụ 12, đạt 54,5%.
- Giáo viên hoàn thành nhiệm vụ 06, đạt 22,4 %.

(2) Năm 2019:

- Giáo viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 08, đạt 36,3%.
- Giáo viên hoàn thành tốt nhiệm vụ 09, đạt 40,9%.
- Giáo viên hoàn thành nhiệm vụ 05, đạt 22,7%.

(3) Năm 2020:

- Giáo viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 02, đạt 9,1%.
- Giáo viên hoàn thành tốt nhiệm vụ 18, đạt 81,1%.
- Giáo viên hoàn thành nhiệm vụ 02, đạt 9,1%.

* Đối với 17 giáo viên trực thuộc khoa Công nghệ may và Thiết kế thời trang (*1.2.05-Bộ kết quả đánh giá phân loại công chức, viên chức khoa Công nghệ may và Thiết kế thời trang năm 2018, 2019, 2020*).

(1) Năm 2018:

- Giáo viên hoàn thành tốt nhiệm vụ 11/17, đạt 64,7%.
- Giáo viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 6/17, đạt 33,3%.

(2) Năm 2019:

- Giáo viên hoàn thành tốt nhiệm vụ 7/17, đạt 41,1%.
- Giáo viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 10/17, đạt 58,9%.

(3) Năm 2020:

- Giáo viên hoàn thành tốt nhiệm vụ 07/17, đạt 41,1%.

- Giáo viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 10/17, đạt 58,9%.

Hiện nay 100% giáo viên trong khoa Công nghệ may và Thiết kế thời trang đều hoàn thành vượt mức khối lượng giảng dạy và các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ theo kế hoạch. Việc hoàn thành nhiệm vụ được thể hiện rõ qua bảng tổng hợp khối lượng giảng dạy và thực hiện nhiệm vụ của giảng viên (*1.2.07-Tổng hợp khối lượng giảng dạy và thực hiện nhiệm vụ giảng viên khoa CN may & TKTT năm học 2017- 2018, 2018-2019,2019- 2020*).

(1) Năm 2018 (Kỳ I, II năm 2018-2019; kỳ I năm 2019) : Tổng khối lượng thực hiện 31539 giờ quy đổi, đạt 100% kế hoạch.

(2) Năm 2019 (Kỳ II năm 2019- 2020): Tổng khối lượng thực hiện 7788 giờ, đạt 100% kế hoạch.

(3) Năm học 2020 (Kỳ I năm 2020- 2021): Tổng khối lượng thực hiện 11056.4 đạt 100% kế hoạch.

Giảng viên trong quá trình thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình luôn chịu sự giám sát của các cấp quản lý về chất lượng, nội dung và phương pháp. Nhà trường thường xuyên thực hiện công tác đánh giá, phân loại giáo viên, trên cơ sở kết quả dự giờ, giám sát đánh giá hoạt động giảng dạy do Ban Giám hiệu, phòng Đào tạo và phòng Quản lý Khoa học & Đảm bảo Chất lượng thực hiện (*1.2.09-Báo cáo kết quả công tác thanh kiểm tra nội bộ hàng tháng năm 2018, 2019, 2020*). Nhà trường còn đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của giảng viên thông qua các phiếu khảo sát và thường xuyên nhận được những thông tin tích cực về giảng viên từ sinh viên (*1.3.03-Bộ phiếu lấy ý kiến phản hồi của HSSV về hoạt động GD của GV khoa CN May TT năm 2018÷2020*).

Nhiều năm qua, Nhà trường đã xây dựng rõ Quy chế, quy định trong trường học, từ đó đã tạo điều kiện cho mọi cán bộ, giảng viên trong khoa Công nghệ may và Thiết kế thời trang nói riêng và cán bộ giáo viên trong toàn trường hoàn thành tốt nhiệm vụ mà nhà trường đã giao.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3.3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/ nhà giáo theo quy định

Mô tả, phân tích, nhận định:

Để thực hiện mục tiêu đào tạo chung cũng như những mục tiêu cụ thể của chương trình nghề may thời trang, trong nhiều năm qua Nhà trường đã xây dựng cơ cấu đội ngũ giảng viên, giáo viên cho khoa Công nghệ may thời trang theo Nghị định 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực GDNN; Thông tư số 07,08/2017 TTBLĐTBXH quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo GDNN và phù hợp điều kiện thực tế của Khoa.

Nội dung đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp được nhà trường thực hiện như sau

Chương trình đào tạo nghề may thời trang có từ 34÷ 37 môn học/mô-đun, trong đó có 7 môn học lý thuyết chung , còn lại là các môn học/ mô-đun chuyên môn (**1.1.01–Bộ Chương trình đào tạo nghề May thời trang**)

Vào đầu mỗi học kỳ, căn cứ vào tiến độ đào tạo của từng khoá, phòng đào tạo đã phối hợp cùng các khoa phân công nhiệm vụ cho giảng viên. Việc phân công nhiệm vụ giảng dạy các lớp cao đẳng nghề May thời trang luôn đảm bảo tiêu chí:

- Giáo viên có năng lực thực hiện nhiệm vụ chuyên môn theo đúng qui định;
- Bố trí giáo viên đứng lớp cho tất cả các học phần theo tiến độ đào tạo, kế hoạch giảng dạy

Các số liệu cụ thể (**1.2.03-Tổng hợp kế hoạch phân công giảng viên giảng dạy nghề May thời trang năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021**) chứng minh như sau:

(1) Năm 2018:

Tổng số môn học,mô đun giảng dạy theo kế hoạch (CD58MF,CD59MF, LC59MF):19

Số nhà giáo được phân công giảng dạy theo kế hoạch: 22 giáo viên.

Số giờ định mức theo kế hoạch của 22 nhà giáo là: 9761

Số giờ phân công (đã quy đổi): 3073,5 đạt 34 %

(2) Năm 2019:

Tổng số môn học,mô đun giảng dạy theo kế hoạch (CD58MF, CD59MF, CD60MF, LC59MF): 28 môn

Số nhà giáo được phân công giảng dạy theo kế hoạch: 23 giáo viên.

Số giờ định mức theo kế hoạch của 22 nhà giáo là: 9589

Số giờ phân công (đã quy đổi): 4614 đạt 48%

(3) Năm 2020:

Tổng số môn học,mô đun giảng dạy theo kế hoạch (CD59MF, CD60MF, CD61MF, LC61MF): 31 môn

Số nhà giáo được phân công giảng dạy theo kế hoạch: 26 giáo viên.

Số giờ định mức theo kế hoạch của 26 nhà giáo là: 10750

Số giờ phân công (đã quy đổi): 3522 đạt 32,8%

Từ những số liệu trên nhận thấy, đối với các lớp cao đẳng nghề may thời trang, số giờ giáo viên được phân công giảng dạy các môn học theo chương trình đào tạo của các lớp luôn thấp hơn số giờ định mức, do vậy có thể nói , nhà trường đảm bảo có đủ nhà giáo thực hiện chương trình cao đẳng nghề may thời trang

Tuy nhiên, nhà trường đào tạo nhiều đối tượng nên ngoài bố trí nhiệm vụ giảng dạy các lớp Cao đẳng nghề may thời trang, khoa còn phân công nhiệm vụ giảng dạy các đối tượng khác, đảm bảo khối lượng giảng dạy cho giáo viên cũng như đáp ứng kế hoạch đào

tạo chung của trường (**3.2.02-Tổng hợp kế hoạch phân công nhiệm vụ và khối lượng giảng dạy của giảng viên năm 2018, 2019, 2020**). Đồng thời nhà trường ký kết hợp đồng giảng dạy với khoa chuyên môn bố trí giáo viên giảng dạy các lớp thuộc quản lý của khoa theo kế hoạch chung của nhà trường (**3.3.01-Bộ hợp đồng giảng dạy khoa Công nghệ may & TKTT năm 2018, 2019, 2020**). Chính vì vậy xét tổng thể khối lượng thực hiện/ giáo viên trong 3 năm đều ở mức bình quân trên 150%.

*** Đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo**

- Tỷ lệ số người học/lớp:

Công tác phân lớp, lập tiến độ, kế hoạch đào tạo, nhà trường thực hiện theo số liệu thực tế (**3.3.02-Bộ quyết định thành lập, danh sách lớp CD59MF1,2, LC59MF, LC60MF, CD60MF; CD61MF, LC61MF; Kế hoạch đào tạo năm 2017-2018, 2019-2020, 2020-2021; 2.2.03-Thời khoá biểu các lớp Cao đẳng nghề May thời trang các học kỳ các năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021 và tổng hợp phân công ca thực tập hàng tuần của khoa**) như sau:

(1) Năm học 2018–2019: Tổng số lớp là 03 lớp trong đó: số học sinh/lớp: 38 Sinh viên/ CD59MF1,2 và 13 sinh viên/ LC59MF.

(2) Năm học 2019–2020: Tổng số lớp là 02 lớp trong đó: số học sinh/lớp: 36 Sinh viên/ CD60MF; 06 sinh viên/ LC60MF.

(3) Năm học 2020–2021: Tổng số lớp là 02 lớp trong đó: số học sinh/lớp: 35 Sinh viên/ CD61MF; 11 sinh viên/ LC61MF.

Căn cứ quy định về quy mô lớp học lý thuyết và thực hành tại Thông tư số 07/2017 TTBLĐTBXH, trường thực hiện đạt về tỷ lệ số người học/lớp

- Tỉ lệ quy đổi người học/ nhà giáo

Đối với các lớp cao đẳng nghề may thời trang (**1.2.03-Tổng hợp kế hoạch phân công giảng viên giảng dạy nghề May thời trang năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 3.3.03-Tổng hợp số liệu sinh viên cao đẳng nghề may thời trang trong 3 năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021**). Nội dung này được nhà trường thực hiện như sau:

(1) Năm 2018:

Tổng số học sinh: 130 SV; tổng số học sinh quy đổi: 87

Tổng số nhà giáo tham gia giảng dạy là 22 người; tỷ lệ quy đổi người học/nhà giáo sẽ là 3,95/1

(2) Năm 2019:

Tổng số học sinh: 117 SV; tổng số học sinh quy đổi: 121

Tổng số nhà giáo tham gia giảng dạy là 23 người; tỷ lệ quy đổi người học/nhà giáo sẽ là 5,26/1

(3) Năm 2020:

Tổng số học sinh: 145 SV; tổng số học sinh quy đổi: 122

Tổng số nhà giáo tham gia giảng dạy là 23 người; tỷ lệ quy đổi người học/nhà giáo sẽ là 5,3/1

Tuy nhiên, song song với đào tạo bậc cao đẳng nhà giáo của trường còn tham gia giảng dạy các lớp trung cấp (**3.3.04-Bảng tổng hợp tỷ lệ quy đổi người học/nhà giáo trong 3 năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021**). Tỷ lệ người học /nhà giáo nói chung được xác định như sau:

(1) Năm 2018: 31,8/1

(2) Năm 2019: 42,8/1

(3) Năm 2020: 42,5/1

Theo nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 8/10/2018 của Chính phủ (quy định tỷ lệ học sinh quy đổi/ nhà giáo : 25/1), Do vậy xét về tổng thể tỷ lệ quy đổi nhà giáo/người học (cao đẳng, trung cấp) không đảm bảo theo quy định

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn không đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 3: 0 điểm

Tiêu chuẩn 3.4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Song song với nhiệm vụ giảng dạy, hoạt động nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến; thiết kế chế tạo thiết bị đồ dùng dạy học; các hội thi nhà giáo dạy giỏi cũng luôn được nhà trường quan tâm có kế hoạch trong phân công nhiệm vụ giảng viên.

Nhà trường có phòng QLKH&ĐBCL với chức năng theo dõi, quản lý và triển khai thực hiện nghiêm chỉnh các quy trình của việc nghiên cứu khoa học và công nghệ do đó việc nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của khoa luôn thuận lợi và đạt được kết quả tốt. Song song với công tác NCKH, các hoạt động chuyên môn như: sinh hoạt trao đổi kinh nghiệm trong tổ bộ môn, dự giảng, rút kinh nghiệm và đặc biệt là các cuộc thi giáo viên dạy giỏi các cấp luôn được lãnh đạo trường và khoa quan tâm, chỉ đạo thực hiện thường xuyên. Thực hiện kế hoạch định kỳ, nhà trường tổ chức các Hội thi Giáo viên dạy giỏi cấp cơ sở, lựa chọn những giáo viên xuất sắc tham dự các cuộc thi giáo viên dạy giỏi cấp cao hơn.

Giảng viên khoa Công nghệ may và Thiết kế thời trang thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, nghiên cứu chế tạo thiết bị đồ dùng dạy học, sáng kiến kinh nghiệm, tham gia hội thi nhà giáo dạy giỏi cụ thể sau:

(1) Năm 2018 : Có 10/17 giáo viên tham gia, trong đó :

- 03 giảng viên thực hiện đề tài chế tạo đồ dùng dạy học ”Thiết kế, chế tạo bộ trình tự may bộ phận chủ yếu áo sơ mi, quần âu” (**3.4.01-Bộ hồ sơ hoạt động nghiên cứu khoa học năm 2018**).

- 07 giáo viên tham gia hội giảng cấp khoa, có 4 giờ giảng đạt loại giỏi, 03 giờ giảng đạt loại khá (**3.4.02-Bộ hồ sơ hội giảng cấp khoa năm học 2017-2018**).

(2) Năm 2019: Có 10/17 giáo viên tham gia, trong đó:

- 03 giảng viên thực hiện đề tài "Nghiên cứu, thiết kế chế tạo một số bộ đồ gá nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm may tại khoa Công nghệ may và Thiết kế thời trang – trường Cao đẳng công nghiệp Nam Định"; 02 giáo viên thực hiện sáng kiến giải pháp cải tiến phương pháp giảng dạy và học tập (3.4.03-Bộ hồ sơ hoạt động nghiên cứu khoa học năm 2019).

- 05 giáo viên tham gia hội giảng cấp trường (3.4.04-Bộ hồ sơ hội giảng cấp trường năm học 2018-2019).

(3) Năm 2020 : Có 9/17 giáo viên tham gia, trong đó :

- 03 giáo viên thực hiện đề tài chế tạo đồ dùng dạy học "Thiết kế, chế tạo bộ trình tự may bộ phận chủ yếu áo jac ket"; 01 giáo viên thực hiện sáng kiến nâng cao chất lượng giảng dạy mô đun Thiết bị may cho sinh viên cao đẳng nghề may thời trang (3.4.05-Bộ hồ sơ hoạt động nghiên cứu khoa học năm 2020).

- 05 giáo viên của khoa được cử tham gia Hội giảng cấp tỉnh (3.4.06-Bộ hồ sơ hội giảng cấp tỉnh 2020; Chứng nhận được tặng giải khuyến khích của ban tổ chức hội giảng nhà giáo GDNN tỉnh Nam Định năm 2020).

Những năm qua phong trào nghiên cứu chế tạo thiết bị, đồ dùng dạy học, các sáng kiến trong đào tạo nghề đã có nhiều khởi sắc. Những đề tài, sáng kiến kinh nghiệm của giáo viên đã và đang ứng dụng vào thực tế giảng dạy các mô- đun chuyên môn nghề May thời trang, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Giảng viên của khoa luôn có ý thức cao trong việc trau dồi chuyên môn nghiệp vụ giảng dạy, chính vì vậy, thông qua các cuộc thi Giáo viên dạy giỏi cấp cơ sở, khoa đã chọn lựa được nhiều giáo viên xuất sắc trong lĩnh vực May thời trang tham dự các kỳ Hội giảng cấp cao. Với kinh nghiệm chuyên môn và khả năng sư phạm vững vàng, tất cả giáo viên tham dự đạt thành tích cao, được sinh viên, đồng nghiệp tôn vinh và học tập. Điều quan trọng hơn cả là thông qua các cuộc thi, giáo viên tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy, nhằm truyền tải đến sinh viên kiến thức, vận dụng hiệu quả vào thực tiễn.

Từ những số liệu, phân tích nêu trên nhận định rằng nhà trường đã thực hiện nội dung đảm bảo tỷ lệ 50% nhà giáo cơ hữu giảng dạy nghề May thời trang tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi theo quy định.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3.5: Hàng năm cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Công tác đào tạo bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo của khoa Công nghệ may và Thiết kế thời trang được xác định là nhiệm vụ thường xuyên, có ý nghĩa quan trọng quyết

định chất lượng đào tạo. Nhận thức được vấn đề quan trọng đó, trong những năm học qua nhà trường đã có kế hoạch phát triển và từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên cả về trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ và ngoại ngữ tin học.

Thực hiện kế hoạch phát triển, chuẩn hoá đội ngũ giáo viên phòng Đào tạo phối hợp phòng Tổ chức Hành chính đề xuất các khóa học bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, tin học, kỹ năng quản lý nhằm nâng cao chất lượng đào tạo thể hiện trong kế hoạch nhiệm vụ năm học hằng năm (*3.5.01-Báo cáo xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức, viên chức giai đoạn 2016- 2020*). Kết quả của công tác đào tạo bồi dưỡng đem lại là trình độ chuyên môn của đội ngũ nhà giáo ngày một nâng cao, đáp ứng các tiêu chí chuẩn hoá chuyên môn, nghiệp vụ (*3.1.01-Danh sách trích ngang cán bộ, giáo viên khoa Công nghệ may và Thiết kế thời trang năm 2018, 2019, 2020; Tổng hợp bản sao văn bằng, chứng chỉ giáo viên khoa Công nghệ may và Thiết kế thời trang*). Số liệu minh chứng cụ thể như sau:

(1) Năm 2018 (*3.5.02-Bộ hồ sơ hoạt động học tập bồi dưỡng của giáo viên khoa Công nghệ may và Thiết kế thời trang năm 2018*):

+16 cán bộ giáo viên tham gia khoá bồi dưỡng Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản của trường Đại học công nghiệp Việt Trì, kết thúc khoá học tất cả đã được cấp chứng chỉ;

+ 06 giáo viên chuyên nghề May thời trang tham gia khoá đào tạo, bồi dưỡng đánh giá kỹ năng nghề quốc gia do Tổng cục GDNN tổ chức.

(2) Năm 2019 (*3.5.03-Bộ hồ sơ hoạt động học tập bồi dưỡng của giáo viên khoa Công nghệ may và Thiết kế thời trang năm 2019*):

+ 07 giáo viên chuyên nghề May thời trang tham gia khoá đào tạo, bồi dưỡng đánh giá kỹ năng nghề quốc gia do Tổng cục GDNN tổ chức

+ 03 giáo viên chuyên nghề May thời trang được cử đi học tập chuyển giao chương trình đào tạo nghề Thiết kế thời trang của CHLB Đức, kết thúc khoá học, các giáo viên đã được cấp chứng chỉ kỹ năng nghề của CHLB Đức

(3) Năm 2020 (*3.5.04-Bộ hồ sơ hoạt động học tập bồi dưỡng của giáo viên khoa Công nghệ may và Thiết kế thời trang năm 2020*):

+ 02 giáo viên chuyên nghề May thời trang tham gia (đã được cấp chứng chỉ) khoá đào tạo, bồi dưỡng đánh giá kỹ năng nghề quốc gia do Tổng cục GDNN tổ chức

+ 01 giáo viên tham gia gia khoá huấn luyện kỹ năng giảng dạy an toàn lao động

Nhà trường còn liên kết với Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội mở lớp đào tạo văn bằng hai tiếng Anh vào thứ bảy, chủ nhật hàng tuần đề tạo điều kiện cho giảng viên của khoa được tham gia học tập và có chế độ hỗ trợ cho các giảng viên theo học, kết quả ngày 04/11/2018 có 01 giảng viên chuyên môn nghề May thời trang đã được nhận bằng tốt nghiệp văn bằng 2 tiếng Anh.

Việc học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên cơ hữu của trường không những chuẩn hoá đội ngũ nhà giáo mà còn giúp cho chất lượng đào tạo ngày một nâng cao, đáp ứng được yêu cầu của người học. Điều đó thể hiện mức độ hài lòng của người học thông qua các khảo sát, đánh giá (*1.3.03- Bộ phiếu lấy ý kiến phản hồi của HSSV về hoạt động giảng dạy của GV khoa CN May TT năm 2018÷2020*).

Từ những phân tích ở trên đi đến khẳng định rằng nhà trường luôn trú trọng đến công tác bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, tin học, kỹ năng quản lý nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3.6: 100% Nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Với mục tiêu giáo dục nghề nghiệp theo hướng ứng dụng, thực hành, bảo đảm đáp ứng nhu cầu nhân lực kỹ thuật công nghệ của thị trường lao động trong nước và quốc tế. Trong những năm qua ngoài việc cử nhà giáo đi học tập nâng cao trình độ nhà trường còn tạo điều kiện cho nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất ứng dụng vào thực tiễn.

Đội ngũ giáo viên khoa Công nghệ may và Thiết kế thời trang là những người đang trực tiếp giảng dạy chuyên môn nghề May thời trang được nhà trường rất quan tâm bồi dưỡng kiến thức thực tiễn. Công tác bồi dưỡng, thực tập tại các doanh nghiệp cho được nhà trường thực hiện theo hướng dẫn chế độ làm việc của nhà giáo quy định tại Thông tư 07/2017/TT-BLĐTBXH- Quy định về chế độ làm việc của nhà giáo GDNN và Quy định đặc thù của nghề May thời trang. Nhà trường nghiên cứu, sắp xếp hợp lý thời gian thực tập của giáo viên tại doanh nghiệp để không ảnh hưởng tới kế hoạch giảng dạy chung của nhà trường; đồng thời kết hợp với doanh nghiệp đảm bảo hài hoà lợi ích của nhà giáo.

- Năm học 2017-2018: 15/17 giáo viên cơ hữu tham gia các hoạt động thực tập trải nghiệm tại doanh nghiệp, lồng ghép hoạt động sản xuất nghề May thời trang trong thời gian 1 tháng, đạt 88, 2% (do 01 giáo viên nghỉ chế độ thai sản, 01 giáo viên chuẩn bị nghỉ chế độ hưu trí nên không tham gia) (*3.6.01-Bộ hồ sơ thực tập tại doanh nghiệp của giáo viên năm 2018*).

- Năm học 2018- 2019: 17/17 giáo viên được cơ hữu cử đi học tập trải nghiệm đạt 100% (*3.6.02-Bộ hồ sơ thực tập tại doanh nghiệp của giáo viên năm 2019; Các quyết định V/v cử viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng tại CHLB Đức, chứng chỉ được cấp tại Đức*) trong đó:

+ 14 giáo viên tham gia các hoạt động thực tập trải nghiệm tại doanh nghiệp, lồng ghép hoạt động sản xuất nghề May thời trang trong thời gian 4 tuần, 03 giáo viên của khoa đi học tập trải nghiệm tại CHLB Đức.

- Năm học 2019- 2020: 17/17 giáo viên cơ hữu khoa CN May & TKTT tham gia hoạt động thực tập trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp, lồng ghép hoạt động sản xuất nghề May thời trang trong thời gian 4 tuần, đạt 100% (*3.6.03-Bộ hồ sơ thực tập tại doanh nghiệp của giáo viên năm 2020*).

Đội ngũ giảng viên trong khoa được cử đi thực tập tại các doanh nghiệp rất nhiệt tình, chăm chỉ chịu khó học hỏi để cập nhật kiến thức mới về kỹ thuật, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý triển khai sản xuất. Do đó giáo viên không những nắm vững kiến thức nghề còn hiểu biết về thực tiễn nghề nghiệp, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới và thực hiện thành thạo các kỹ năng cũng như đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động, tổ chức các hoạt động lao động sản xuất, dịch vụ của nghề. Quá trình giảng viên đi thực tập tại doanh nghiệp không những có thêm kiến thức mà còn nhận được phản hồi tích cực từ phía doanh nghiệp. Điều mang lại quan trọng hơn cả trong quá trình giảng viên thực tập tại doanh nghiệp chính là vững vàng chuyên môn, cập nhật kiến thức thực tiễn, dễ dàng thích ứng với sản xuất.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3.7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường xác định tầm quan trọng của đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên trong thực hiện nhiệm vụ đào tạo của trường nói chung và đào tạo nghề May thời trang nói riêng. Do đó 100% cán bộ, nhân viên khoa Công nghệ may và Thiết kế thời trang đều đạt chuẩn theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH13 ngày 27, tháng 11 năm 2014. Trường thực hiện theo thông tư số 08/2017/TTBLĐTBXH, thông tư số 30/2009/TT-BGDĐT; quy định của Điều lệ trường cao đẳng và Quy hoạch mạng lưới các trường đại học và cao đẳng tại Quyết định số 37/2013/QĐ- TTg về việc điều chỉnh Quy hoạch mạng lưới các trường đại học, cao đẳng giai đoạn 2006-2020.

Hiện nay, cán bộ quản lý của khoa gồm : 01 trưởng khoa, 01 phó khoa cũng đồng thời là giảng viên tham gia giảng dạy. Kết quả đánh giá chuyên môn nghiệp vụ giảng viên và cán bộ quản lý khoa Công nghệ may và Thiết kế thời trang đã được đánh giá đạt yêu cầu tại tiêu chuẩn 3.1.

Bảng trích ngang tổng hợp văn bằng, chứng chỉ cán bộ, nhân viên tại thời điểm tháng 10/2020

Chức danh	Trong đó					Ghi chú
	Đảng viên	Cao cấp LLCT	Trung cấp LLCT	Thạc sĩ	Đại học	
Trưởng khoa	x	x		x		
Phó khoa	x		x	x		
GVKCC					x	

* Trình độ lý luận chính trị

- Cao cấp lý luận chính trị có 01 cán bộ, chiếm 50% (tỷ lệ cán bộ).

- Trung cấp chính trị hoặc tương đương: Phó khoa đang tham dự khoá học, chiếm 50% (tỷ lệ cán bộ) **(3.7.01-Quyết định cử cán bộ đi học lớp TCLLCT)**.

Trong đó trưởng, phó khoa đều là đảng viên, có trình độ thạc sĩ; trưởng khoa có trình độ lý luận chính trị cao cấp **(3.7.02-Thẻ đảng viên, chứng chỉ CCLLCT của trưởng, phó khoa)**, phó khoa đang theo học Trung cấp lý luận chính trị. Cán bộ quản lý khoa Công nghệ may và Thiết kế thời trang có năng lực, trình độ chuyên môn, phẩm chất đạo đức, tư tưởng chính trị vững vàng đáp ứng các tiêu chuẩn của viên chức làm công tác quản lý trong luật viên chức số 58/2010/QH12 và các tiêu chuẩn của nhà giáo GDNN theo quy định tại TT 08/2017/TT-BLĐTB&XH. Đội ngũ quản lý của khoa có năng lực lãnh đạo khoa hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ mà nhà trường giao.

- Nhân viên: 01 đồng chí, đảm nhiệm công việc giáo vụ khoa chuyên trách có bằng đại học chuyên ngành tin kinh tế **(3.1.01-Danh sách trích ngang cán bộ, giáo viên khoa Công nghệ may và Thiết kế thời trang; Tổng hợp bản photo văn bằng, chứng chỉ giáo viên khoa Công nghệ may và Thiết kế thời trang)**. Giáo vụ khoa chuyên trách có đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ được giao đáp ứng các tiêu chuẩn viên chức trong luật viên chức số 58/2010/QH12.

Đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên của khoa cơ bản đạt chuẩn theo quy định có nhiệt huyết và phẩm chất, năng lực, trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu về nhiệm vụ quản lý, đào tạo và NCKH.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3.8: Hằng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ vào Quy chế tổ chức hoạt động và Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ quản lý, và nhân viên **(1.2.01-Quyết định ban hành cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của trường Cao đẳng công nghiệp Nam Định; quyết định giao nhiệm vụ**

cho khoa Công nghệ may và Thiết kế thời trang), đội ngũ quản lý, nhân viên của khoa được phân công nhiệm vụ theo đúng chuyên môn đào tạo, đảm bảo trình độ theo quy định của trường. Nhà trường cũng đã xây dựng đề án vị trí việc làm, xác định công việc cụ thể của từng cá nhân nhằm phát huy năng lực đồng thời làm rõ trách nhiệm, quyền hạn của từng cá nhân trong công tác lãnh đạo, thực hiện nhiệm vụ.

Do trường, phó khoa là giảng viên kiêm nhiệm nên có trách nhiệm thực hiện mọi nhiệm vụ của giảng viên trong kế hoạch đầu học kỳ. Cán bộ quản lý khoa đã hoàn thành các nhiệm vụ giảng viên được giao trong đánh giá tại mục 3.3

Ngoài nhiệm vụ giảng viên, trưởng, phó khoa còn thực hiện nhiệm vụ quản lý theo quy định của trường với những nhiệm vụ trọng tâm gồm:

- a) Quản lý giảng viên, nhân viên và người học thuộc khoa theo phân cấp của hiệu trưởng;
- b) Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục, đào tạo theo kế hoạch chung của trường,

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, căn cứ vào tình hình thực tiễn, trưởng khoa sẽ giao các nhiệm vụ cụ thể cho phó khoa, giáo vụ khoa để hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ mà nhà trường giao.

Phó khoa thực hiện nghiệp vụ quản lý tương tự trưởng khoa, giúp trưởng khoa điều hành mọi hoạt động của khoa, chịu sự phân công, giám sát của trưởng khoa và chịu trách nhiệm khi trưởng khoa vắng mặt.

Giáo vụ khoa chuyên trách thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn phục vụ cho các hoạt động đào tạo của khoa, theo sự phân công của trường, phó khoa.

Việc hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ, nhân viên còn được thể hiện trong Báo cáo tổng kết hoạt động năm học và phương hướng, nhiệm vụ, chỉ tiêu phấn đấu năm học (*1.2.04-Báo cáo kết quả hoạt động năm học và phương hướng nhiệm vụ năm học tới*). Tóm tắt một số thành tích nổi bật trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của đội ngũ cán bộ quản lý trong 3 năm qua như:

- Tập thể khoa luôn hoàn thành vượt mức kế hoạch giảng dạy và hoạt động chuyên môn (đã báo cáo trong tiêu chí 3, tiêu chuẩn 2).
- Công tác biên soạn, chỉnh lý chương trình, giáo trình được thực hiện hàng năm, thường xuyên, kịp thời, (đã báo cáo trong tiêu chí 2, tiêu chuẩn 1).
- Tỷ lệ học sinh, sinh viên khá, giỏi luôn đạt mức cao (báo cáo trong tiêu chí 2, tiêu chuẩn 5).
- Nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng chuẩn hoá cho đội ngũ đạt 100% (đã báo cáo trong tiêu chí 3, tiêu chuẩn 1).

Hội đồng thi đua khen thưởng nhà trường đánh giá việc hoàn thành nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ quản lý thông qua các cuộc họp xét thi đua hàng tháng và tổng kết từng

năm học. Mức độ hoàn thành nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ còn được gắn với việc hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị được giao, đánh giá tổng kết các năm học, đội ngũ cán bộ quản lý khoa đều hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Hằng năm kết quả bình xét thi đua của từng thành viên và của tập thể khoa công nghệ may cũng là một trong những tiêu chí đánh giá năng lực lãnh đạo quản lý, hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ quản lý, nhân viên trong khoa (*1.2.05–Bộ kết quả đánh giá phân loại công chức, viên chức khoa Công nghệ may và Thiết kế thời trang năm 2018, 2019, 2020; 3.8.01-Bộ quyết định công nhận và khen thưởng danh hiệu thi đua cá nhân và tập thể khoa Công nghệ may và Thiết kế thời trang năm học 2017- 2018, 2018-2019, 2019-2020*).

- Năm 2018: Trưởng, phó khoa, giáo vụ khoa đạt lao động tiên tiến

- Năm 2019: Trưởng, phó khoa, giáo vụ khoa đạt lao động tiên tiến; Trưởng khoa đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp cơ sở và Tập thể khoa đạt danh hiệu tập thể lao động xuất sắc.

- Năm 2020: Trưởng, phó khoa, giáo vụ khoa đạt lao động tiên tiến; Trưởng khoa đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp cơ sở và Tập thể khoa đạt danh hiệu tập thể lao động xuất sắc.

Thành tích đạt được của tập thể khoa Công nghệ may và Thiết kế thời trang có phần đóng góp không nhỏ của đội ngũ quản lý, nhân viên của khoa. Từ những số liệu nêu trên, có thể khẳng định rằng cán bộ quản lý, nhân viên khoa Công nghệ may và Thiết kế thời trang luôn hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ mà nhà trường giao.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 3: 2 điểm

2.2.4. Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình

Đánh giá tổng quát tiêu chí 4:

Mở đầu

Có thể nói, chương trình và giáo trình của nghề may thời trang trình độ Cao đẳng được xây dựng phù hợp với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực, nhu cầu học tập của người học và thị trường lao động. Chương trình và giáo trình của nghề may thời trang đều được điều chỉnh, bổ sung để cho phù hợp với tình hình thực tế nhu cầu của xã hội cũng như trang thiết bị máy móc và đội ngũ giáo viên của nhà trường. Ngoài ra, để theo kịp sự đổi mới của chương trình đào tạo trường đã ban hành những quy định về biên soạn giáo trình các môn học và thẩm định theo hướng dẫn thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH.

*** Những điểm mạnh**

Chương trình đào tạo Cao đẳng ngành nghề may thời trang của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo và trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình

thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học chuyên ngành theo quy định.

Chương trình đào tạo nghề may thời trang được xây dựng có sự tham gia của các nhà giáo, cán bộ quản lý GDNN, cán bộ khoa học kỹ thuật của các công ty, doanh nghiệp và đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động. Hàng năm trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với chương trình đào tạo đã ban hành. Chính sửa, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài.

Song song với chương trình, nhà trường có đủ giáo trình các mô đun, môn học của nghề may thời trang để phục vụ giảng dạy. Tất cả các học phần đều có đề cương chi tiết, có bài giảng được dùng chung cho các giáo viên của bộ môn, có các tài liệu tham khảo đáp ứng mục tiêu của các học phần, môn học.

Theo quy định, định kỳ chương trình đào tạo được định kỳ bổ sung, điều chỉnh dựa trên việc tham khảo các chương trình tiên tiến quốc tế, có sự tham khảo ý kiến của các chuyên gia, người học, doanh nghiệp sử dụng lao động. Ngoài ra, chương trình đào tạo nghề may thời trang được thiết kế theo hướng đảm bảo liên thông với trình độ đào tạo cao hơn. Tất cả chương trình đào tạo của Trường được xây dựng hàng năm đều được tuân thủ theo Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, do đó đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Trường có đầy đủ các văn bản về tổ chức xây dựng, biên soạn, nghiệm thu, phê duyệt chương trình theo quy định.

Nhà trường đã thường xuyên tổ chức thu thập ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo, để có sự thay đổi kịp thời đáp ứng được với sự phát triển của thời đại công nghệ 4.0

*** Tồn tại**

Hiện nay, mối quan hệ giữa nhà trường và Đơn vị sử dụng lao động vẫn còn bó hẹp trong một số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh và các tỉnh lân cận, chưa mở rộng được đến doanh nghiệp trong toàn khu vực miền Bắc hay miền Trung nước ta.

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng**

Để phù hợp và đáp ứng được với các yêu cầu thực tế, nhà trường tổ chức thu thập ý kiến các cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, có những điều chỉnh về chương trình, giáo trình đào tạo và nâng cao chất lượng đào tạo để người tốt nghiệp sau khi ra trường đáp ứng được với các yêu cầu của đơn vị sử dụng lao động.

Điểm đánh giá tiêu chí 4

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 4	24
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2
Tiêu chuẩn 8	2
Tiêu chuẩn 9	2
Tiêu chuẩn 10	2
Tiêu chuẩn 11	2
Tiêu chuẩn 12	2

Tiêu chuẩn 4.1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo là yếu tố cốt lõi để chất lượng đào tạo đáp ứng được nhu cầu doanh nghiệp và xã hội. Cùng với các nghề đào tạo của Trường, chương trình đào tạo May thời trang được xây dựng trên cơ sở Luật giáo dục nghề nghiệp và các quy định do Bộ LĐTBXH ban hành với các ngành/ngành đào tạo đã được Bộ cấp phép (**4.1.01-Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN**).

Hàng năm, trường xây dựng kế hoạch rà soát, đánh giá chương trình đào tạo, tiến hành triển khai họp đánh giá về chương trình đào tạo năm trước và đề xuất xây dựng, chỉnh lý, phát triển chương trình đào tạo cho khóa sau (**4.1.02-Kế hoạch rà soát, đánh giá chương trình đào tạo nghề May thời trang các năm 2018, 2019, 2020**). Trên cơ sở đó Trường có kế hoạch xây dựng, chỉnh lý và phát triển chương trình đào tạo cho phù hợp với yêu cầu của các doanh nghiệp và xu hướng phát triển của xã hội (**4.1.03-Kế hoạch xây dựng, phát triển và chỉnh lý chương trình đào tạo nghề May thời trang năm 2018, 2019, 2020**).

Chương trình đào tạo của nghề May thời trang của Trường được xây dựng theo đúng quy định tại Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/03/2017 của Bộ Lao động

thương binh & Xã hội. Nhà trường ra quyết định thành lập các Ban chủ nhiệm/Tổ biên soạn/lựa chọn CTĐT cho nghề *(4.1.04-Quyết định thành lập Tổ biên soạn CTĐT nghề May thời trang năm 2018, 2019, 2020; 4.1.05-Các Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT cấp khoa, trường nghề May thời trang năm 2018, 2019, 2020)*. Trong quá trình xây dựng có đầy đủ hồ sơ xây dựng và các biên bản thẩm định, nghiệm thu chương trình đào tạo *(4.1.06-Các Biên bản nghiệm thu, hiệu chỉnh chương trình tổng quát hệ cao đẳng nghề may thời trang)*. Sau khi nghiệm thu, Hiệu trưởng nhà trường đã ban hành các quyết định ban hành/lựa chọn CTĐT cùng chương trình chi tiết đào tạo bậc Cao đẳng nghề may thời trang *(4.1.07-Quyết định ban hành CTĐT nghề May thời trang)*

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo bậc Cao Đẳng nghề May thời trang của trường được xây dựng đúng theo đúng quy định tại Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/03/2017 của Bộ Lao động thương binh & Xã hội *(4.1.04-Quyết định thành lập Tổ biên soạn CTĐT nghề May thời trang năm 2018, 2019, 2020; 4.1.05-Các Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT cấp khoa, trường nghề May thời trang năm 2018, 2019, 2020; 4.1.06-Các Biên bản nghiệm thu, hiệu chỉnh chương trình tổng quát hệ cao đẳng nghề may thời trang; 4.1.07-Quyết định ban hành CTĐT nghề May thời trang)*. Trong tất cả các hội đồng xây dựng chương trình đào tạo đều có ít nhất một đại diện doanh nghiệp tham gia. Cụ thể:

- Về đánh giá chương trình đào tạo hàng năm và đề xuất xây dựng chỉnh lý, phát triển cho năm tới: 01 đại diện doanh nghiệp.

- Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo: 01 doanh nghiệp

Ngoài ra, trong các hội nghị, hội thảo đóng góp cho chương trình đào tạo của Nghề May thời trang, Trường còn mời thêm các đại diện doanh nghiệp khác tham gia góp ý cho chương trình đào tạo nhằm đáp ứng với thực tiễn của thị trường lao động *(4.2.01-Phiếu đánh giá của các thành viên trong hội đồng thẩm định chương trình đào tạo năm 2018, 2019, 2020; 4.1.06-Các Biên bản nghiệm thu, hiệu chỉnh chương trình tổng quát hệ cao đẳng nghề may thời trang)*.

Như vậy Nhà trường đảm bảo có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo nghề May thời trang.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo là xương sống của toàn bộ quá trình đào tạo tại trường Cao đẳng và là yếu tố có ý nghĩa quyết định chất lượng đào tạo của nhà trường. Do đó, việc xây dựng các chương trình đào tạo của Trường nói chung và chương trình đào tạo nghề May thời trang trình độ cao đẳng nói riêng được Nhà trường hết sức quan tâm.

Chương trình đào tạo nghề May thời trang được xây dựng dựa trên chuẩn đầu ra của nghề May thời trang do Nhà trường xây dựng và ban hành (**1.1.04-Bộ Kế hoạch xây dựng và công bố chuẩn đầu ra năm 2018, 2019, 2020 nghề May thời trang**). Do đó trong chương trình đào tạo Cao Đẳng nghề may thời trang đã thể hiện khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.

Trong nội dung chương trình đào tạo chi tiết của nghề đã thể hiện Mục tiêu đào tạo của nghề, trong đó quy định rõ các yêu cầu về kiến thức chung, kiến thức chuyên môn; kỹ năng cứng, kỹ năng mềm; thái độ và vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp cùng khả năng học tập nâng cao trình độ của người học. Trong từng mô đun/ môn học cũng quy định rõ kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm của người học (**4.1.07- Quyết định ban hành CTĐT nghề May thời trang**).

Trong các phiếu thẩm định chương trình đào tạo nghề May thời trang của các thành viên Hội đồng thẩm định đã thể hiện nội dung nhận xét Mục tiêu của chương trình đào tạo gắn với chuẩn đầu ra (**4.2.01-Phiếu đánh giá của các thành viên trong hội đồng thẩm định chương trình đào tạo năm 2018, 2019, 2020**). Các phiếu thẩm định đều đánh giá Mục tiêu của chương trình đào tạo đạt yêu cầu đề ra và các ý kiến trong hoạt động đào tạo tại trường

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo nghề may thời trang trình độ Cao đẳng được thực hiện trong 3 năm học, sinh viên phải học 37 mô đun gồm 125 tín chỉ. Khối lượng các môn học chung/đại cương là 330 giờ, khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn là 2970 giờ. Về các môn học thì chương trình đào tạo bao gồm 721 giờ lý thuyết, giờ thực hành, thực tập là 2478 giờ, thi và kiểm tra là 101 giờ (**4.1.07-Quyết định ban hành CTĐT nghề May thời trang; 1.1.01-Bộ chương trình đào tạo nghề May thời trang**).

Trong chương trình đào tạo có sơ đồ tiến trình đào tạo thể hiện sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các môn học theo từng học kỳ. Ngoài ra trên sơ đồ còn thể hiện mối liên hệ giữa các môn học trong chương trình đào tạo.

Trong học kỳ 1 sinh viên học 7 môn chủ yếu là các môn chung như Chính trị; Kỹ năng giao tiếp; Pháp luật; Thiết bị may và an toàn lao động; Các đường may cơ bản; Vật liệu may; Giáo dục thể chất, tương đương 21 tín chỉ, học kỳ 2 sinh viên sẽ tiếp cận các môn cơ sở ngành và chuyên ngành gồm 7 môn, tương đương 26 tín chỉ, học kỳ 3 sinh viên bắt đầu học các môn thực hành chuyên môn cơ sở và chuyên sâu gồm 7 môn, tương đương 22 tín chỉ, tại học kỳ 4 sinh viên học các môn chuyên sâu của ngành và các môn tự chọn gồm 6 môn, tương đương 20 tín chỉ, học kỳ 5 sinh viên học 19 tín chỉ, học kỳ 6 sinh viên học 20 tín chỉ.

Nhìn chung, chương trình đào tạo phân bổ các môn hợp lý theo từng học kỳ đảm bảo số lượng môn và tín chỉ của mỗi học kỳ. Các môn học kỳ sau có sự liên kết và kế thừa từ các môn của học kỳ trước. Các môn được sắp xếp từ thấp đến cao, môn chung, cơ sở ngành học trước, chuyên ngành học sau. Kiến thức chuyên ngành được xây dựng theo chương trình Mô đun kết hợp kiến thức và thực tập chuyên ngành giúp các em tiếp thu nhanh hơn và đảm bảo nắm vững kiến thức ngay sau khi được học lý thuyết. Các môn học trong chương trình thể hiện số tín chỉ, số giờ lý thuyết, thực hành, thí nghiệm và số giờ thi, kiểm tra.

Trong các phiếu thẩm định chương trình đào tạo nghề May thời trang của các thành viên Hội đồng thẩm định đều đã đánh giá đạt yêu cầu về cấu trúc chương trình đào tạo, trong đó đánh giá tính hợp lý của các học phần trong CTĐT, thời lượng của từng học phần, tỷ lệ lý thuyết, thực hành, thực tập; kế hoạch giảng dạy; môn thi tốt nghiệp và hình thức thi; đối với các mô đun/môn học trong chương trình đào tạo đều đánh giá phù hợp về việc phân bổ thời gian lý thuyết, bài tập và thực hành (*4.2.01-Phiếu đánh giá của các thành viên trong hội đồng thẩm định chương trình đào tạo năm 2018, 2019, 2020*).

Như vậy, Trường tự đánh giá Chương trình đào tạo nghề May thời trang trình độ Cao đẳng thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo nghề May thời trang của Nhà trường đã được xây dựng, thẩm định và ban hành theo đúng quy định tại Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày

01/3/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (*4.1.07-Quyết định ban hành CTĐT nghề May thời trang*).

Trong nội dung chi tiết của chương trình đào tạo đã nêu rõ những yêu cầu về điều kiện để thực hiện chương trình đối với từng mô đun/môn học đảm bảo cho việc triển khai thực hiện chương trình đào tạo có chất lượng (*1.1.01-Bộ chương trình đào tạo nghề May thời trang*). Cụ thể, đối với mỗi mô đun/môn học, trong Mục IV – Điều kiện thực hiện mô đun/môn học có:

- Yêu cầu về phòng học chuyên môn hoá/nhà xưởng
- Yêu cầu về trang thiết bị, máy móc
- Yêu cầu về học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu
- Yêu cầu về giáo viên.
- Các yêu cầu khác tùy theo điều kiện đặc thù của mô đun/môn học

Các yêu cầu về điều kiện thực hiện trong chương trình đào tạo nghề May thời trang trình độ cao đẳng của Trường cũng phù hợp với yêu cầu về định mức thiết bị nghề và định mức vật tư nghề May thời trang, trình độ cao đẳng ban hành theo Thông tư số 16/2020/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về định mức kinh tế, kỹ thuật cho nghề May thời trang trình độ cao đẳng.

Qua các ý kiến đánh giá, góp ý của các đối tượng liên quan khi xây dựng, chỉnh sửa chương trình đào tạo thì Chương trình đào tạo nghề May thời trang trình độ cao đẳng đã thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng (*4.1.06-Các Biên bản nghiệm thu, hiệu chỉnh chương trình tổng quát hệ cao đẳng nghề may thời trang*).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo nghề May thời trang của Nhà trường đã được xây dựng, thẩm định và ban hành theo đúng quy định tại Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (*4.1.07-Quyết định ban hành CTĐT nghề May thời trang*).

Trong nội dung chi tiết của chương trình đào tạo đã nêu rõ những yêu cầu về nội dung và phương pháp đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun/môn học đảm bảo cho việc triển khai thực hiện chương trình đào tạo có chất lượng (*1.1.01-Bộ chương trình*

đào tạo nghề May thời trang). Cụ thể, đối với mỗi mô đun/môn học, trong Mục V – Nội dung và phương pháp đánh giá có:

- Nội dung đánh giá: bao gồm đánh giá chi tiết về kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm;

- Phương pháp đánh giá: Được đánh giá qua bài viết, kiểm tra, vấn đáp hoặc trắc nghiệm, tự luận, thực hành trong quá trình thực hiện các bài học có trong môn học về kiến thức, kỹ năng và thái độ.

Qua các ý kiến đánh giá, góp ý của các đối tượng liên quan khi xây dựng, chỉnh sửa chương trình đào tạo thì chương trình đào tạo nghề May thời trang trình độ cao đẳng đã thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô đun, môn học của chương trình đào tạo *(4.1.06-Các Biên bản nghiệm thu, hiệu chỉnh chương trình tổng quát hệ cao đẳng nghề may thời trang)*.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ

Mô tả, phân tích, nhận định:

Theo qui định về điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo của nhà trường. Hàng năm Phòng Đào tạo và các khoa chịu trách nhiệm rà soát bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo của Trường nhằm phù hợp với kỹ thuật, công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Nhà trường đã tiến hành xây dựng chương trình đào tạo cho các nghề của Trường phù hợp với Luật Giáo dục nghề nghiệp và tuân thủ đúng theo Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. Thành phần các ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo, thành viên tham gia đóng góp ý kiến và thành viên hội đồng thẩm định ngoài cán bộ, nhà giáo tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đều có thêm thành phần là cán bộ tại các doanh nghiệp sản xuất dịch vụ nhằm đảm bảo chương trình đào tạo của Trường tiếp cận được yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ *(4.1.04-Quyết định thành lập Tổ biên soạn CTĐT nghề May thời trang năm 2018, 2019, 2020; 4.1.05-Các Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT cấp khoa, trường nghề May thời trang năm 2018, 2019, 2020; 4.1.06-Các Biên bản nghiệm thu, hiệu chỉnh chương trình tổng quát hệ cao đẳng nghề may thời trang; 4.1.07-Quyết định ban hành CTĐT nghề May thời trang)*.

Qua các ý kiến đánh giá, góp ý của các đối tượng liên quan khi xây dựng, chỉnh sửa chương trình đào tạo thì Chương trình đào tạo nghề May thời trang trình độ cao đẳng

đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ trong giai đoạn hiện nay *(4.7.01-Hồ sơ xây dựng các chương trình đào tạo nghề May thời trang trình độ Cao đẳng)*.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Đối với nghề May thời trang, Nhà trường được cấp phép đào tạo 3 cấp trình độ Sơ cấp, Trung cấp và Cao đẳng. Trước khi ban hành chương trình đào tạo và tổ chức đào tạo liên thông, Nhà trường đã lập danh mục thực hiện chỉ đạo Khoa Công nghệ may tổ chức rà soát các mô đun, môn học, số tín chỉ để lập bảng đối sánh giữa các mô đun/ môn học của các cấp trình độ nhằm đảm bảo các chương trình đào tạo liên thông được xây dựng theo nguyên tắc kế thừa và tích hợp để giảm tối đa thời gian học lại kiến thức và kỹ năng mà người học đã tích lũy ở các chương trình đào tạo khác. Từ đó, Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào chương trình đào tạo quyết định mô-đun, môn học hoặc nội dung mà người học không phải học lại *(4.8.01-Bảng đối chiếu danh mục các mô đun/môn học người học phải học bổ sung khi học liên thông giữa các cấp trình độ của nghề May thời trang; 4.8.02-Quy định công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và khối lượng kiến thức, kỹ năng đã tích lũy của người học được miễn trừ khi thực hiện chương trình đào tạo liên thông lên các nghề cao đẳng của Trường)*.

Ngoài ra, tất cả chương trình đào tạo của Trường được xây dựng hàng năm đều được tuân thủ theo Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, do đó đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân *(4.8.03-Quyết định phê duyệt và ban hành chương trình đào tạo nghề May thời trang trình độ cao đẳng; 4.8.04-Hồ sơ xây dựng các chương trình đào tạo nghề May thời trang trình độ Cao đẳng)*.

Nhà trường đã có các văn bản hợp tác với Trường Đại học Sao Đỏ có trụ sở chính tại thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Trường trực thuộc Bộ Công thương, vào năm 2018. Theo đó, Trường Đại học Sao Đỏ chấp nhận HSSV các chuyên ngành trình độ Trung cấp và Cao đẳng của Nhà trường phù hợp được tiếp tục học liên thông lên trình độ Đại học của Trường Đại học Sao Đỏ *(4.8.05-Văn bản hợp tác với Trường Đại học Sao Đỏ về việc đào tạo liên thông nghề May thời trang của Trường)*.

Ngoài ra, qua thông báo tuyển sinh đào tạo liên thông lên đại học của các trường đại học trên cả nước như: Đại học SPKT Hưng Yên, Đại học Kinh tế- Kỹ thuật Công nghiệp, Đại học Công nghiệp Hà Nội, Đại học Việt Trì... các trường chấp nhận đối tượng tuyển sinh là HSSV trình độ trung cấp, trung cấp nghề, cao đẳng, cao đẳng nghề được

học liên thông lên đại học (**4.8.06-Các thông báo tuyển sinh đào tạo liên thông của các trường đại học**). Như vậy, HSSV các ngành nghề của trường, trong đó có nghề May thời trang có thể được học liên thông lên đại học ở các trường này.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.9: Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hiện nghề May thời trang trình độ cao đẳng của Trường có 34 mô đun/ môn học. Trong đó có 07 môn học chung, 06 môn học/mô đun cơ sở, 19 mô đun chuyên môn và 02 mô đun tự chọn. Tất cả 34 mô đun/ môn học đều có đủ giáo trình giảng dạy, được phê duyệt và ban hành theo các quyết định số 828 ngày 9/10/2018; Quyết định số 757 ngày 25/9/2019; Quyết định số 661 ngày 04/8/ 2020 (**4.9.01-Các Quyết định vv ban hành sử dụng giáo trình đào tạo lưu hành nội bộ nghề May TT (Quyết định vv ban hành sử dụng giáo trình đào tạo lưu hành nội bộ; Danh mục giáo trình đào tạo biên soạn, lựa chọn năm 2017, 2018, 2020); 4.9.02-Bảng phân công nhiệm vụ biên soạn, lựa chọn giáo trình đào tạo Khoa CN may & thời trang ngày 8/9/2017 (tên các giáo trình biên soạn); 4.9.03-Danh mục giáo trình nghề May thời trang trình độ cao đẳng và các bản in đi kèm**). Ngoài ra, toàn bộ giáo trình của trường nói chung và giáo trình nghề May thời trang trình độ cao đẳng nói riêng đã được số hoá và đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Trường (**4.9.04-Đường link bản mềm giáo trình đào tạo nghề May thời trang trình độ Cao đẳng của Trường**).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Từ năm 2017, khi Luật Giáo dục nghề nghiệp có hiệu lực, Nhà trường đã tiến hành xây dựng, biên soạn cho tất cả giáo trình hiện của các nghề hiện đang đào tạo, đến năm 2020 tiến hành rà soát chỉnh sửa, cập nhật. Tất cả giáo trình của Nhà trường, trong đó có giáo trình nghề May thời trang trình độ cao đẳng đều được xây dựng theo Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình, giáo trình. Cụ thể:

- Lập kế hoạch xây dựng, biên soạn (**4.10.01-Kế hoạch biên soạn, lựa chọn giáo trình đào tạo năm 2017, 2018, 2020**).

- Thành lập các ban chủ nhiệm xây dựng (*4.10.02-Quyết định về việc giao biên soạn, lựa chọn giáo trình đào tạo năm 2017, 2020; 4.10.03-Phân công nhiệm vụ biên soạn giáo trình của các Trường tiểu ban lựa chọn, biên soạn năm 2017, 2020*).

- Thực hiện biên soạn, lựa chọn theo đúng yêu cầu tại Điều 14 và Điều 15, Thông tư 03 2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 01/3/2017 như: Thiết kế cấu trúc giáo trình đào tạo dựa trên mục tiêu và kiến thức cốt lõi của từng chương, từng bài; Tổ chức biên soạn giáo trình dựa trên chương trình chi tiết các môn học, mô đun và hệ thống các tài liệu tham khảo; Tổ chức các hội thảo, xin ý kiến chuyên gia đóng góp cho giáo trình đào tạo; Sửa chữa, biên tập hoàn thiện dự thảo giáo trình (*4.10.04-Biên bản Hội thảo về nội dung chi tiết giáo trình của các ngành, nghề đào tạo năm 2017, 2018, 2020*).

- Thành lập các hội đồng thẩm định và tổ chức thẩm định (*4.10.05-Quyết định thành lập HĐ thẩm định giáo trình đào tạo năm 2017, 2020; 4.10.06-Biên bản thẩm định giáo trình của Hội đồng thẩm định năm 2017, 2018, 2020; 4.10.07-Phiếu đánh giá nghiệm thu giáo trình năm 2017, 2018, 2020; 4.10.08-Tổng hợp xác nhận của các Trường tiểu ban đã chỉnh sửa giáo trình sau thẩm định năm 2017, 2018, 2020*).

- Ra quyết định phê duyệt và ban hành (*4.9.01- Các Quyết định vv ban hành sử dụng giáo trình đào tạo lưu hành nội bộ nghề May TT (Quyết định vv ban hành sử dụng giáo trình đào tạo lưu hành nội bộ; Danh mục giáo trình đào tạo biên soạn, lựa chọn năm 2017, 2018, 2020)*).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực

Mô tả, phân tích, nhận định:

Toàn bộ các mô đun, môn học trong chương trình đào tạo nghề May thời trang trình độ cao đẳng của Trường có giáo trình giảng dạy. Các giáo trình được xây dựng đã thực hiện theo Thông tư 03 2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 01/3/2017 quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. Các giáo trình giảng dạy đã được hội đồng thẩm định nhận xét, đánh giá đã cụ thể hoá các yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng, thái độ cần đạt trong chương trình đào tạo, tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực (*4.10.04-Biên bản Hội thảo về nội dung chi tiết giáo trình của các ngành, nghề đào tạo năm 2017, 2018, 2020; 4.10.06-Biên bản thẩm định giáo trình của Hội đồng thẩm định năm 2017, 2018, 2020; 4.10.07-Phiếu đánh giá nghiệm thu giáo trình năm 2017, 2018, 2020; 4.10.08-Tổng hợp xác nhận của các Trường tiểu ban đã chỉnh sửa giáo trình sau thẩm định năm 2017, 2018; 4.9.01-Các Quyết định vv ban hành*

sử dụng giáo trình đào tạo lưu hành nội bộ nghề May TT (Quyết định vv ban hành sử dụng giáo trình đào tạo lưu hành nội bộ; Danh mục giáo trình đào tạo biên soạn, lựa chọn năm 2017, 2018, 2020); 4.9.03-Danh mục giáo trình nghề May thời trang trình độ cao đẳng và các bản in đi kèm).

Hằng năm, nhà trường cũng thực hiện thu thập ý kiến của các khoa và của nhà giáo trực tiếp tham gia giảng dạy cho việc nâng cao chất lượng của chương trình, giáo trình. Trong đó có đánh giá về việc thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng môn học, mô đun trong chương trình đào tạo. Nội dung thu thập ý kiến được thực hiện trong các đợt sinh hoạt nghiệp vụ chuyên môn của Khoa (**4.11.01-Các biên bản sinh hoạt nghiệp vụ chuyên môn**); trong các phiếu khảo sát cán bộ, giáo viên, doanh nghiệp và cựu HSSV định kỳ hằng năm (**2.3.02- Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến của người học năm 2018, 2019, 2020 (Kế hoạch, Bộ phiếu thu thập ý kiến của người học, Danh sách người học tham gia khảo sát, Báo cáo kết quả thu thập ý kiến của người học)**); **2.3.01-Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến của nhà giáo năm 2018, 2019, 2020 (Kế hoạch, Bộ phiếu thu thập ý kiến của nhà giáo, Danh sách nhà giáo tham gia khảo sát, Báo cáo kết quả thu thập ý kiến của nhà giáo)**; **2.6.08-Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến của cán bộ quản lý năm 2018, 2019, 2020 (Kế hoạch, Bộ phiếu thu thập ý kiến của CBQL, Danh sách CBQL tham gia khảo sát, Báo cáo kết quả thu thập ý kiến của CBQL)**; **1.1.05-Bộ Hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến của Doanh nghiệp năm 2018, 2019, 2020**; **1.1.07-Hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến cựu sinh viên May thời trang năm 2018, 2019, 2020 và 6 tháng đầu năm 2021**). Tổng hợp các ý kiến đánh giá cho thấy nội dung của các giáo trình nghề May thời trang trình độ cao đẳng của Trường đáp ứng được yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo, phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Toàn bộ các mô đun, môn học trong chương trình đào tạo nghề May thời trang trình độ cao đẳng của trường có giáo trình giảng dạy. Các giáo trình được xây dựng đã thực hiện theo Thông tư 03 2017/TT-BLĐT BXH ngày 01/3/2017 quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. Quá trình biên soạn, góp ý và thẩm định giáo trình ngoài sự tham gia của các cán bộ, nhà giáo trong các cơ sở GDNN còn có sự tham gia của các đại diện doanh nghiệp (**4.10.04-Biên bản Hội thảo về nội dung chi tiết giáo trình của các ngành, nghề đào tạo năm 2017, 2018, 2020**; **4.10.06-Biên bản**

thẩm định giáo trình của Hội đồng thẩm định năm 2017, 2018, 2020; 4.10.07-Phiếu đánh giá nghiệm thu giáo trình năm 2017, 2018, 2020; 4.10.08-Tổng hợp xác nhận của các Trưởng tiểu ban đã chỉnh sửa giáo trình sau thẩm định năm 2017, 2018, 2020; 4.9.01-Các Quyết định ban hành sử dụng giáo trình đào tạo năm 2017, 2018, 2020; 4.9.03-Danh mục giáo trình nghề May thời trang trình độ cao đẳng và các bản in đi kèm). Trong các nội dung góp ý, phản biện của Hội đồng đều đánh giá các giáo trình nghề May thời trang trình độ cao đẳng của trường phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Hằng năm, nhà trường cũng thực hiện thu thập ý kiến đánh giá, góp ý của các đơn vị sử dụng lao động, cựu HSSV đã đi làm chất lượng đào tạo, trong đó có nội dung đánh giá sự phù hợp của chương trình, giáo trình với thực tế sản xuất. Đa số ý kiến đánh giá nhận xét mức độ phù hợp của các giáo trình nhà trường nói chung và giáo trình nghề May thời trang trình độ cao đẳng nói riêng đáp ứng được yêu cầu trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ở thời điểm hiện nay (*4.12.07-Hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến của Doanh nghiệp năm 2018, 2019, 2020; 1.1.07-Hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến cựu sinh viên May thời trang năm 2018, 2019, 2020 và 6 tháng đầu năm 2021*).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12, tiêu chí 4: 2 điểm

2.2.5. Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện

Đánh giá tổng quát tiêu chí 5

Mở đầu:

May thời trang là một trong những nghề trọng điểm cấp quốc gia mà trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định đào tạo hệ Cao đẳng trong những năm gần đây. Để nâng cao chất lượng dạy và học, nhà trường rất chú trọng đến chương trình đào tạo. Nhà trường nhận định: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện là tiêu chí quan trọng đảm bảo chất lượng đào tạo các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo nghề May thời trang. Được sự quan tâm của Bộ Công Thương, Bộ Lao động thương binh Xã hội và tỉnh Nam Định, trong những năm qua Trường đã được đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo, mua sách giáo trình, tài liệu tham khảo, biên soạn chương trình và đầu tư bồi dưỡng đội ngũ giảng viên của Khoa Công nghệ may và thiết kế thời trang có trình độ và tay nghề đáp ứng yêu cầu đào tạo nghề và nghiên cứu khoa học.

Về cơ sở vật chất: Để đáp ứng chương trình đào tạo nghề May thời trang, Khoa Công nghệ may và thiết kế thời trang được sử dụng hệ thống phòng học, phòng chuyên môn, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng. Khu giảng đường 5 tầng khang trang với tổng diện tích 7.350 m² được trang bị đầy đủ hệ thống điện chiếu sáng, quạt mát và các thiết bị phục vụ giảng dạy. Hệ thống các nhà để làm phòng thí nghiệm, phòng học chuyên môn được sắp xếp theo Khoa đảm bảo sự tiện lợi trong quản lý

và khai thác sử dụng hiệu quả của trang thiết bị đào tạo. Ngoài ra Trường còn có hệ thống thư viện phục vụ tra cứu tài liệu cho giảng viên và học sinh, sinh viên.

Về thiết bị đào tạo: Khoa Công nghệ may và thiết kế thời trang được nhà trường bàn giao quản lý hệ thống phòng học chuyên môn và xưởng thực hành. Trang thiết bị, đồ dùng dạy học trong nhà xưởng được đầu tư phù hợp với quy định về danh mục thiết bị đào tạo nghề May thời trang theo yêu cầu của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, đạt tiêu chuẩn về mặt kỹ thuật và đảm bảo sức khỏe cho người vận hành. Nhà trường có đủ hệ thống kho đảm bảo yêu cầu lưu trữ vật tư, dụng cụ thực hành cho Khoa.

Thư viện nhà trường được xây dựng 1 tầng với tổng diện tích 586,8 m², có đầy đủ trang thiết bị, các loại giáo trình, tài liệu tham khảo và báo chí cần thiết phục vụ cho hoạt động học tập và nghiên cứu của cán bộ, giáo viên và người học.

*** Những điểm mạnh:**

- Hệ thống phòng học lý thuyết được xây dựng thoáng mát, thông gió tốt, đảm bảo ánh sáng tự nhiên. Các phòng học chuyên môn, xưởng thực hành đảm bảo quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành, có bố trí đèn, quạt, hệ thống ánh sáng phù hợp với nghề May thời trang.

- Thiết bị tại các xưởng thực hành, phòng thí nghiệm, phòng học chuyên môn được lắp đặt hợp lý, đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật đảm bảo thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.

Thư viện nhà trường có đầy đủ trang thiết bị, các loại giáo trình, tài liệu tham khảo và báo chí cần thiết phục vụ cho hoạt động học tập và nghiên cứu của cán bộ, giáo viên và người học.

*** Những tồn tại**

Khu nhà xưởng thực hành may chưa có hệ thống làm mát nên đã ảnh hưởng không nhỏ đến việc dạy và học của giáo viên và sinh viên trong thời tiết nóng nực mùa hè.

Xưởng thực tập sản xuất, thực hành còn thiếu một số trang thiết bị chuyên dùng hiện đại, tiên tiến.

Thư viện chưa thu hút được nhiều sinh viên đến tra cứu tham khảo tài liệu.

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng giai đoạn 2020 – 2025:**

Trên cơ sở phát huy những điểm mạnh cơ sở vật chất thiện có đồng thời tìm kiếm các nguồn tài trợ, nguồn ngân sách cấp hàng năm và hoàn thành dự án: “Chương trình kỹ năng và kiến thức cho tăng trưởng” bằng nguồn vốn ADB để đầu tư cho trang thiết bị giai đoạn 2020 đến 2025 đặc biệt chú trọng đầu tư cho nghề trọng điểm May thời trang.

Cải tạo, nâng cấp các phòng học thực hành, xưởng thực tập sản xuất hiện có để đảm

bảo cơ sở vật chất khang trang. Lắp đặt hệ thống làm mát đảm bảo môi trường học tập tốt bên trong phòng học, nhà xưởng, ...

Liên kết đào tạo, hợp tác sản xuất với các doanh nghiệp là cơ hội để giáo viên và sinh viên có điều kiện tiếp xúc với sản xuất thực tế đồng thời có thêm nguồn thu nhằm tái đầu tư trang thiết bị, bù đắp khấu hao cơ sở vật chất

Nâng cao công tác quản lý, đánh giá hiệu quả sử dụng thiết bị và kiểm soát việc tái sử dụng vật tư thực hành thực tập nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

Tiếp tục đầu tư trang thiết bị trên cơ sở tuân thủ danh mục thiết bị tối thiểu của nghề May thời trang do Bộ Lao động – Thương binh và xã hội ban hành.

Mở rộng quan hệ với doanh nghiệp nhằm khai thác công nghệ, máy móc thiết bị nhằm cải thiện chất lượng đào tạo nghề May thời trang.

Điểm đánh giá tiêu chí 5

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 5	14
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2
Tiêu chuẩn 8	0

Tiêu chuẩn 5.1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Để đáp ứng nhu cầu về cơ sở vật chất đào tạo nghề May thời trang, Khoa Công nghệ may và thiết kế thời trang sử dụng hệ thống phòng học, phòng chuyên môn, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng. Cụ thể:

- Các phòng học lý thuyết nằm trong khu giảng đường khang trang với tổng diện tích 7.370m² gồm khối nhà 5 tầng với 5 đơn nguyên hình chữ E với 50 phòng, có 5 cầu thang chính rộng hơn 2m, hành lang phía trước các dãy rộng từ 2, 5m đến 2, 7m; mỗi tầng bố trí phòng nghỉ cho giáo viên rộng 45m² có công trình phụ khép kín; diện tích các phòng

học từ 63m² đến 90m² có ít nhất 2 cửa ra vào bố trí ở đầu lớp và cuối lớp, một số phòng rộng 150m² ở tầng 1 còn bố trí thêm 1 cửa rộng ở giữa. Một số phòng học chuyên môn phục vụ cho chương trình đào tạo nghề May thời trang được bố trí trong khu giảng đường gồm: 01 phòng lý thuyết chuyên môn, 01 phòng ngoại ngữ, 01 phòng thực hành máy tính, 01 phòng thiết kế mẫu, 01 phòng thực hành may. Các phòng đều có hệ thống đèn chiếu sáng, quạt mát, có nội quy phòng học. Trong các phòng học các thiết bị được bố trí khoa học phù hợp đạt tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9210: 2012 *(5.1.01-Hồ sơ hoàn công các khối công trình (Nhà học lý thuyết, Nhà xưởng thực hành may, Nhà Giảng đường Thư viện, Tuyến cáp ngầm 35KV, TBA 400KVA và đường trục hạ thế, Hệ thống cấp nước, thu gom và xử lý nước thải); 5.1.02-Ảnh phòng học lý thuyết; 5.1.03-Bảng nội quy phòng học lý thuyết; 5.1.04-Ảnh chụp phòng học chuyên môn).*

- Khu nhà xưởng thực hành riêng biệt được xây dựng 2 tầng kiên cố, với diện tích 1.400 m² được thiết kế với 8 phòng thực hành xây dựng đúng tiêu chuẩn, diện tích mỗi phòng đạt từ 90m² trở lên. Để đáp ứng yêu cầu đào tạo nghề May thời trang, Khoa bố trí: 04 xưởng thực hành, 02 xưởng thực tập sản xuất, 01 phòng thiết kế thời trang, 01 phòng chuẩn bị sản xuất, 01 phòng kỹ thuật. Hiện nay Khoa đang tiến hành sắp xếp lại các phòng chuyên môn, xưởng thực hành theo Thông tư số 26/2019/TT- BLĐTBXH ngày 25 tháng 12 năm 2019 với số lượng: 03 Phòng kỹ thuật cơ sở, 01 Phòng ngoại ngữ, 01 Phòng thực hành máy tính, 01 Phòng thiết kế mẫu, 03 Phòng thực hành may cơ bản, 01 Phòng thực hành may chuyên dụng, 03 Xưởng thực tập sản xuất, 01 Phòng chế tạo cữ dưỡng và quản lý vật tư - thiết bị. Đường vào xưởng lớn, hành lang từ 2.5 m trở lên thuận tiện cho việc vận chuyển, lắp đặt và vận hành thiết bị, được trang bị đầy đủ quạt mát, điện chiếu sáng phù hợp với từng xưởng. Tại các xưởng thực hành có đầy đủ nội quy, quy định, bố trí chỗ lên lớp trước khi thực hành, chỗ đặt máy móc, thiết bị thực hành, chỗ chuẩn bị phôi liệu, chỗ để dụng cụ, đồ nghề,... được sắp xếp hợp lý, đủ chỗ đi lại và vận chuyển *(5.1.01-Hồ sơ hoàn công các khối công trình (Nhà học lý thuyết, Nhà xưởng thực hành may, Nhà Giảng đường Thư viện, Tuyến cáp ngầm 35KV, TBA 400KVA và đường trục hạ thế, Hệ thống cấp nước, thu gom và xử lý nước thải); 5.1.05-Ảnh chụp xưởng thực hành; 5.1.06-Bảng nội quy xưởng thực hành).*

Các phòng lý thuyết chuyên môn, các xưởng thực hành phục vụ chương trình đào tạo nghề May thời trang được nhà trường bàn giao cho Khoa Công nghệ May và thiết kế thời trang quản lý, sử dụng *(5.1.07-Biên bản hợp phân công quản lý tài sản khoa CN May và thiết kế thời trang năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021).*

Đối chiếu với quy định tại thông tư 38/2018/TT-BLĐTBXH các phòng học lý thuyết chuyên môn, các xưởng thực hành đáp ứng các quy chuẩn xây dựng.

Xưởng thực hành có đầy đủ hệ thống điện, có quy chuẩn kết cấu, kiến trúc đảm bảo đáp ứng yêu cầu cho việc dạy và học. Hệ thống điện của các xưởng thực hành được

cung cấp từ trạm biến áp 400KVA của Trường theo đường trục hạ thế riêng đảm bảo việc truyền tải điện đáp ứng đủ công suất phục vụ (**5.1.01-Hồ sơ hoàn công các khối công trình (Nhà học lý thuyết, Nhà xưởng thực hành may, Nhà Giảng đường Thư viện, Tuyến cáp ngầm 35KV, TBA 400KVA và đường trục hạ thế, Hệ thống cấp nước, thu gom và xử lý nước thải); 5.1.08-Hợp đồng mua bán điện**). Hệ thống điện trong các xưởng may được thiết kế đảm bảo tính kỹ thuật và thẩm mỹ, đảm bảo nguồn điện an toàn, thuận tiện. Điện dẫn đến các thiết bị được đi trong hệ thống ống dọc theo các dãy máy, được chia đến từng thiết bị qua các ổ cắm; điện chiếu sáng được bố trí qua hệ thống máng đèn đôi tập chung ở giữa các dãy máy, rọi thẳng xuống các thiết bị, tại mỗi vị trí đèn còn có công tắc riêng để sinh viên có thể tắt khi không sử dụng, ngoài ra còn có các đèn chiếu sáng chung để đảm bảo chiếu sáng cho toàn bộ xưởng. Đối với các thiết bị chuyên dùng, vị trí đặt thiết bị đều được bố trí gần các ổ cắm cung cấp điện. Mỗi xưởng đều có hệ thống quạt trần đảm bảo thoáng mát cho giáo viên và sinh viên trong quá trình giảng dạy và học tập, hệ thống điện xưởng thực hành có aptomat tổng, mỗi dãy điện thiết bị đều có aptomat riêng (**5.1.09-Bản vẽ thiết kế điện nhà xưởng Khoa CN May & TKTT**). Hệ thống điện xưởng thực hành được kiểm tra thường xuyên, đảm bảo an toàn, được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định (**5.1.10-Biên bản làm việc kiểm tra hệ thống điện**).

- Hệ thống nước đến các xưởng thực hành được cung cấp từ nguồn nước sạch của toàn trường, nguồn nước sử dụng do Nhà máy nước Nam Định cung cấp từ năm 2010, đảm bảo an toàn cho hoạt động giảng dạy và học tập (**5.1.11-Hợp đồng dịch vụ cấp nước sạch; 5.1.01-Hồ sơ hoàn công các khối công trình (Nhà học lý thuyết, Nhà xưởng thực hành may, Nhà Giảng đường Thư viện, Tuyến cáp ngầm 35KV, TBA 400KVA và đường trục hạ thế, Hệ thống cấp nước, thu gom và xử lý nước thải)**).

Bên cạnh việc đảm bảo quy chuẩn xây dựng, các phòng học, phòng chuyên môn, xưởng thực hành nghề May thời trang còn đáp ứng yêu cầu đào tạo. Cụ thể:

- Về quy mô đào tạo: Căn cứ vào số người học (**2.1.11-Quyết định thành lập các lớp Cao đẳng nghề May thời trang năm học 2018- 2019, 2019-2020, 2020-2021**), số lượng các phòng học lý thuyết chuyên môn và nhà xưởng thực hành Khoa Công nghệ may và thiết kế thời trang được phân công quản lý và sử dụng (**5.1.12-Danh sách các phòng học chuyên môn và xưởng thực hành nghề May thời trang**), căn cứ vào kế hoạch, tiến độ đào tạo các năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020 (**5.1.13-Kế hoạch đào tạo, tiến độ giảng dạy các lớp Cao đẳng nghề May thời trang năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021**) Khoa đã có phương án tổ chức học thực hành bằng hình thức chia nhóm sinh viên thực hành theo ca nên tại các thời điểm có số lượng sinh viên đông nhất các phòng chuyên môn, các xưởng thực hành hiện có vẫn đáp ứng số lượng người học (**2.2.03-Thời khoá biểu các lớp Cao đẳng nghề May thời trang các học kỳ các năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021 và tổng hợp phân công ca thực tập hàng tuần của**

khoa;5.1.14-Danh sách các nhóm sinh viên thực hành các môn học, mô đun các năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021).

- Yêu cầu về điều kiện phục vụ đào tạo: Khu nhà xưởng được xây dựng phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9210: 2012 của trường dạy nghề, đảm bảo các yêu cầu vệ sinh, kiến trúc, chiếu sáng, thông gió, phòng cháy chữa cháy. Hệ thống phòng cháy chữa cháy tại xưởng thực hành có thiết bị phòng hộ, nội quy quy định cụ thể về sử dụng, các yêu cầu về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ được bố trí ở những vị trí dễ quan sát, xử lý đảm bảo quy định (**5.1.05-Ảnh chụp xưởng thực hành; 5.1.15-Ảnh chụp bộ thiết bị, tiêu lệnh, nội quy PCCC**) các tiêu chí đều đạt và vượt quy định. Hàng năm Nhà trường định kỳ được các cơ quan chức năng kiểm tra, đánh giá (**5.1.16-Bộ hồ sơ về hệ thống PCCC (Bản vẽ hoàn công hạng mục phòng cháy và chữa cháy, Biên bản nghiệm thu hệ thống PCCC, Biên bản kiểm tra về PCCC, cứu nạn, cứu hộ các năm 2018, 2019, 2020)**).

Để các hệ thống các phòng chuyên môn, nhà xưởng, các trang thiết bị phục vụ đào tạo nghề May thời trang luôn được vận hành tốt, Tổ Bảo dưỡng cơ sở vật chất thuộc phòng Quản trị vật tư kết hợp với Khoa có trách nhiệm quản lý, bảo trì, bảo dưỡng: hệ thống điện; cấp thoát nước, thông gió, phòng cháy chữa cháy.

- Về yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo: Với các thiết bị chuyên dụng đào tạo nghề May thời trang như: Máy ép mex, máy thừa khuy, máy vắt sổ, máy đính bọ điện tử... được bố trí, lắp đặt trong các xưởng thực hành, các xưởng thực tập sản xuất đảm bảo yêu cầu công nghệ theo đặc điểm của thiết bị về yêu cầu lắp đặt và bảo vệ thiết bị (**5.1.17-Nội quy sử dụng máy chuyên dùng**). Đối với các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động như hệ thống nồi hơi đều được kiểm định an toàn và dán tem kiểm định trên thiết bị trước khi đưa vào sử dụng (**5.1.18-Hình ảnh tem kiểm định trên thiết bị**).

Như vậy, phòng học, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo của nghề May thời trang về quy mô đào tạo và điều kiện phục vụ đào tạo.

Hàng năm trường tiến hành khảo sát thu thập ý kiến của người học, nhà giáo và cán bộ quản lý về Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo, đạt: Sinh viên: Rất tốt: 50%, Tốt: 40%; Bình thường: 10 %; Nhà giáo, cán bộ quản lý: Rất tốt: 60 %, Tốt: 30%; Bình thường: 10% (**2.3.01-Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến của nhà giáo năm 2018, 2019, 2020 (Kế hoạch, Bộ phiếu thu thập ý kiến của nhà giáo, Danh sách nhà giáo tham gia khảo sát, Báo cáo kết quả thu thập ý kiến của nhà giáo); 2.3.02-Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến của người học năm 2018, 2019, 2020 (Kế hoạch, Bộ phiếu thu thập ý kiến của người học, Danh sách người học tham gia khảo sát, Báo cáo kết quả thu thập ý kiến của người học); 2.6.08-Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến của cán bộ quản lý năm 2018, 2019, 2020 (Kế**

hoạch, Bộ phiếu thu thập ý kiến của CBQL, Danh sách CBQL tham gia khảo sát, Báo cáo kết quả thu thập ý kiến của CBQL)).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5.2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Để đáp ứng yêu cầu đào tạo các môn học, mô đun của chương trình đào tạo nghề May thời trang, theo thông tư 26/2015/TT-BLĐTBXH các phòng học lý thuyết chuyên môn, xưởng thực hành và xưởng thực tập sản xuất được bố trí các chủng loại thiết bị, dụng cụ phục vụ đáp ứng yêu cầu đào tạo nghề May thời trang (***1.1.01-Chương trình đào tạo nghề May thời trang trình độ cao đẳng năm 2018, 2019, 2020; 5.1.12-Danh sách các phòng học chuyên môn và xưởng thực hành nghề May thời trang; 5.2.01-Danh sách trang thiết bị chính tại các phòng chuyên môn, xưởng thực hành***). Các chủng loại thiết bị, dụng cụ tại các phòng học chuyên môn, xưởng thực hành là 45 chủng loại, về cơ bản đáp ứng danh mục thiết bị dạy nghề cho các môn học, mô đun nghề May thời trang (***5.2.02-Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có đáp ứng danh mục thiết bị dạy nghề cho các môn học, mô đun***). Bảng đối sánh cho thấy tại các xưởng thực tập sản xuất còn thiếu một số chủng loại thiết bị chuyên môn nghề, hầu hết là các thiết bị hiện đại có kinh phí đầu tư lớn như: Máy thừa khuy đầu tròn, máy đột, máy lộn cổ, máy vắt gấu, máy cuốn ống... Giải pháp khắc phục được đưa ra và áp dụng là: Nhà trường đã hợp đồng thỏa thuận với doanh nghiệp cho phép sinh viên đi thực tập và học tại doanh nghiệp để tiếp cận và thực hành trên các trang thiết bị hiện đại (***5.1.13- Kế hoạch đào tạo, tiến độ giảng dạy các lớp Cao đẳng nghề May thời trang năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 5.2.03-Các văn bản, tài liệu về việc sinh viên thực tập và học tại Doanh nghiệp (Hợp đồng vv tiếp nhận SV trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp; QĐ về việc điều động sinh viên các lớp CĐMF đi thực tập và học tại Doanh nghiệp; Danh sách sinh viên thực tập tại Doanh nghiệp năm học 2018-2019, 2019-2020; QĐ vv cử giảng viên giảng dạy, quản lý học thực hành tại doanh nghiệp)***).

Tại các phòng chuyên môn, xưởng thực hành các chủng loại thiết bị dụng cụ được sử dụng và theo dõi tình trạng hoạt động một cách chặt chẽ, cuối mỗi ca thực hành đều được ghi chép cụ thể vào sổ giao ca (***5.2.04-Sổ giao ca, sổ quản lý thiết bị tại các phòng chuyên môn, xưởng thực hành***). Cuối mỗi năm, Khoa Công nghệ may và thiết kế thời trang đều thực hiện kiểm kê tài sản tại các phòng chuyên môn và xưởng thực hành theo kế hoạch chung của nhà trường nên chủng loại thiết bị, dụng cụ rớt cụ thể trong biên bản. (***5.2.05-Biên bản kiểm kê tại phòng chuyên môn và xưởng thực hành nghề May thời trang năm 2018; 2019; 2020***).

Như vậy thiết bị và công cụ, dụng cụ cơ bản đáp ứng yêu cầu về chủng loại thiết bị của chương trình đào tạo nghề May thời trang.

Mặc dù nguồn kinh phí đầu tư cho mua sắm thiết bị còn hạn hẹp nhưng nhà trường vẫn nhận thức rõ tầm quan trọng của việc đầu tư các chủng loại trang thiết bị để nâng cao chất lượng đào tạo nghề. Với sự chỉ đạo của nhà trường, hiện nay khoa Công nghệ may & thiết kế thời trang đang từng bước tiến hành sắp xếp, bố trí và bổ xung thêm một số chủng loại trang thiết bị hiện đại tại các phòng chuyên môn, xưởng thực hành theo danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu nghề May thời trang của thông tư 26/2019/TT – BLĐT BXH.

Ý kiến của người học, nhà giáo và cán bộ quản lý về đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt: Sinh viên: Rất tốt: trên 50%, Tốt: gần 40%, Bình thường: trên 10 %; Nhà giáo: Rất tốt: trên 60%, Tốt: trên 30% và Cán bộ quản lý: Rất tốt trên 60 %, Tốt: trên 30% (*2.3.01-Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến của nhà giáo năm 2018, 2019, 2020 (Kế hoạch, Bộ phiếu thu thập ý kiến của nhà giáo, Danh sách nhà giáo tham gia khảo sát, Báo cáo kết quả thu thập ý kiến của nhà giáo); 2.3.02-Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến của người học năm 2018, 2019, 2020 (Kế hoạch, Bộ phiếu thu thập ý kiến của người học, Danh sách người học tham gia khảo sát, Báo cáo kết quả thu thập ý kiến của người học); 2.6.08-Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến của cán bộ quản lý năm 2018, 2019, 2020 (Kế hoạch, Bộ phiếu thu thập ý kiến của CBQL, Danh sách CBQL tham gia khảo sát, Báo cáo kết quả thu thập ý kiến của CBQL)*).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5.3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Các trang thiết bị phục vụ đào tạo nghề May thời trang bên cạnh việc đảm bảo chủng loại còn đảm bảo số lượng, đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo. Các phòng học chuyên môn và xưởng thực hành được bố trí các trang thiết bị đáp ứng yêu cầu các môn học, mô đun của chương trình đào tạo. Số lượng trang thiết bị chính ở các phòng học chuyên môn và xưởng thực hành gồm có: 215 máy 1 kim, trong đó có 165 máy 1 kim thường, 50 máy 1 kim điện tử, 06 máy 2 kim, 22 máy vắt sổ, 02 máy thừa khuy đầu bằng, 04 máy đính cúc, 02 máy dập cúc, 02 máy trần đê, 01 máy đính bọ điện tử... (*5.1.12-Danh sách các phòng học chuyên môn và xưởng thực hành nghề May thời trang; 5.2.01-Danh sách trang thiết bị chính tại các phòng chuyên môn, xưởng thực hành*).

Căn cứ vào số người học (*2.1.11-Quyết định thành lập các lớp Cao đẳng nghề May thời trang năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021*), số lượng trang thiết bị chính ở các

phòng học chuyên môn và xưởng thực hành, để đáp ứng quy mô đào tạo về số lượng thiết bị các năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020, Khoa đã có phương án tổ chức học thực hành bằng hình thức chia nhóm sinh viên thực hành theo ca tại các thời điểm có số lượng sinh viên đông nhất *(5.1.13-Kế hoạch đào tạo, tiến độ giảng dạy các lớp Cao đẳng nghề May thời trang năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 2.2.03-Thời khoá biểu các lớp Cao đẳng nghề May thời trang các học kỳ các năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021 và tổng hợp phân công ca thực tập hàng tuần của khoa; 5.1.14-Danh sách các nhóm sinh viên thực hành các môn học, mô đun các năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021)*. Với số lượng thiết bị hiện có tại các phòng thực hành và xưởng thực tập sản xuất đảm bảo 01 máy 1 kim/01 sinh viên, mỗi xưởng đều bố trí các máy chuyên dùng đáp ứng yêu cầu các môn học, mô đun. Vì vậy số lượng thiết bị đáp ứng số người học theo tiêu chuẩn danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu nghề May thời trang. Tại các phòng chuyên môn, xưởng thực hành số lượng thiết bị, dụng cụ được sử dụng và theo dõi tình trạng hoạt động một cách chặt chẽ, cuối mỗi ca thực hành đều được ghi chép cụ thể vào sổ giao ca *(5.2.04-Sổ giao ca, Sổ quản lý thiết bị tại các phòng chuyên môn, xưởng thực hành)*.

Cuối mỗi năm, Khoa Công nghệ may và thiết kế thời trang đều thực hiện kiểm kê tài sản theo kế hoạch chung của nhà trường, nên số lượng thiết bị ở các phòng chuyên môn và xưởng thực hành nghề May thời trang được thể hiện rõ trong biên bản *(5.2.05-Biên bản kiểm kê tại phòng chuyên môn và xưởng thực hành năm 2018; 2019; 2020)*.

Như vậy thiết bị đào tạo bảo đảm đủ số lượng, đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo của nghề May thời trang.

Ý kiến của người học, nhà giáo cũng như cán bộ quản lý khi được lấy ý kiến về việc đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo, đạt: Sinh viên: Rất tốt: Gần 50%, Tốt: trên 40%; Bình thường: trên 10%; Nhà giáo: Rất tốt: trên 60%, Tốt: trên 35% và Cán bộ quản lý: Rất tốt: trên 60%, Tốt: trên 30% *(2.3.01-Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến của nhà giáo năm 2018, 2019, 2020 (Kế hoạch, Bộ phiếu thu thập ý kiến của nhà giáo, Danh sách nhà giáo tham gia khảo sát, Báo cáo kết quả thu thập ý kiến của nhà giáo); 2.3.02-Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến của người học năm 2018, 2019, 2020 (Kế hoạch, Bộ phiếu thu thập ý kiến của người học, Danh sách người học tham gia khảo sát, Báo cáo kết quả thu thập ý kiến của người học); 2.6.08-Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến của cán bộ quản lý năm 2018, 2019, 2020 (Kế hoạch, Bộ phiếu thu thập ý kiến của CBQL, Danh sách CBQL tham gia khảo sát, Báo cáo kết quả thu thập ý kiến của CBQL))*.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5.4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thiết bị, dụng cụ phục vụ chương trình đào tạo nghề May thời trang được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường. Cụ thể:

Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo về cơ bản được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành. Các phòng chuyên môn, xưởng thực hành đều bố trí chỗ lên lớp trước khi thực hành, máy móc, thiết bị được sắp xếp khoa học theo công năng, chỗ chuẩn bị bán thành phẩm, vật liệu, chỗ để dụng cụ, đồ nghề,... được sắp xếp hợp lý, đủ chỗ đi lại và vận chuyển phù hợp tiêu chuẩn quy định. Các vị trí thiết bị, dụng cụ được bố trí thuận tiện cho việc quan sát cũng như vận hành, khoảng cách giữa các dãy máy thuận tiện cho việc di chuyển đi lại của sinh viên trong quá trình thực hành, không bị va chạm vào máy móc thiết bị, mặt khác còn thuận tiện cho việc vận chuyển hoặc đưa các máy chuyên dụng vào kiểm tra, theo dõi, di rời để thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa *(5.4.01-Sơ đồ bố trí thiết bị nhà xưởng thực hành; 5.1.05-Ảnh chụp xưởng thực hành)*.

Thiết bị, dụng cụ phục vụ chương trình đào tạo nghề May thời trang ngoài việc được bố trí hợp lý, thuận tiện nhưng vẫn đảm bảo các yêu cầu về sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường. Sắp xếp các thiết bị, dụng cụ hợp lý cũng giúp quá trình vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường, an toàn lao động ở nhà xưởng thuận lợi cho việc thực hiện theo tiêu chuẩn 5S *(5.4.02-Bảng Tiêu chuẩn 5S tại xưởng thực hành)*. Một số thiết bị chuyên dùng có yêu cầu vận hành chính xác và an toàn lao động cao như: Máy ép mex, máy thùa khuy, máy vắt sổ, máy đính bọ điện tử... đều có nội quy sử dụng thiết bị *(5.1.17-Nội quy sử dụng máy chuyên dùng)*. Đối với các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động như hệ thống nồi hơi, máy ép nhiệt... đều được kiểm định, đánh giá mức độ phù hợp an toàn và dán tem kiểm định trên từng thiết bị trước khi đưa vào sử dụng *(5.1.18-Hình ảnh tem kiểm định trên thiết bị)*. 100% thiết bị, dụng cụ được theo dõi tại sổ giao ca tại các phòng chuyên môn, xưởng thực hành *(5.2.04-Sổ giao ca, Sổ quản lý thiết bị tại các phòng chuyên môn, xưởng thực hành)*.

Ý kiến của người học và cán bộ quản lý về Thiết bị, dụng cụ phục vụ chương trình đào tạo nghề May thời trang được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường: Người học, đạt: Sinh viên: Rất tốt: trên 50%, Tốt: trên 40% còn lại là bình thường; Nhà giáo,: Rất tốt: trên 60%, Tốt: trên 30% và Cán bộ quản lý: Rất tốt: 50 %, Tốt: 50% *(2.3.01-Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến của nhà giáo năm 2018, 2019, 2020 (Kế hoạch, Bộ phiếu*

thu thập ý kiến của nhà giáo, Danh sách nhà giáo tham gia khảo sát, Báo cáo kết quả thu thập ý kiến của nhà giáo); 2.3.02-Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến của người học năm 2018, 2019, 2020 (Kế hoạch, Bộ phiếu thu thập ý kiến của người học, Danh sách người học tham gia khảo sát, Báo cáo kết quả thu thập ý kiến của người học); 2.6.08-Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến của cán bộ quản lý năm 2018, 2019, 2020 (Kế hoạch, Bộ phiếu thu thập ý kiến của CBQL, Danh sách CBQL tham gia khảo sát, Báo cáo kết quả thu thập ý kiến của CBQL)).

Các thiết bị đào tạo nghề có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định. Cụ thể:

Các thiết bị đào tạo đều có hồ sơ quản lý rõ ràng, hồ sơ mua sắm được lưu tại kho lưu trữ; *(5.4.03-Hồ sơ mua sắm thiết bị (Hợp đồng kinh tế; Biên bản bàn giao thiết bị; Bảng danh mục, thông số kỹ thuật của hàng hoá bàn giao; Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng))* và tại các phòng chuyên môn, xưởng thực hành của các lớp may thời trang đều có sổ theo dõi *(5.2.04-Sổ giao ca, Sổ quản lý thiết bị tại các phòng chuyên môn, xưởng thực hành).*

Đối với các thiết bị có độ chính xác cao, thao tác phức tạp như: máy thùa khuy đầu bằng, máy dập cúc, máy kansai, máy di bọ.... người sử dụng phải được đào tạo sử dụng thành thạo trước khi tiến hành sử dụng (nếu không sử dụng thành thạo phải yêu cầu sự trợ giúp của người trực tiếp quản lý trang thiết bị); Trong quá trình sử dụng thiết bị phải tuân thủ nội quy để đảm bảo vệ sinh, an toàn; không để xảy ra sự cố, làm hỏng thiết bị *(5.1.17-Nội quy sử dụng máy chuyên dùng; 5.4.04-Quy chế quản lý tài sản công; 5.4.05-Quy định quản lý, sử dụng phòng thí nghiệm, thực hành).* Một số thiết bị có tần suất sử dụng cao, có tiêu hao nguyên, nhiên vật liệu, thường xuyên phải bảo trì, bảo dưỡng như máy cắt vòng, máy ép mex.... đều được lập sổ lý lịch tài sản để theo dõi tình hình sử dụng, tình hình bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa *(5.4.06-Sổ lý lịch tài sản).*

Cuối mỗi năm học, Phòng Quản trị vật tư sẽ thực hiện kiểm tra đánh giá việc sắp xếp, bố trí thiết bị tại các xưởng thực hành nghề May thời trang làm cơ sở điều chỉnh các trường hợp sắp xếp chưa hợp lý *(5.4.07-Báo cáo đánh giá việc bố trí thiết bị xưởng thực hành May thời trang năm học năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020).*

Do các thiết bị nghề may được bố trí theo các phòng học chuyên môn hóa phù hợp với yêu cầu đào tạo các mô đun chuyên môn nghề nên quá trình sử dụng đảm bảo thiết bị được khai thác rất hiệu quả. 100% thiết bị được sử dụng đúng công năng. *(5.2.01-Danh sách trang thiết bị chính tại các phòng chuyên môn, xưởng thực hành).* Sau khi kết thúc học kỳ, đều phải báo cáo đánh giá tình hình quản lý, sử dụng phòng chuyên môn, xưởng thực hành theo quy định *(5.4.08-Báo cáo tình hình quản lý sử dụng phòng học chuyên môn, xưởng thực hành năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020).*

Việc thực hiện bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo nghề May thời trang được lập kế hoạch theo năm học và thực hiện theo quy trình. Định kỳ vào tháng 5 hàng năm các Khoa sẽ xây dựng kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng thiết bị gửi phòng Quản trị vật tư tổng hợp báo cáo Hiệu trưởng phê duyệt để tổ chức triển khai thực hiện, đáp ứng yêu cầu sử dụng an toàn thiết bị trong quá trình tổ chức đào tạo (*5.4.09-Hồ sơ bảo dưỡng thiết bị tại Khoa Công nghệ may và thiết kế thời trang năm 2018; 2019; 2020 (Kế hoạch; Quyết định; Hợp đồng)*).

Ý kiến của người học, nhà giáo và cán bộ quản lý về Trường có quy định về Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định, đạt: Người học, đạt: Sinh viên: Rất tốt: trên 50%, Tốt: trên 40% còn lại là bình thường; Nhà giáo, : Rất tốt: trên 60%, Tốt: trên 30% và Cán bộ quản lý: Rất tốt: 50%, Tốt: 50% (*2.3.01-Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến của nhà giáo năm 2018, 2019, 2020 (Kế hoạch, Bộ phiếu thu thập ý kiến của nhà giáo, Danh sách nhà giáo tham gia khảo sát, Báo cáo kết quả thu thập ý kiến của nhà giáo); 2.3.02-Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến của người học năm 2018, 2019, 2020 (Kế hoạch, Bộ phiếu thu thập ý kiến của người học, Danh sách người học tham gia khảo sát, Báo cáo kết quả thu thập ý kiến của người học); 2.6.08-Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến của cán bộ quản lý năm 2018, 2019, 2020 (Kế hoạch, Bộ phiếu thu thập ý kiến của CBQL, Danh sách CBQL tham gia khảo sát, Báo cáo kết quả thu thập ý kiến của CBQL)*).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5.5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nguyên, nhiên, vật liệu phục vụ đào tạo nghề May thời trang được bố trí gọn gàng, ngăn nắp, thuận tiện trong kho. Vật tư sau khi nhập về kho sẽ được làm thủ tục nhập kho, người phụ trách kho (thủ kho) phải thực hiện phân loại, sắp xếp trong kho theo thứ tự, đảm bảo xếp dỡ phù hợp và không ảnh hưởng đến chất lượng vật tư cũng như thuận lợi cho công tác quản lý, kiểm kê đánh giá định kỳ. Kho vật tư có diện tích 74, 8m² nằm tại tầng 1 của khu nhà 3 tầng trong khu vực trường nên đảm bảo an ninh, xung quanh có nhiều cây xanh bao phủ, có đầy đủ quạt mát, điện chiếu sáng đảm bảo điều kiện bảo quản vật tư theo yêu cầu. Kho vật tư được trang bị các bình chữa cháy để phục vụ công tác chữa cháy tại chỗ khi có sự cố xảy ra. Vật tư tại kho được xếp trên các giá để đồ theo từng chuyên ngành thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng (*5.5.01-Hình ảnh kho vật tư*)

Các nguyên, nhiên, vật liệu được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định.

Quản lý: Trên cơ sở chương trình đào tạo, Khoa xây dựng định mức vật tư cho từng môn học, mô đun và được nhà trường phê duyệt (*1.1.01-Bộ chương trình đào tạo nghề May thời trang; 5.5.02-QĐ phê duyệt định mức kinh tế kỹ thuật đào tạo nghề May thời trang; 5.5.03-Định mức vật tư cho các môn học, mô đun nghề May thời trang hệ cao đẳng*). Hiện nay định mức vật tư môn học, mô đun đang được điều chỉnh theo Thông tư số 16/2020/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Trường có quy định cụ thể về việc cấp phát, sử dụng vật tư trong đào tạo. Theo quy định này, hàng tháng các đơn vị căn cứ kế hoạch đào tạo cụ thể và căn cứ dự trù vật tư theo năm học tiến hành lập dự trù vật tư tháng (*5.1.13-Kế hoạch đào tạo, tiến độ giảng dạy các lớp Cao đẳng nghề May thời trang năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 5.5.04-Dự trù vật tư tháng*), chuyển Phòng Quản trị vật tư tổng hợp trình Hiệu trưởng xem xét và phê duyệt kế hoạch mua sắm (*5.5.05-Bảng tổng hợp dự trù vật tư tháng*). Phòng Quản trị vật tư tiến hành làm thủ tục mua sắm vật tư đảm bảo thời gian, đúng tiến độ và kịp thời theo quy định (*5.5.06-Phiếu nhập kho*). Trong quá trình sử dụng vật tư phải tận dụng nhằm tiết kiệm kinh phí và nâng cao hiệu quả sử dụng (*5.5.07-Quy định cung ứng, quản lý vật tư, hàng hóa, và dịch vụ các hoạt động của nhà trường*).

Cấp phát: Trước thời điểm hướng dẫn thực hành, thực tập theo thời khoá biểu các môn học, mô đun (*2.2.03-Thời khoá biểu các lớp Cao đẳng nghề May thời trang các học kỳ các năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021 và tổng hợp phân công ca thực tập hàng tuần của khoa*) căn cứ vào định mức vật tư cho các môn học mô đun nghề May thời trang, giảng viên giảng dạy viết giấy xin lĩnh vật tư, phòng Quản trị vật tư ban hành phiếu xuất kho, giảng viên giảng dạy trực tiếp nhận vật tư tại kho (*5.5.08-Giấy xin lĩnh vật tư của môn học, mô đun; Phiếu xuất kho; 5.5.03-Định mức vật tư cho các môn học, mô đun nghề May thời trang hệ cao đẳng*). Giảng viên hướng dẫn cấp phát vật tư - dụng cụ cho người học với số lượng theo yêu cầu của môn học, mô đun.

Sử dụng: Khoa Công nghệ may và thiết kế thời trang được giao quản lý, chủ động lên kế hoạch sử dụng vật tư- dụng cụ thực hành, thực tập sao cho hiệu quả, tiết kiệm. Không được sử dụng vật tư- dụng cụ của Trường vào mục đích cá nhân hay không đúng mục đích, nội dung đào tạo của môn học, mô đun. Khoa phải theo dõi, quản lý chặt chẽ vật tư khi được cấp phát sử dụng cho đến khi hoàn thành công việc. Hàng tháng Khoa phải làm báo cáo tình hình sử dụng và thu hồi vật tư sau sử dụng, qua đó đánh giá mức độ sử dụng và tận dụng vật tư của đơn vị (*5.5.09-Báo cáo quyết toán vật tư, hàng hoá sử dụng*). Hàng năm, khoa làm đề nghị thu hồi vật tư công cụ, dụng cụ sau khi sử dụng phòng Quản trị vật tư định kỳ tiến hành kiểm kê vật tư thu hồi theo quy định (*5.5.10-Đề nghị thu hồi; Biên bản thu hồi vật tư công cụ, dụng cụ sau khi sử dụng*).

Ý kiến của người học, nhà giáo và cán bộ quản lý về nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo, đạt: Sinh viên: Rất tốt: trên 50%, Tốt: trên 40%; Nhà giáo: Rất tốt: trên 60%, Tốt: trên 30% và cán bộ quản lý Rất tốt: 50%, Tốt: 50% *(2.3.01-Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến của nhà giáo năm 2018, 2019, 2020 (Kế hoạch, Bộ phiếu thu thập ý kiến của nhà giáo, Danh sách nhà giáo tham gia khảo sát, Báo cáo kết quả thu thập ý kiến của nhà giáo); 2.3.02-Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến của người học năm 2018, 2019, 2020 (Kế hoạch, Bộ phiếu thu thập ý kiến của người học, Danh sách người học tham gia khảo sát, Báo cáo kết quả thu thập ý kiến của người học); 2.6.08-Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến của cán bộ quản lý năm 2018, 2019, 2020 (Kế hoạch, Bộ phiếu thu thập ý kiến của CBQL, Danh sách CBQL tham gia khảo sát, Báo cáo kết quả thu thập ý kiến của CBQL))*.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5.6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Để phục vụ cho việc đào tạo nghề May thời trang trình độ cao đẳng, Thư viện có đủ giáo trình các môn học, mô đun thuộc chương trình đào tạo, đã được Trường phê duyệt. Các giáo trình được tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định theo quy định của TT03/2017/TT-BLĐTBXH. Các giáo trình đáp ứng các môn học, mô đun của chương trình đào tạo nghề May thời trang *(1.1.01-Chương trình đào tạo nghề may thời trang trình độ cao đẳng năm 2018, 2019, 2020; 4.9.01-Các Quyết định vv ban hành sử dụng giáo trình đào tạo lưu hành nội bộ nghề May TT (Quyết định vv ban hành sử dụng giáo trình đào tạo lưu hành nội bộ; Danh mục giáo trình đào tạo biên soạn, lựa chọn năm 2017, 2018, 2020))*. Các giáo trình được lưu trữ tại Thư viện, kho lưu trữ sách, giáo trình, tài liệu với diện tích là 60m² được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để bảo quản tài liệu lưu trữ tại thư viện như: Các giá để tài liệu, điện chiếu sáng, quạt mát, điều hòa và các bình chữa cháy *(5.1.01-Hồ sơ hoàn công các khối công trình (Nhà học lý thuyết, Nhà xưởng thực hành may, Nhà Giảng đường Thư viện, Tuyến cáp ngầm 35KV, TBA 400KVA và đường trục hạ thế, Hệ thống cấp nước, thu gom và xử lý nước thải); 5.6.01-Ảnh chụp kho lưu trữ Thư viện)*. Mỗi đầu giáo trình được lưu trữ cả bản cứng và bản điện tử và mỗi loại giáo trình đều có tối thiểu 05 bản in. Hiện tại, thư

viện đang lưu thông 37 đầu giáo trình nội bộ đào tạo nghề May thời trang trình độ cao đẳng với số lượng hơn 185 cuốn, *(4.9.01-Các Quyết định vv ban hành sử dụng giáo trình đào tạo lưu hành nội bộ nghề May TT (Quyết định vv ban hành sử dụng giáo trình đào tạo lưu hành nội bộ; Danh mục giáo trình đào tạo biên soạn, lựa chọn năm 2017, 2018, 2020); 5.6.02-Bản in các giáo trình đã được phê duyệt).*

Ngoài các giáo trình chính của môn học, mô đun Thư viện còn có các Giáo trình, sách, tạp chí và tài liệu tham khảo nghề May thời trang từ các nhà xuất bản được cấp phép của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đều được lưu trữ tối thiểu từ 5 bản in *(5.6.03-Biên bản kiểm kê công cụ, dụng cụ, mô hình các năm 2018, 2019, 2020; 5.6.04-Báo cáo kiểm kê sách thư viện các năm 2018, 2019, 2020; 5.6.05-Bản in sách, tạp chí, tài liệu tham khảo).*

Căn cứ vào số lượng người đọc cho thấy số lượng giáo trình, sách, tạp chí, tài liệu tham khảo đáp ứng 05 đầu sách/người học *(2.1.11-Quyết định thành lập các lớp Cao đẳng nghề May thời trang năm học 2018- 2019, 2019-2020, 2020-2021; 5.6.06-Số mượn sách thư viện năm 2018, 2019, 2020).*

Giáo trình các môn học, mô đun của chương trình đào tạo nghề May thời trang trình độ cao đẳng được số hoá và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo. Cụ thể:

Trong thời đại công nghệ 4.0, việc tìm kiếm tài liệu tại thư viện và Internet diễn ra thường xuyên. Để phù hợp với sự phát triển đó, Thư viện đã ứng dụng công nghệ thông tin vào việc quản lý, số hoá mục lục, giới thiệu tài liệu hiện có trong kho sách để đưa lên website Thư viện số *(5.6.07-Trang Web <http://thuvienso.cnd.edu.vn/>; Danh mục tài liệu)* qua trang web, sinh viên, giáo viên có thể tra cứu tài liệu cần thiết, sau đó đến thư viện để mượn và theo dõi.

Hiện tại, Trung tâm Truyền thông-Thư viện đang sử dụng hệ thống thư viện điện tử song song cùng thư viện truyền thống *(5.6.08-Phần mềm thư viện điện tử; Phần mềm quản lý thư viện)*. Nhà trường lắp đặt và phát triển các điểm phát wifi phủ khắp các khu vực trong trường, đây là điểm thuận lợi cho việc tìm kiếm tài liệu thư viện theo mục lục điện tử *(5.6.09-Hợp đồng cung cấp dịch vụ VNN/Internet trực tiếp số: 1109/TTKD/VNPTTTH-CĐCNNĐ/HĐINTTT ngày 11/9/2020)*. Trung tâm đã và đang số hóa mục lục tài liệu trong thư viện theo cấu trúc Marc21 phù hợp với tìm kiếm liên thư viện. Thường xuyên tìm kiếm tài liệu mở để đưa vào thư viện điện tử nhằm phục vụ cho ngành May thời trang. Ngoài ra, nhà trường liên tục cập nhật chương trình đào tạo, tổ chức biên soạn giáo trình đào tạo nghề May thời trang phù hợp với sự phát triển của xã hội, các giáo trình được số hoá và đưa lên thư viện điện tử giúp sinh viên và giáo viên có thể tải về để làm tài liệu tự học.

Các tài liệu điện tử được tổ chức thành các thư mục theo chuẩn phân loại tài liệu thư viện, 100% giáo trình và tài liệu tham khảo của nghề May thời trang được số hóa và tích hợp trên phần mềm giúp cho người đọc dễ dàng tra cứu và truy cập thông tin. Cơ sở dữ liệu điện tử các loại, tài liệu bao gồm giáo trình, sách tham khảo, luận văn báo cáo thực tập nghề May thời trang *(5.6.10-Danh mục tài liệu điện tử)*.

Một trong số các nội dung của báo cáo hàng năm của Thư viện là số lượt truy cập thư viện điện tử *(5.6.11-Lượt truy cập thư viện điện tử; 5.6.12-Phiếu khảo sát bạn đọc)*, và Tổng hợp ý kiến khảo sát của nhà giáo và người học về Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo: Sinh viên: Rất tốt: Trên 50 %, Tốt: trên 40%; Nhà giáo: Rất tốt: trên 60 %, Tốt: trên 30% và Cán bộ quản lý: Rất tốt trên 60%, Tốt: trên 30% *(2.3.01-Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến của nhà giáo năm 2018, 2019, 2020 (Kế hoạch, Bộ phiếu thu thập ý kiến của nhà giáo, Danh sách nhà giáo tham gia khảo sát, Báo cáo kết quả thu thập ý kiến của nhà giáo); 2.3.02-Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến của người học năm 2018, 2019, 2020 (Kế hoạch, Bộ phiếu thu thập ý kiến của người học, Danh sách người học tham gia khảo sát, Báo cáo kết quả thu thập ý kiến của người học))*

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5.7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thư viện được trang bị 12 máy tính nối mạng internet phục vụ tra cứu tài liệu và một máy in *(5.7.01-Danh mục thiết bị, máy tính của thư viện)*. Các máy tính được bố trí trong phòng đọc của thư viện và được quản lý theo quy định của nhà trường *(5.7.02-Biên bản kiểm kê tài sản Thư viện năm 2018, 2019, 2020)*. Phòng đọc rộng, thoáng mát, đảm bảo ánh sáng tự nhiên với diện tích 350m² được trang bị đầy đủ quạt mát, điện chiếu sáng và bàn ghế phục vụ nhu cầu tra cứu tài liệu của sinh viên và giáo viên *(5.7.03-Ảnh chụp phòng đọc của Thư viện)*.

Nhà trường lắp đặt và phát triển các điểm phát wifi phủ khắp các khu vực trong trường, thuận lợi cho việc học tập và tra cứu tài liệu *(5.6.09-Hợp đồng cung cấp dịch vụ VNN/Internet trực tiếp số: 1109/TTKD/VNPTTTH-CĐCNNĐ/HĐINTTT ngày 11/9/2020)*. Hệ thống mạng ổn định giúp giáo viên và sinh viên có thể sử dụng máy tính cá nhân, điện thoại thông minh để thực hiện việc học tập, tra cứu tài liệu thông qua các phần mềm quản lý thư viện, phần mềm thư viện điện tử *(5.6.08-Phần mềm thư viện điện*

tử; Phần mềm quản lý thư viện). Trong thời gian hành chính, thư viện luôn mở cửa để phục vụ nhu cầu tìm tài liệu, sách tham khảo của HSSV và giảng viên giảng dạy (**5.7.04-Bảng thời gian mở cửa**). Thư viện có nội quy, quy định để đảm bảo hoạt động của thư viện, HSSV và giảng viên khi đến mượn, trả, tra cứu tài liệu đều phải tuân thủ theo (**5.7.05-Bảng nội quy thư viện**).

Hàng năm, Nhà trường có tổ chức khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo và người học về Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu đạt: Sinh viên: Rất tốt: gần 50%, Tốt: trên 40%; Bình thường: trên 10%; Nhà giáo: Rất tốt: trên 60 %, Tốt: trên 30% (**2.3.01-Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến của nhà giáo năm 2018, 2019, 2020 (Kế hoạch, Bộ phiếu thu thập ý kiến của nhà giáo, Danh sách nhà giáo tham gia khảo sát, Báo cáo kết quả thu thập ý kiến của nhà giáo)**; **2.3.02-Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến của người học năm 2018, 2019, 2020 (Kế hoạch, Bộ phiếu thu thập ý kiến của người học, Danh sách người học tham gia khảo sát, Báo cáo kết quả thu thập ý kiến của người học)**)

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5.8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo nghề May thời trang trình độ Cao đẳng bao gồm: 05 môn học chung, 07 môn học, mô đun cơ sở; 22 môn học, mô đun chuyên môn và 03 mô đun tự chọn (**1.1.01-Bộ chương trình đào tạo nghề May thời trang**).

Việc ứng dụng các phần mềm trong đào tạo, dạy nghề là một đột phá về phương pháp giảng dạy, cách thức tiếp cận mới cho người học và người dạy, thay vì học chay, lý thuyết suông sinh viên sẽ chuyển sang học thực hành, trải nghiệm thực tế qua các mô phỏng, nên các bài học, kiến thức sẽ thực tế, chi tiết, nhanh hiểu, dễ nhớ thu hút người học, hiệu quả cao gấp nhiều lần so với cách cũ. Những bài học cũng sẽ thú vị, sinh động và hiệu quả hơn.

Phần lớn các mô đun chuyên môn và mô đun tự chọn được dạy và học chủ yếu trên các thiết bị thực tế ở các phòng học chuyên môn và xưởng thực hành để rèn kỹ năng nghề cho sinh viên (**2.2.03-Thời khoá biểu các lớp Cao đẳng nghề May thời trang các học kỳ các năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021 và tổng hợp phân công ca thực tập hàng tuần của khoa**).

Trong giờ dạy trực tiếp trên lớp, một số môn chung và môn học/ mô đun cơ sở được đa số giảng viên ứng dụng phần mềm Microsoft Power point để soạn bài giảng, một số môn học/ mô đun sử dụng và khai thác các phần mềm như: Lectra, Modaris, Diamino, Corel Draw, Proshow producer 8.0, Camtasia, photoshop, digital painting

Trong dạy học trực tuyến, một số giảng viên sử dụng phần mềm: Meeting Zoom, Google Classroom, Microsoft Team, Google meet. Trong quá trình trộn đề thi sử dụng phần mềm trộn đề thi từ ngân hàng câu hỏi, phần mềm **McMIX để làm đề thi trắc nghiệm** (2.3.06-Danh sách các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo nghề May thời trang sử dụng phần mềm dạy học; 5.8.01-Hình ảnh các phần mềm ảo áp dụng thực tế trong giảng dạy nghề May thời trang; 5.8.02-Hình ảnh thể hiện các môn học, mô đun áp dụng các phần mềm dạy học).

Sau khi kiểm tra kết thúc mỗi môn học, mô đun nhà trường tổ chức đều khảo sát lấy ý kiến phản hồi của sinh viên các lớp Cao đẳng nghề May thời trang về hoạt động giảng dạy của giáo viên có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy, đạt kết quả như sau: Rất tốt: 50%, Tốt: 40%; Bình thường: 10% (2.3.02-Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến của người học năm 2018, 2019, 2020 (Kế hoạch, Bộ phiếu thu thập ý kiến của người học, Danh sách người học tham gia khảo sát, Báo cáo kết quả thu thập ý kiến của người học).

Mặc dù đội ngũ giảng viên trong khoa đều cố gắng khai thác và sử dụng các phần mềm ảo trong dạy học, song chưa khai thác được hết các tính năng tác dụng của phần mềm có sẵn và chưa tiếp cận các phần mềm tiên tiến, hiện đại có trên thị trường.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự nhận thấy tiêu chuẩn không đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 5: 0 điểm

2.2.6. Tiêu chí 6: Dịch vụ người học

Đánh giá tổng quát tiêu chí 6:

Mở đầu:

Trong những năm qua Trường Cao Đẳng Công Nghiệp Nam Định nói chung và Khoa Công nghệ may & TKTT của Trường luôn xác định người học là yếu tố quan trọng, là trung tâm của mọi hoạt động trong công tác đào tạo. Khoa đã xây dựng một môi trường học tập và rèn luyện, ở đó người học được quan tâm và thực hiện các điều kiện đảm bảo hoàn thành tốt các nhiệm vụ học tập, rèn luyện. Cụ thể người học luôn được hướng dẫn đầy đủ về chương trình đào tạo và các yêu cầu kiểm tra đánh giá, quy định trong quy chế đào tạo; người học được đảm bảo các chế độ chính sách và chăm sóc sức khỏe định kì theo quy định của y tế học đường, được tham gia đầy đủ các hoạt động văn hóa, văn nghệ, luyện tập TDTT và đảm bảo an toàn trong trường học; người học được tu dưỡng và rèn luyện phẩm chất, đạo đức, lối sống và tinh thần trách nhiệm.

*** Những điểm mạnh:**

Khoa Công nghệ may & TKTT luôn có sự phối hợp đồng bộ giữa các đoàn thể, các phòng, khoa, trung tâm và các ban, ngành trong và ngoài trường để hoàn thành tốt mục

tiêu đào tạo toàn diện, đáp ứng công cuộc đổi mới của sự nghiệp giáo dục của Nhà trường.

Trong những năm gần đây, Khoa luôn có sự đổi mới về nội dung và phương pháp đào tạo, đa dạng hóa các loại hình đào tạo mở thêm nhiều ngành, nghề nhằm đáp ứng với nhu cầu của người học và thị trường sử dụng người lao động. Trong đào tạo luôn coi trọng chất lượng và hiệu quả, HSSV ra trường phần lớn có việc làm ổn định và được các đơn vị sử dụng lao động đánh giá cao về chất lượng đào tạo của khoa.

Nhà trường nói chung và Khoa Công nghệ may & TKTT đã xây dựng được mối quan hệ gắn kết chặt chẽ với các doanh nghiệp tạo điều kiện cho HSSV đi thăm quan, thực tập thực tế tại doanh nghiệp; người học được cung cấp đầy đủ thông tin về thị trường lao động, việc làm và cơ hội tiếp xúc với nhà tuyển dụng thông qua tư vấn việc làm và ngày hội việc làm được Nhà trường tổ chức hàng năm

*** Những tồn tại:**

- Một số hoạt động phong trào chưa thu hút đông đảo HSSV tham gia

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

- Thường xuyên đưa Giảng viên, HSSV đi thăm quan học hỏi ngoài Doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh

- Tổ chức nhiều hơn nữa các buổi tọa đàm kết nối giữa HSSV với các Doanh nghiệp

- Thành lập, tổ chức mô hình các câu lạc bộ để hỗ trợ HSSV trong quá trình học tập và rèn luyện.

- Đẩy mạnh việc rèn luyện kỹ năng mềm cho HSSV.

- Khoa cần phối hợp chặt chẽ với Trung tâm Hợp tác Đào tạo và Quan hệ Doanh nghiệp để nắm bắt kịp thời số lượng HSSV của khoa sau khi tốt nghiệp ra trường có việc làm ổn định từ đó điều chỉnh phương pháp đào tạo cho phù hợp với thực tế ngoài doanh nghiệp.

Điểm đánh giá tiêu chí 6

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 6	8
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2

Tiêu chuẩn 6.1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác sinh viên, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo của nghề may thời trang được xây dựng trên cơ sở chương trình khung do Bộ LĐTBXH ban hành, phù hợp với mục tiêu giáo dục và chức năng, nhiệm vụ của nhà trường, đồng thời gắn với nhu cầu học tập của người học và nhu cầu nguồn nhân lực của thị trường lao động. Khoa luôn quan tâm và đổi mới nội dung chương trình đào tạo cho phù hợp với thực tiễn, đáp ứng với mục tiêu đào tạo của nhà trường. Định kỳ rà soát và bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo, nhằm lược bỏ những nội dung không còn phù hợp và cập nhật những tiến bộ của khoa học và công nghệ, mục tiêu của khoa được xác định một cách rõ ràng, đúng với quy định tại Luật giáo dục; được hoàn thiện trên cơ sở các ý kiến đóng góp và trí tuệ của tập thể giảng viên trong khoa. Sứ mạng được đăng tải trên Website trường và giới thiệu trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm thu hút sự quan tâm của toàn xã hội, trong đó có các nhà tuyển dụng. Đào tạo nghề trình độ cao đẳng và trình độ trung cấp theo chương trình khung của Bộ LĐTBXH có đầy đủ mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể cho các học phần của ngành học, đáp ứng yêu cầu của các doanh nghiệp sử dụng lao động. Thông qua website của trường người học nắm được mục tiêu, chương trình đào tạo của ngành, điều kiện dự thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập từng học kỳ, năm học. Người học thuộc diện chế độ chính sách luôn luôn được đảm bảo đúng chế độ. Khoa luôn tạo điều kiện thuận lợi cho người học trong mọi hoạt động về văn hóa, văn nghệ và TDTT.

Người học được tiếp cận đầy đủ thông tin về đường lối, chính sách của Đảng và nhà nước. Qua việc thực hiện quy chế rèn luyện trong sinh viên, các phong trào thực hiện nếp sống văn minh trong môi trường giáo dục được thực hiện dưới nhiều hình thức, người học có ý thức hơn trong sinh hoạt và học tập. Đa số HSSV trong khoa đã có ý thức rèn luyện đạo đức, lối sống lành mạnh, tự giác tham gia các phong trào do nhà trường và các tổ chức đoàn thể phát động. Khoa phối hợp với phòng CTHSSV luôn quan tâm, chú trọng và thực hiện tốt công tác giáo dục và rèn luyện cho sinh viên sinh viên về đạo đức, lối sống, tính tập thể và tinh thần trách nhiệm.

Hàng năm thông tin về các ngành nghề đào tạo của Nhà trường nói chung và của nghề May thời trang trình độ Cao đẳng của Trường được cung cấp đầy đủ qua rất nhiều kênh khác nhau. Cụ thể:

- Khoa Công nghệ may và thời trang đào tạo nhiều ngành, nghề, nhiều bậc học khác nhau. Vì vậy việc tuyên truyền, định hướng nghề nghiệp, tư vấn tuyển sinh cho HSSV là cần thiết (***2.1.04–Kế hoạch tuyển sinh năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021;***

6.1.01-Các tài liệu tuyên truyền tuyển sinh của Nhà trường hằng năm; 6.1.02-Những hình ảnh các buổi tuyên truyền tuyển sinh của Nhà trường).

- Tại các buổi sinh hoạt đầu khoá hàng năm của Nhà trường, HSSV được Phòng Đào tạo, Phòng Công tác sinh viên, sinh viên và các phòng ban tổ chức phổ biến cho các nội quy, quy định và kế hoạch đào tạo, quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học. Các khoa chuyên môn trong đó có Khoa Công nghệ may và thời trang giới thiệu về chương trình đào tạo, thời gian học tập, các yêu cầu về chuyên môn của nghề mà người học cần đạt được, các quy định bắt buộc chấp hành đối với học sinh, sinh viên **(6.1.03-Kế hoạch về việc học tập chính trị đầu khóa hàng năm; 6.1.04-Các tài liệu cung cấp cho HSSV trong tuần sinh hoạt đầu khóa).**

Ngoài ra, các nội quy, quy định của Trường được niêm yết công khai tại những nơi dễ nhìn, dễ đọc trong trường và các kênh thông tin khác như: Website, Facebook của Trường hoặc được dán tại các xưởng thực hành, phòng học, phòng thực hành **(6.1.05-Địa chỉ Website nhà trường: <http://cnd.edu.vn>, Facebook: <https://www.facebook.com/sinh.tuyen.35175>; 6.1.06-Các nội quy của Trường; 6.1.07-Các biên bản sinh hoạt lớp).**

Qua số liệu khảo sát 3 năm gần đây về việc cung cấp thông tin cho người học trước khi nhập học và trong quá trình học, trên 90% HSSV được khảo sát đều nắm rõ những nội dung được Nhà trường cung cấp **(6.1.08-Tổng hợp kết quả khảo sát hàng năm).**

Như vậy, HSSV nhà trường nói chung và sinh viên nghề May thời trang trình độ cao đẳng của Trường nói riêng đều được đảm bảo cung cấp đầy đủ các thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 6: 2 điểm

Tiêu chuẩn 6.2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam định luôn xác định việc thực hiện các chế độ chính sách HSSV là điểm nhấn thu hút đầu vào và là công tác hỗ trợ HSSV trong quá trình học tập tại trường cho đến khi tốt nghiệp ra trường. Vì vậy, nhà trường đã thông báo cho HSSV từ khi thông báo tuyển sinh.

Đầu mỗi năm học, Nhà trường đều tổ chức tuần sinh hoạt công dân đầu năm và phổ biến các văn bản và thực hiện các quy định chế độ, chính sách đảm bảo quyền lợi cho HSSV theo học tại trường. Cụ thể như sau:

- Các văn bản quy định việc thực hiện chế độ miễn giảm học phí cho HSSV hàng năm (**6.2.01–Các thông báo thực hiện chế độ miễn, giảm học phí hàng năm; 6.2.02– Quy trình miễn giảm học phí**). Các văn bản này căn cứ vào Nghị định 86/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Thủ tướng chính phủ quy định cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021 và Thông tư Liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/6/2016 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 86/NĐ-CP; thông tư số 36/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2017 của Bộ LĐTBXH ban hành danh mục ngành, nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm trình độ trung cấp, cao đẳng. Từ năm học 2018-2019 đến 2020-2021, có rất nhiều học sinh, sinh viên của trường được hưởng ưu đãi nhưng trong ba năm gần đây các em sinh viên nghề May thời trang trình độ cao đẳng không có em nào thuộc đối tượng chính sách này (**6.2.03- Quyết định miễn giảm học phí hàng năm**).

- Các văn bản quy định chế độ học bổng khuyến khích học tập đối với sinh viên sinh viên quy định tại Điều 29, Chương 5 – Quy chế đào tạo của Trường (**6.2.04-Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, theo niên chế của Trường CĐ CN Nam Định**). Căn cứ vào Quyết định số 70/2008/QĐ-BLĐTBXH, ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội và QĐ số 152/2007/QĐ-TTg, ngày 14/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chính sách học bổng cho HSSV. Trong 3 năm học vừa qua, có 39 sinh viên nghề May thời trang trình độ cao đẳng được hưởng học bổng từ chính sách này (**6.2.05-Các quyết định công nhận sinh viên bậc Cao đẳng được hưởng học bổng khuyến khích học tập của Trường**).

- Quy trình mã số QT.04/CTHSSV ban hành năm 2017 quy định về quy trình cấp giấy xác nhận vay vốn cho HSSV của Trường (**6.2.06-Quy trình cấp giấy xác nhận vay vốn cho HSSV**). Quy trình này căn cứ vào các văn bản của Chính phủ và các Bộ ngành hướng dẫn vay vốn tín dụng cho HSSV. Trong 3 năm gần đây, có 05 sinh viên nghề May thời trang trình độ cao đẳng được Nhà trường hỗ trợ làm thủ tục vay vốn học tập (**6.2.07- Danh sách SV nghề May thời trang được hỗ trợ vay vốn học tập**).

- Nhà trường còn thực hiện theo văn bản số 1249 ngày 21/12/2017 về Quy chế công tác sinh viên, sinh viên Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định. Nội dung quy định rõ quyền lợi và nghĩa vụ của HSSV tham gia học tập tại Trường (**6.2.08-Quy chế HSSV Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định**).

- Văn bản số 53/2015 Quy định về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên của trường. Trong đó quy định các ưu đãi mà HSSV được hưởng khi đăng ký ở nội trú trong

trường. Hàng năm, có khoảng 10 SV khoa May thời trang đăng ký ở nội trú trong trường *(6.2.09-Văn bản số 53/2015 quy định chính sách nội trú của HSSV nhà trường; 6.2.10-Danh sách HSSV ở nội trú hằng năm)*.

Ngoài ra, tùy từng thời điểm cụ thể, Trường có quy định về việc thực hiện chính sách khen thưởng đối với HSSV có hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong học tập. Trong 3 năm gần đây, có 08 sinh viên nghề May thời trang được nhận học bổng tài trợ từ các doanh nghiệp có hợp tác với trường *(6.2.11-Các quyết định trao học bổng tài trợ của doanh nghiệp cho HSSV của Trường)*.

Trường giao cho phòng Công tác HSSV bố trí cán bộ trực 24/24 tại ký túc xá, có số điện thoại hotline để kịp thời hỗ trợ các em HSSV trong quá trình học tập và sinh hoạt *(6.2.12-Lịch trực phòng Ký túc xá)*.

Qua số liệu khảo sát 3 năm gần đây về việc thực hiện các chế độ, chính sách của Nhà trường đối với người học, đa số HSSV được khảo sát (trong đó có sinh viên nghề May thời trang) rất hài lòng với các chế độ chính sách và hoạt động hỗ trợ của các bộ phận liên quan của Nhà trường đối với người học *(6.1.08-Tổng hợp kết quả khảo sát hằng năm)*.

- HSSV được đảm bảo đầy đủ các quyền lợi, chế độ chính sách kịp thời, chính xác.
- Phổ biến kịp thời các chế độ, chính sách tới người học.

Khoa Công nghệ May thời trang luôn theo sát các tiêu chuẩn của nhà trường triển khai đến các GVCN và CVHT đôn đốc nhắc nhở sinh viên, sinh viên trong học tập, rèn luyện để đạt được những thành tích khen thưởng của nhà trường.

Còn hạn chế do đối tượng đầu vào có sức học tập chưa cao, ý thức tự giác tu dưỡng phấn đấu của một số HSSV chưa liên tục do đó kết quả còn hạn chế về số lượng và chưa có niềm đam mê khi tham gia các hoạt động khen thưởng.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 6: 2 điểm

Tiêu chuẩn 6.3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.

Hiện nay hoạt động liên kết với doanh nghiệp sẽ cung cấp kịp thời cho người học các thông tin hữu ích về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm, các nhà tuyển dụng các ngành nghề mà xã hội đang cần để từ đó trợ giúp và giới thiệu việc làm cho người học trước và sau khi tốt nghiệp. Trường đã giao nhiệm vụ cụ thể cho Trung tâm Hợp tác đào tạo và Quan hệ doanh nghiệp với chức năng tổ chức triển khai thực hiện và quản lý các hoạt động quan hệ với doanh nghiệp, công tác thông tin tư vấn hướng nghiệp, các hoạt động nhằm nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, giúp sinh viên, sinh viên

tiếp cận và hội nhập nhanh với doanh nghiệp ngay từ khi các em còn ngồi trên ghế nhà trường, đáp ứng nhu cầu xã hội (**6.3.01- Quyết định thành lập và Chức năng nhiệm vụ của Trung tâm Hợp tác đào tạo và Quan hệ doanh nghiệp**).

Hàng năm, có rất nhiều các doanh nghiệp uy tín trong và ngoài tỉnh đến liên hệ và tham gia tư vấn tuyển dụng việc làm cho sinh viên của Nhà trường ngay khi sinh viên còn đang học. Trung tâm kết hợp với các doanh nghiệp tổ chức các buổi gặp gỡ, tư vấn định hướng lựa chọn nghề nghiệp cho sinh viên phù hợp với ngành nghề các em đang theo học tại trường (**6.3.02-Kế hoạch tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp năm 2018, 2019, 2020; 6.3.03-Hình ảnh các buổi tư vấn việc làm của Trường**). Nhà trường cũng giữ mối liên hệ thường xuyên với các Doanh nghiệp, các đơn vị có nhu cầu tuyển dụng nhân sự để thông báo về tiến độ tốt nghiệp của sinh viên, sinh viên, cũng như nhận các thông báo tuyển dụng hàng năm từ công ty, đưa thông tin tuyển dụng của doanh nghiệp tới các khoa chuyên ngành để thông báo tới các em HSSV (**6.3.04-Thông báo tuyển dụng của Doanh nghiệp năm 2018, 2019, 2020**).

Ngoài ra, Nhà trường cũng hợp tác, liên kết với các trường: Trường Đại học Gyeongju (Hàn Quốc) và trường Đại học Shu-Te, Trường Đại học Khoa học và công nghệ Long Hoa (Đài Loan) để hợp tác trao đổi học giả, chuyên gia, sinh viên, thực tập sinh và chương trình đào tạo giữa 2 trường, tạo điều kiện cho các em sinh viên của Nhà trường có cơ hội đi du học tại Hàn Quốc và Đài Loan. Bên cạnh đó có rất nhiều đơn vị, tổ chức có đủ tư cách pháp nhân về làm công tác tuyển sinh, tư vấn du học và xuất khẩu lao động cho sinh viên, sinh viên đang học tại Trường như Công ty Cổ phần Naruko, Công ty Cổ phần quốc tế Đông A...Điều kiện và vị trí tuyển dụng của các đơn hàng được lựa chọn sao cho phù hợp với ngành nghề các em sinh viên sinh viên đang theo học, tạo ra nhiều cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp (**6.3.05-Thông báo tuyển dụng của các đơn vị tư vấn du học xuất khẩu lao động năm 2018, 2019, 2020**).

Căn cứ vào kế hoạch đào tạo của Nhà trường, Trung tâm HTĐT&QHĐN sẽ chủ động liên hệ và lựa chọn những doanh nghiệp có điều kiện tốt nhất cho các em sinh viên khóa cuối tham quan thực tế nhằm tạo cơ hội cho các em tiếp cận thực tế môi trường làm việc tại doanh nghiệp, giúp các em hiểu được mô hình tổ chức hoạt động của công ty, định hướng nghề nghiệp cho sinh viên, sinh viên mới (**6.3.06-Kế hoạch tham quan Doanh nghiệp năm 2018, 2019, 2020; 6.3.07-Những hình ảnh HSSV tham quan tại doanh nghiệp**).

Bên cạnh đó các em sinh viên chuẩn bị tốt nghiệp ra trường cũng được tham gia trải nghiệm thực tế (thực tập tốt nghiệp) tại các doanh nghiệp đó. Hầu hết các Doanh nghiệp tiếp nhận sinh viên của Nhà trường đến thực tập là những doanh nghiệp đã có mối quan hệ hợp tác lâu dài với Nhà trường như Công ty CP May Nam Hà, Công ty CP May Sông Hồng, Công ty TNHH Sam Sung... (**1.1.06- Hợp đồng**

thực tập, thực hành nghề May thời trang với các đơn vị sử dụng lao động năm 2018, 2019, 2020). Các doanh nghiệp đánh giá rất cao ý thức thực tập của các em và hiệu quả công việc. Riêng đối với các sinh viên, sinh viên của Nhà trường được thực tập nghề được học các kỹ năng làm việc hiệu quả, thậm chí nhiều doanh nghiệp đã trả lương cho sinh viên ngay trong quá trình thực tập. Về phía doanh nghiệp đã lựa chọn, tuyển dụng được nguồn lao động có trình độ tay nghề cao cùng kỹ năng làm việc và khả năng thích ứng nhanh với các vị trí làm việc. Từ đó cho thấy, chất lượng đào tạo Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định nói chung và Nghề May thời trang trình độ cao đẳng nói riêng ngày càng được nâng cao và đáp ứng được nhu cầu của xã hội *(6.3.08-Báo cáo kết quả hoạt động tư vấn việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp năm 2018, 2019, 2020; 6.3.09-Thống kê số lượng SV nghề May thời trang được thụ hưởng từ các hoạt động tư vấn việc làm của Trường hàng năm; 1.1.07-Hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến cựu sinh viên May thời trang năm 2018, 2019, 2020 và 6 tháng đầu năm 2021).*

Hàng năm, để tạo điều kiện cho các sinh viên, sinh viên cuối khóa có cơ hội tiếp xúc trực tiếp với các nhà tuyển dụng, Trung tâm HTĐT&QHDN phối hợp với các đơn vị tuyển dụng tổ chức ngày hội việc làm và kết nối doanh nghiệp *(6.3.10-Kế hoạch tổ chức ngày hội việc làm năm 2018, 2019, 2020).* Trung tâm đã lựa chọn những doanh nghiệp uy tín, có nhu cầu tuyển dụng các vị trí việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo của nhà trường tham gia vào ngày hội việc làm *(6.3.11-Danh sách các nhà tuyển dụng tham gia ngày hội việc làm năm 2018, 2019, 2020).*

Bên cạnh đó việc đánh giá thường xuyên kết quả của ngày hội việc làm, kết nối người học với các đơn vị tuyển dụng thông qua việc lấy ý kiến của người học, đã tốt nghiệp đi làm giúp cho Nhà trường thu thập được những thông tin giá trị làm cơ sở để đánh giá hiệu quả công tác tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp *(6.3.12 Báo cáo kết quả tổ chức ngày hội việc làm năm 2018, 2019, 2020; 1.1.07-Hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến cựu sinh viên May thời trang năm 2018, 2019, 2020 và 6 tháng đầu năm 2021).*

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 6: 2 điểm

Tiêu chuẩn 6.4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường có Khu hoạt động thể dục thể thao: sân bóng đá, sân bóng chuyền, sân cầu lông, có Hội trường lớn với 350 chỗ ngồi; có sân khấu phục vụ các kỳ Hội diễn văn nghệ. Có khuôn viên cây xanh, thảm cỏ và toàn bộ đường nội bộ được rải thảm đảm bảo khuôn viên Nhà trường luôn khang trang, có môi trường xanh, sạch, đẹp tạo điều kiện tốt

nhất cho HSSV có môi trường hoạt động, tập luyện lành mạnh (**6.4.01-Hình ảnh hội trường, Sân khấu; 6.4.02-Hình ảnh các hoạt động văn hóa, thể thao của người học**).

Nhà trường luôn quan tâm tạo điều kiện cho các câu lạc bộ của HSSV hoạt động. Đoàn viên, thanh niên nhà trường được tạo điều kiện tham gia các hoạt động xã hội, thiện nguyện và các hoạt động vì cộng đồng. Hàng năm, các tổ chức đoàn thể trong trường đều tổ chức các phong trào, các cuộc thi chào mừng các ngày lễ lớn nhằm giúp người học được phát triển đầy đủ về mọi mặt (**6.4.03-Các hình ảnh hoạt động của đội Thanh niên tình nguyện nhà trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 6.4.04-Kế hoạch tổ chức các hoạt động của Công Đoàn, Đoàn thanh niên nhà trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 6.4.05-Các hình ảnh hoạt động của các phong trào năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021**).

Kết quả khảo sát đánh giá của HSSV và cựu HSSV nhà trường, trong đó có sinh viên nghề May thời trang trình độ cao đẳng đều cho thấy các khu hoạt động thể dục thể thao, hoạt động ngoại khóa hoạt động văn nghệ trong khuôn viên của Nhà trường được đánh giá tốt (**6.1.08-Tổng hợp kết quả khảo sát hằng năm; 6.4.06-Báo cáo tổng kết công tác Đoàn và phong trào thanh niên**).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 6: 2 điểm

2.2.7. Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng.

Đánh giá tổng quát tiêu chí 7:

Mở đầu

Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định luôn coi trọng việc đánh giá và giám sát chất lượng giáo dục nhằm nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng tốt nguồn nhân lực cho xã hội. Trong những năm qua việc đánh giá giám sát chất lượng được thực hiện với nhiều hình thức như thu thập lấy ý kiến của cán bộ, giáo viên, giảng viên, người học và doanh nghiệp... với những công cụ, phương pháp khác nhau đảm bảo tính khách quan, chính xác khi giám sát, đánh giá.

*** Những điểm mạnh**

Thông qua các hoạt động khảo sát, thu thập ý kiến, nhà trường sẽ có kế hoạch cụ thể cũng như các biện pháp thực hiện việc cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả giám sát và tự đánh giá.

*** Những tồn tại**

Quá trình giám sát và đánh giá chất lượng còn gặp một số khó khăn như: số lượng sinh viên mỗi lớp ít không đảm bảo tính chính xác khi giám sát đánh giá mặt khác trong quá trình đào tạo phối kết hợp với các doanh nghiệp do tính chất đào tạo kết hợp với sản xuất làm cho thời gian và tiến độ bị ảnh hưởng đôi khi không thực hiện được.

* Kế hoạch nâng cao chất lượng

Nhà trường lập ra các kế hoạch chiến lược lâu dài cũng như đưa ra các phương án tuyển sinh, hình thức đào tạo nhằm thu hút người học đến với nhà trường. Đổi mới phương pháp, phối kết hợp chặt chẽ với các đơn vị có liên kết đào tạo với nhà trường để công tác giám sát, đánh giá được thuận lợi, chính xác.

Điểm đánh giá tiêu chí 7

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 7	16
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2
Tiêu chuẩn 8	2

Tiêu chuẩn 7.1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Việc thu thập các ý kiến đánh giá từ các đơn vị sử dụng lao động được Nhà trường giao nhiệm vụ cho Trung tâm Hợp tác đào tạo và Quan hệ doanh nghiệp chủ trì thực hiện (**6.3.01–Quyết định thành lập và Chức năng nhiệm vụ của Trung tâm Hợp tác đào tạo và Quan hệ doanh nghiệp**). Hàng năm, Trung tâm HTĐT & QHDN xây dựng các kế hoạch thu thập ý kiến của đơn vị sử dụng lao động có liên kết với Trường nhằm ghi nhận các đánh giá của doanh nghiệp về chất lượng HSSV Nhà trường đang thực tập và làm việc tại doanh nghiệp.

Thực hiện kế hoạch đề ra, Trung tâm HTĐT & QHDN phối hợp với các đơn vị trong trường triển khai thực hiện khảo sát lấy ý kiến của các doanh nghiệp có liên kết với trường về các nội dung hợp tác, trong đó có đánh giá mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Trong 3 năm từ 2018 đến 2020, mỗi năm Trường thực hiện thu thập ý kiến đánh giá của gần 20 doanh nghiệp bằng hình thức: Sử

dụng phiếu khảo sát, trong đó có 10 doanh nghiệp có liên quan đến nghề May thời trang. Các doanh nghiệp này đóng trên địa bàn các tỉnh Nam Định, Thái Bình, Hà Nam, Ninh Bình. Các doanh nghiệp đánh giá rất cao về ý thức thực tập, làm việc của các em và hiệu quả công việc. Qua đó các Doanh nghiệp cũng đã lựa chọn, tuyển dụng được nguồn lao động có trình độ tay nghề cao cùng kỹ năng làm việc và khả năng thích ứng nhanh với các vị trí làm việc. Kết quả thu thập ý kiến đều được tổng hợp, báo cáo lãnh đạo Nhà trường và là một kênh thông tin để Nhà trường xem xét, điều chỉnh các hoạt động phù hợp (**1.1.05–Bộ Hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến của Doanh nghiệp năm 2018, 2019, 2020**).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 7.2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Việc điều tra lần vết sinh viên sau khi tốt nghiệp đã được Nhà trường rất chú trọng. Quá trình khảo sát nhằm thu thập thông tin về việc làm, đánh giá mức độ phù hợp giữa chương trình đào tạo, các kiến thức, kỹ năng cũng như các tiêu chuẩn về hành vi, thái độ, các phẩm chất khác được trang bị cho sinh viên sinh viên với yêu cầu của người sử dụng lao động. Từ đó, Nhà trường điều chỉnh phương thức, kế hoạch, chương trình đào tạo, Hoàn thiện nội dung, chương trình đào tạo chuẩn đầu ra; hoàn thiện tài liệu, phương tiện giảng dạy; cung cấp thông tin phục vụ việc hướng nghiệp và giới thiệu việc làm cho HSSV; thực hiện các chương trình hợp tác giữa Nhà trường với các đơn vị sử dụng HSSV tốt nghiệp...

Hàng năm, căn cứ danh sách người học đã tốt nghiệp (**7.2.01-Quyết định công nhận tốt nghiệp và danh sách người học đã tốt nghiệp năm 2018, 2019, 2020 và 6 tháng đầu năm 2021**). Trung tâm Hợp tác đào tạo và Quan hệ doanh nghiệp tiến hành khảo sát lấy ý kiến của sinh viên tốt nghiệp đã đi làm để điều tra đánh giá mức độ phù hợp giữa chương trình đào tạo, khả năng tìm việc làm phù hợp với chuyên ngành được đào tạo tại trường. Đợt khảo sát thường được tiến hành trong khoảng thời gian từ 3 đến 6 tháng sau khi HSSV tốt nghiệp. Việc điều tra khảo sát được tiến hành bằng nhiều hình thức khác nhau như phát phiếu khảo sát, gọi điện thoại, zalo, facebook, qua giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập (**7.2.02-Kế hoạch điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm năm 2019, 2020, 6 tháng đầu năm 2021; 7.2.03-Phiếu khảo sát, bảng tổng hợp ý kiến và danh sách điện thoại liên hệ năm 2019, 2020, 2021; 7.2.04-Báo cáo kết quả điều tra lần vết về năm 2020, 6 tháng đầu năm 2021**).

Năm 2020, nhà trường thực hiện điều tra khảo sát 1203/1203 HSSV tốt nghiệp, trong đó có 50 HSSV bậc Cao đẳng nghề May thời trang trả lời khảo sát, tỷ lệ HSSV có việc làm phù hợp với nghề/chuyên ngành được đào tạo trong vòng 6 tháng sau khi tốt nghiệp là 45/50 (đạt tỷ lệ = 90%).

Bảng 1: Kết quả khảo sát tình hình việc làm của HSSV tốt nghiệp năm 2020 ngành may thời trang

Bậc đào tạo	Ngành/Nghề đào tạo	Có phù hợp		Không phù hợp	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Cao đẳng	May thời trang	34	90%	3	10%
	May thời trang (liên thông)	11		2	
	Tổng cộng	45	90%	5	10%

Năm 2021, nhà trường thực hiện điều tra khảo sát đợt 1 với 491/491 HSSV tốt nghiệp trong khoảng 6 tháng đầu năm 2021. Số HSSV nghề May thời trang trả lời khảo sát là 60/64 (đạt tỷ lệ 93, 75%), trong đó số HSSV có việc làm phù hợp với nghề/chuyên ngành được là 56/60 (chiếm tỷ lệ 93, 33%).

Bậc đào tạo	Ngành/Nghề đào tạo	Có phù hợp		Không phù hợp	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Cao đẳng	May thời trang	51	93, 33	4	6, 67%
	May thời trang (liên thông)	05		-	
		Tổng cộng	56	93, 33%	4

Như vậy, nghề May thời trang đáp ứng được yêu cầu có trên 90% tổng số HSSV tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành, nghề được đào tạo trong vòng 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 7.3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thực hiện kế hoạch thu thập ý kiến của các đối tượng liên quan đối với các hoạt động đào tạo của Trường, phòng QLKH&ĐBCL phối hợp với các đơn vị trong trường thực hiện thu thập ý kiến cán bộ, giáo viên và người lao động về các hoạt động của Trường, trong đó có các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào

tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động. Kết quả thu thập ý kiến đều được tổng hợp, báo cáo lãnh đạo Nhà trường và là một kênh thông tin để Nhà trường xem xét, điều chỉnh các hoạt động trong đào tạo cho phù hợp. Nội dung báo cáo và danh sách đều thể hiện hàng năm có trên 50% nhà giáo của Trường, trong đó trên 70% cán bộ quản lý, nhà giáo của Khoa Công nghệ may tham gia khảo sát của Trường (*2.6.08-Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến của cán bộ quản lý năm 2018, 2019, 2020 (Kế hoạch, Bộ phiếu thu thập ý kiến của CBQL, Danh sách CBQL tham gia khảo sát, Báo cáo kết quả thu thập ý kiến của CBQL); 2.3.01-Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến của nhà giáo năm 2018, 2019, 2020 (Kế hoạch, Bộ phiếu thu thập ý kiến của nhà giáo, Danh sách nhà giáo tham gia khảo sát, Báo cáo kết quả thu thập ý kiến của nhà giáo)*).

Ngoài ra, hoạt động thu thập ý kiến đánh giá của cán bộ, nhà giáo, viên chức và người lao động về các mặt hoạt động của Trường còn được thể hiện tại buổi sơ kết, tổng kết hàng năm, tại các hội nghị dân chủ cơ quan hàng năm. Đối với nhà giáo còn được thực hiện tại các buổi sinh hoạt chuyên môn nghiệp vụ (*7.3.01-Biên bản họp khoa; Biên bản đánh giá viên chức năm 2018, 2019, 2020*).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 7.4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thực hiện kế hoạch thu thập ý kiến của các đối tượng liên quan đối với các hoạt động đào tạo của Trường, phòng QLKH&ĐBCL phối hợp với các đơn vị trong trường, trong đó có Khoa Công nghệ may thực hiện thu thập ý kiến của toàn bộ HSSV đang theo học trong trường. Việc lấy ý kiến từ người học về các hoạt động trong đào tạo tại trường nhằm góp phần thực hiện Quy chế dân chủ trong trường học, giúp tăng cường tinh thần trách nhiệm của người học với quyền lợi, nghĩa vụ học tập, rèn luyện của HSSV, tạo điều kiện để người học được phản ánh tâm tư, nguyện vọng, được thể hiện chính kiến của bản thân với Nhà trường. Ngoài ra, việc thu thập ý kiến với người học còn tạo thêm một kênh thông tin để nắm bắt tình hình thực tế của Nhà trường trong nhận thức của HSSV đang theo học đồng thời giúp cán bộ quản lý Trường, Phòng, Khoa, Trung tâm có thêm cơ sở làm định hướng trong mục tiêu đảm bảo chất lượng đào tạo của Nhà trường.

Khảo sát được thực hiện bằng hình thức phát phiếu. Nội dung lấy ý kiến gồm các thông tin mà HSSV được Nhà trường cung cấp vào đầu khoá học; các thông tin HSSV tiếp nhận trong quá trình học tập tại trường; đánh giá của HSSV về môi trường học tập;

đánh giá của HSSV về các dịch vụ trong nhà trường và một số nội dung khác liên quan. Kết quả thu thập ý kiến đều được tổng hợp, báo cáo lãnh đạo Nhà trường và là một kênh thông tin để Nhà trường xem xét, điều chỉnh các hoạt động phù hợp (*2.3.02–Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến của người học năm 2018, 2019, 2020 (Kế hoạch, Bộ phiếu thu thập ý kiến của người học, Danh sách người học tham gia khảo sát, Báo cáo kết quả thu thập ý kiến của người học)*). Ngoài ra, việc thu thập ý kiến đánh giá của người học còn được thực hiện tại các buổi gặp mặt đối thoại giữa lãnh đạo nhà trường và HSSV hàng năm (*7.4.01-Kế hoạch đối thoại giữa lãnh đạo nhà trường với HSSV năm 2018, 2019, 2020; 7.4.02-Các biên bản đối thoại giữa Nhà trường và HSSV năm 2018, 2019, 2020*).

Như vậy, có thể khẳng định hầu hết HSSV trong trường, trong đó có sinh viên nghề May thời trang trình độ cao đẳng được đóng góp ý kiến về các mặt hoạt động của Trường, trong đó có các nội dung liên quan đến chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 7.5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ thông tư số 28/2017/TT-BLĐT BXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐ-TB&XH về quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường trung cấp, trường cao đẳng ban hành kèm theo Thông tư số 15/2017/TT-BLĐT BXH ngày 08/06/2017 của Bộ LĐ-TB&XH. Hàng năm, Trường cao đẳng Công nghiệp Nam Định xây dựng kế hoạch tự đánh giá chương trình đào tạo theo đúng tinh thần thông tư 15, thông tư 28 của Bộ LĐTB-XH đã quy định (*7.5.01-Kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo năm 2018, 2019, 2020; 7.5.02-Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá năm 2018, 2019, 2020*).

Và để giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá của Nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, Chủ tịch Hội Đồng tự đánh giá đã ban hành quyết định thành lập ban thư ký, các nhóm chuyên trách giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá (*7.5.03-Quyết định về việc thành lập ban thư ký, các nhóm chuyên trách phục vụ Hội đồng tự đánh giá năm 2020*).

Sau khi báo cáo được duyệt, bản báo cáo được nhà trường công bố công khai trên website mục văn bản công khai của nhà trường để cán bộ, viên chức, người học đều biết <http://cnd.edu.vn/V%C4%83nB%E1%BA%A3nBi%E1%BB%83uM%E1%BA%ABu> (*7.5.04-Quyết định ban hành báo cáo tự đánh giá trường các năm 2018, 2019, 2020; 7.5.05-Báo cáo tự đánh giá trường các năm 2018, 2019, 2020; 7.5.06-Báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo nghề may thời trang trình độ cao đẳng năm 2020*).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 7.6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).

Mô tả, phân tích, nhận định:

Dựa trên kết quả báo cáo tự đánh giá hàng năm, lãnh đạo trường sẽ có những biện pháp, chính sách cải tiến nhằm nâng cao chất lượng, khắc phục những hạn chế, tồn tại còn mắc phải để đảm bảo giải quyết được những hạn chế đó trong năm học tiếp theo (**7.5.05– Báo cáo tự đánh giá trường các năm 2018, 2019, 2020**).

Trên cơ sở báo cáo tự kiểm định chất lượng cơ sở GDNN hàng năm của trường, phòng QLKH&ĐBCL xây dựng kế hoạch cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo hàng năm (**7.6.01–Kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng năm 2018, 2019, 2020**). Từ đó khắc phục những mặt còn hạn chế, chưa đạt và tiếp tục phát huy hơn nữa các mặt đã đạt, có thành tích. Cuối mỗi năm, phòng sẽ báo cáo kết quả đạt được với lãnh đạo trường về việc thực hiện kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng trong năm vừa qua (**7.6.02–Báo cáo kết quả đạt được của kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng năm 2018, 2019, 2020**).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 7: 2 điểm.

Tiêu chuẩn 7.7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường tiến hành khảo sát lấy ý kiến của sinh viên, sinh viên tốt nghiệp để điều tra về khả năng tìm việc làm phù hợp với chuyên ngành được đào tạo tại trường. Việc điều tra khảo sát được tiến hành bằng các hình thức: Phát phiếu khảo sát, gọi điện thoại, zalo, facebook, qua giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập (**1.1.07-Hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến cựu sinh viên May thời trang năm 2018, 2019, 2020 và 6 tháng đầu năm 2021**).

Bảng 1: Kết quả khảo sát tình hình việc làm của HSSV tốt nghiệp năm 2019 ngành may thời trang

Bậc đào tạo	Ngành/Nghề đào tạo	Có phù hợp		Không phù hợp	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Cao đẳng	May thời trang	34	90%	3	10%
	May thời trang (liên thông)	13		2	
	Tổng cộng	45	90%	5	10%

Bảng 2: Kết quả khảo sát tình hình việc làm của HSSV tốt nghiệp năm 2021 ngành may thời trang

Bậc đào tạo	Ngành/Nghề đào tạo	Có phù hợp		Không phù hợp	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Cao đẳng	May thời trang	51	93, 33	4	6, 67%
	May thời trang (liên thông)	05		-	
	Tổng cộng	56	93, 33%	4	6, 67%

Như vậy, nghề May thời trang đáp ứng được yêu cầu có trên 90% tổng số HSSV tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành, nghề được đào tạo trong vòng 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 7.8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, Trung tâm Hợp tác đào tạo và Quan hệ doanh nghiệp đã tiến hành khảo sát, lấy ý kiến đánh giá nhận xét của các doanh nghiệp có liên kết đào tạo và tiếp nhận sử dụng lao động là HSSV của trường thông qua hình thức phát phiếu khảo sát nhằm đánh giá chất lượng về mức độ đáp ứng trong công việc của HSSV nhà trường sau khi tốt nghiệp. Qua kết quả lấy ý kiến đánh giá của các đơn vị sử dụng lao động, hầu hết các Doanh nghiệp đều hài lòng về chất lượng đào tạo của HSSV nhà trường. Số lượng doanh nghiệp được khảo sát là 17 doanh nghiệp (năm 2018), 19 doanh nghiệp (năm 2019), 19 doanh nghiệp (năm 2020). Trong đó nghề May thời trang khảo sát 10 doanh nghiệp mỗi năm. Các doanh nghiệp này đóng trên địa bàn các tỉnh Nam Định, Thái Bình, Hà Nam, Ninh Bình. Các doanh nghiệp đánh giá rất cao về ý thức làm việc của các em và hiệu quả công việc. Qua đó các Doanh nghiệp cũng đã lựa chọn, tuyển dụng được nguồn lao động có trình độ tay nghề cao cùng kỹ năng làm việc và khả năng thích ứng nhanh với các vị trí làm việc (*1.1.05-Bộ Hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến của Doanh nghiệp năm 2018, 2019, 2020*).

Trên cơ sở đó nhà trường có những kế hoạch điều chỉnh phương pháp đào tạo trong nhà trường. Tăng cường các hoạt động thực hành theo nhóm. Đưa các em sinh viên, sinh viên tham gia thực tập, trải nghiệm thực tế tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất

nhiều hơn để các em tiếp cận, hiểu được môi trường làm việc thực tế liên quan đến ngành nghề được đào tạo trong nhà trường.

Việc hợp tác đào tạo giữa Nhà trường và doanh nghiệp là xu hướng tất yếu, mang lại lợi ích lâu dài cho các bên tham gia. Thông qua hợp tác với Nhà trường, ngoài việc giúp doanh nghiệp quảng bá tên tuổi, thương hiệu, cơ hội tuyển chọn được nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu sản xuất, kinh doanh, chất lượng đào tạo của Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định cũng ngày càng được nâng cao và đáp ứng được nhu cầu của xã hội.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 7: 2 điểm

PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Với phương châm “Đổi mới quản lý, nâng cao chất lượng đào tạo và phát triển bền vững” và thực hiện chủ trương đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội, Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định xác định chính sách nâng cao chất lượng đối với nghề May thời trang như sau:

- Thực hiện thành công sứ mạng của nhà trường, xây dựng Nhà trường trở thành một cơ sở đào tạo năng động trong lĩnh vực may mặc, đáp ứng nhu cầu phát triển của tỉnh và khu vực theo hướng hội nhập quốc tế trên nền tảng lấy người học làm trung tâm, lấy chất lượng đào tạo làm cốt lõi, lấy hiệu quả kinh tế xã hội làm mục tiêu, lấy xu thế thời đại để định hướng tiếp cận.

- Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển năng lực và phẩm chất người học; học đi đôi với hành, lý luận gắn với thực tiễn.

- Mở rộng quan hệ hợp tác với các cơ sở đào tạo, các doanh nghiệp trong và ngoài nước để hợp tác đào tạo và tìm kiếm việc làm cho sinh viên.

- Không ngừng cải tiến công tác quản lý, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ giảng viên, chất lượng giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học.

- Không ngừng cải tiến nhằm nâng cao hiệu quả hệ thống bảo đảm chất lượng, phấn đấu đạt chuẩn kiểm định chất lượng theo các tiêu chuẩn quốc tế.

PHẦN IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đề xuất

- Để chất lượng chương trình đào tạo có hiệu quả cao, hàng năm phải được cập nhật, điều chỉnh cho phù hợp với thực tế phát triển của xã hội.

- Để đánh giá có hiệu quả chất lượng chương trình đào tạo cần cập nhật bộ công cụ và phương pháp đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn chương trình đào tạo tiên tiến.

2. Khuyến nghị

- Hàng năm được cử cán bộ tham gia đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, tham gia các đoàn tham quan khảo sát tiếp cận các khu công nghiệp trong tỉnh, trong nước, quốc tế tạo điều kiện cho nhà trường định hướng xây dựng chương trình đào tạo tốt hơn.

- Nguồn kinh phí dành cho công tác tự đánh giá, đánh giá ngoài chất lượng chương trình đào tạo của nhà trường còn hạn hẹp rất mong được sự quan tâm của Sở Lao động Thương binh - Xã hội, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp Bộ Lao động Thương binh – Xã hội cho trường được tiếp cận các nguồn kinh phí, dự án để thực hiện công tác kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.

Nam Định, ngày 23 tháng 8 năm 2021

Hiệu trưởng

TS. Nguyễn Duy Phấn

PHỤ LỤC

1. Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng GDNN trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định năm 2021

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP
NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 156A/QĐ-CĐCNNĐ

Nam Định, ngày 23 tháng 3 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập các Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo Các nghề trọng điểm năm 2021

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP NAM ĐỊNH

Căn cứ quyền hạn và trách nhiệm của Hiệu trưởng được quy định tại Điều lệ trường Cao đẳng theo Thông tư số 46/2016/TT-BLĐT BXH ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh - Xã hội;

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐT BXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 về Quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh - Xã hội;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Quản lý khoa học và Đảm bảo chất lượng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập 05 Hội đồng tự đánh giá chất lượng các chương trình đào tạo nghề trọng điểm trình độ cao đẳng trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định năm 2021 gồm các ông, bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chất lượng các chương trình đào tạo nghề trọng điểm trình độ cao đẳng trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định năm 2021 theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng và hướng dẫn của Bộ Lao động Thương binh - Xã hội.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng các đơn vị trực thuộc Hiệu trưởng và các thành viên của Hội đồng tự đánh giá chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, QLKH&ĐBCL.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)
TS. Nguyễn Duy Phần

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ MAY THỜI TRANG BẬC CAO ĐẲNG
NĂM 2021**

(Kèm theo Quyết định số 156A, ngày 23 tháng 3 năm 2021)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1.	Nguyễn Duy Phấn	Hiệu trưởng	Chủ tịch hội đồng
2.	Nguyễn Thị Hồng Châm	Trưởng khoa Công nghệ May & TKTT	Phó Chủ tịch HĐ
3.	Hoàng Văn Chính	Trưởng phòng QLKH&ĐBCL	Thư ký
4.	Bùi Tiên Dũng	P. Hiệu trưởng	Ủy viên
5.	Doãn Minh Toàn	Trưởng phòng Tổ chức hành chính	Ủy viên
6.	Nguyễn Thị Lan	P. Trưởng phòng phụ trách phòng Đào tạo	Ủy viên
7.	Phạm Khắc Chiến	P. Giám đốc phụ trách TT HTĐT&QHĐN	Ủy viên
8.	Nguyễn T. Hồng Minh	Trưởng phòng Công tác HSSV	Ủy viên
9.	Lê Sơn Hải	Trưởng phòng Quản trị vật tư	Ủy viên
10.	Trần Thị Thắm	P. Trưởng phòng phụ trách phòng Quản lý dự án	Ủy viên
11.	Vũ Văn Minh	Giám đốc TT Truyền thông - Thư viện	Ủy viên
12.	Nguyễn T. Thuý Nga	Trưởng phòng Tài chính kế toán	Ủy viên
13.	Bùi Thị Tiến	Chuyên viên phòng QLKH&ĐBCL	Ủy viên
14.	Bùi Thị Hợi	Giám đốc Công ty may Sông Hồng 3	Ủy viên
15.	Vũ Thị Chúc	Phó trưởng phòng Kỹ thuật, Công ty cổ phần may Nam Hà	Ủy viên

(Danh sách gồm có 15 người)

2. Kế hoạch Tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định năm 2021

**BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP
NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 164A/KH-CĐCNNĐ

Nam Định, ngày 29 tháng 3 năm 2021

KẾ HOẠCH

**Tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
các ngành trọng điểm năm 2021**

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Đánh giá, xác định mức độ thực hiện mục tiêu, chương trình, nội dung đào tạo, cơ sở vật chất, trang thiết bị thực hành, dịch vụ cho người học của nhà trường và các điều kiện học tập của học sinh, giảng dạy của giáo viên so với bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ cao đẳng tại Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 06 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Giúp nhà trường tự rà soát, xem xét đánh giá thực trạng của mình, lập và triển khai các kế hoạch hành động cải tiến nâng cao chất lượng chương trình đào tạo phù hợp với sứ mạng, chính sách và mục tiêu của nhà trường

Nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh, sinh viên về tầm quan trọng của quy trình xây dựng, vận hành, đánh giá, cải tiến hệ thống đảm bảo chất lượng và tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của từng ngành trọng điểm. Đồng thời, thu thập, xử lý thông tin và minh chứng để chứng minh mức độ đạt được của từng ngành trọng điểm dựa trên hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.

Xây dựng, thực hiện và duy trì tốt các tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá đã đạt được, đồng thời khắc phục những tiêu chí, tiêu chuẩn chưa đạt của từng ngành trọng điểm qua đó giúp trường hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn, tiến tới xây dựng trường vững mạnh toàn diện, khẳng định uy tín và thương hiệu Nhà trường.

Làm cơ sở báo cáo gửi Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Nam Định năm 2021, là điều kiện cần thiết cho việc kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp bắt buộc của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để tiến tới đánh giá ngoài chương trình đào tạo các ngành trọng điểm của nhà trường trong năm 2021.

2. Yêu cầu.

- Đảm bảo tính khách quan, trung thực và minh bạch trong quá trình tự kiểm định.
- Hợp tác, trao đổi, thảo luận công khai với tất cả các thành viên trong trường.
- Đảm bảo đúng thời gian, nội dung theo kế hoạch.

II. NỘI DUNG

1. Tiến độ thực hiện.

Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện
Từ 23/3/2021 đến 29/3/2021	- Ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các nghề trọng điểm năm 2021; - Lập kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các nghề trọng điểm năm 2021.	- Hiệu trưởng - Phòng QLKH&ĐBCL
Từ 30/3/2021 đến 14/7/2021	Kiểm tra thông tin, rà soát, thu thập các minh chứng cần có theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn	- Các thành viên thuộc các khoa chuyên môn - Các phòng, trung tâm được giao nhiệm vụ phối hợp thực hiện
Từ 15/7/2021 đến 30/7/2021	Đánh giá mức độ đạt được từng tiêu chí, tiêu chuẩn; chỉ rõ điểm mạnh, tồn tại, nguyên nhân, kế hoạch nâng cao chất lượng	Các khoa chuyên môn phụ trách nghề trọng điểm đang được đánh giá
Từ 02/8/2021 đến 13/8/2021	Tổng hợp báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.	Các nhóm thư ký của khoa được giao nhiệm vụ tổng hợp báo cáo của từng nghề trọng điểm đang tự đánh giá.
Từ 16/8/2021 đến 23/8/2021	Gửi dự thảo báo cáo và gửi các thành viên Hội đồng, các đơn vị xin ý kiến góp ý.	Khoa chuyên môn
Từ 24/8/2021 đến 31/8/2021	Tổng hợp các ý kiến góp ý và hoàn thiện Dự thảo báo cáo	Các nhóm thư ký được giao nhiệm vụ tổng hợp báo cáo
Từ 01/9/2021 đến 10/9/2021	Họp hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo để thông qua và trình Hiệu trưởng phê duyệt Báo cáo tự đánh giá chất lượng.	- Hội đồng TĐG - Phòng QLKH&ĐBCL
Từ 13/9/2021 đến 20/9/2021	Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng	- Phòng QLKH&ĐBCL - TT Truyền thông – Thư viện
Từ 21/9/2021 đến 30/9/2021	Gửi báo cáo tự đánh giá về Tổng cục giáo dục nghề nghiệp; Sở LĐ-TB & XH tỉnh Nam Định; Tổ chức kiểm định chất lượng GDNN	Phòng QLKH&ĐBCL

Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện
Từ 01/10/2021 đến 29/10/2021	Chuẩn bị và thực hiện đánh giá ngoài	Toàn trường
Từ 01/11/2021 đến 30/11/2021	Công bố trên các phương tiện thông tin kết quả đánh giá ngoài	Toàn trường

2. Phân công các đơn vị trực thuộc Trường hỗ trợ, cung cấp minh chứng, nội dung, số liệu theo tiêu chí, tiêu chuẩn liên quan

TT	Đơn vị hỗ trợ	Tiêu chuẩn	Thành viên Hội đồng phụ trách
1	Phòng Tổ chức hành chính	3.1, 3.2, 3.3, 3.5, 3.7, 3.8.	Doãn Minh Toàn
2	Phòng Đào tạo	1.1, 1.2, 1.3; 2.1, 2.2, 2.3, 2.5, 2.7; 3.3, 3.4; 4.1, 4.2, 4.3, 4.4, 4.5, 4.6, 4.7, 4.8; 6.2.	Nguyễn Thị Lan
3	Trung tâm HTĐT-QHDN	2.4; 3.6; 6.3; 7.1, 7.2, 7.7, 7.8.	Phạm Khắc Chiến
4	Phòng Công tác HSSV	2.5; 6.1, 6.2, 6.4.	Nguyễn T. Hồng Minh
5	Phòng QLKH&ĐBCL	2.5, 2.6; 3.4; 4.9, 4.10, 4.11, 4.12; 7.3, 7.4, 7.5, 7.6.	Hoàng Văn Chính
6	Phòng Quản trị vật tư	5.2, 5.3, 5.4, 5.8.	Lê Sơn Hải
7	Phòng Quản lý dự án	5.1.	Trần Thị Thắm
8	Trung tâm Truyền thông – Thư viện	5.6, 5.7.	Vũ Văn Minh

Lưu ý: Minh chứng các khoa chuyên môn thu thập phục vụ báo cáo TĐG CTĐT tính đến hết học kỳ II, năm học 2020-2021, ngày 30/6/2021.

3. Dự trù kinh phí

3.1. Đối với mỗi Chương trình đào tạo được tổ chức tự đánh giá, mức chi cụ thể như sau:

a. Chi họp Hội đồng tự đánh giá:

$$15 \times 100.000đ / \text{người} \times 3 \text{ phiên} = 4.500.000 \text{ đồng}$$

b. Thu thập số liệu, mô tả, phân tích thông tin minh chứng, mã hóa các minh chứng, viết báo cáo các tiêu chuẩn của 07 tiêu chí:

$$100.000đ / \text{tiêu chuẩn} \times 50 \text{ tiêu chuẩn} = 5.000.000 \text{ đồng}$$

c. Tổng hợp báo cáo, lập bảng mã minh chứng, viết phần I, phần II mục 1, phần III và phần IV: 1.500.000 đồng

d. Đóng góp ý kiến của chuyên gia:

500.000đ x 2 phiếu = 1.000.000 đồng

TỔNG CỘNG: a+b+c+d = 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng chẵn)

3.2. Các chương trình đào tạo của các nghề trọng điểm được tổ chức tự đánh giá

- + / CTĐT nghề May thời trang trình độ Cao đẳng
- + / CTĐT nghề Thiết kế thời trang trình độ Cao đẳng
- + / CTĐT nghề Điện Công nghiệp trình độ Cao đẳng
- + / CTĐT nghề Công nghệ Ô tô trình độ Cao đẳng
- + / CTĐT nghề Cắt gọt kim loại trình độ Cao đẳng

4. Công cụ tự đánh giá

Sử dụng bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ trung cấp và cao đẳng tại Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 06 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

5. Tổ chức thực hiện

5.1. Đối với Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề

- Đơn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch tự đánh giá chất lượng;
- Thông qua báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo và các biện pháp cải tiến, nâng cao chất lượng;
- Phối hợp, hỗ trợ đoàn đánh giá ngoài thực hiện kiểm định chất lượng tại Trường.

5.2. Các khoa chuyên môn

- Triển khai các nhiệm vụ theo đúng tiến độ của Kế hoạch đã được Hiệu trưởng phê duyệt. Thành lập nhóm thư ký của khoa tổng hợp báo cáo.
- Phân chia nhiệm vụ cụ thể cho nhà giáo, viên chức trong đơn vị để:
 - + Thu thập thông tin, minh chứng, phân tích, xử lý các thông tin minh chứng theo nhóm mình phụ trách.
 - + Đánh giá các tiêu chuẩn trong từng tiêu chí và tổng hợp báo cáo theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn.
 - + Mã hóa các thông tin minh chứng thu được.

(Ghi chú: Các biểu mẫu báo cáo trong Phụ lục 04 Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội).

- Sau khi hoàn thành các nội dung đã được phân công, các thành viên chuyển về cho nhóm thư ký để tổng hợp báo cáo, lập bảng mã minh chứng cho báo cáo.

- Khoa chuyển bản báo cáo đã tổng hợp đầy đủ, theo đúng quy định về phòng Quản lý khoa học và Đảm bảo chất lượng gồm: 01 bản cứng và 01 bản mềm./.

5.3. Phòng QLKH&ĐBCL

- Lập kế hoạch và triển khai công tác tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của 05 ngành/nghề trọng điểm trình độ Cao đẳng của trường.

- Gửi các tài liệu liên quan đến công tác tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo cho các khoa chuyên môn.

- Lưu trữ các thông tin, minh chứng và các phiếu đánh giá tiêu chí do các nhóm công tác chuyên trách thực hiện.

- Chuyển báo cáo TĐG CTĐT của các khoa chuyên môn cho Hội đồng TĐG nhận xét. Tổng hợp hoàn thiện lại báo cáo tự đánh giá sau khi nhận đóng góp ý kiến từ Hội đồng TĐG.

- Nộp kết quả báo cáo tự đánh giá lên Cục Kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp, Tổng cục giáo dục nghề nghiệp và Sở Lao động TB-XH tỉnh Nam Định.

5.4. Các đơn vị phòng, trung tâm

- Có trách nhiệm cung cấp thông tin, số liệu, minh chứng theo yêu cầu được phân công về việc hỗ trợ các khoa chuyên môn thu thập minh chứng đúng thời gian theo kế hoạch.

Nơi nhận:

- Ban giám hiệu;
- Các đơn vị;
- Lưu: VT, QLKH&ĐBCL.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Nguyễn Duy Phần

3. Bảng mã minh chứng

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dùng chung cho tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
1.	1	1	1.1.01		Bộ chương trình đào tạo nghề May thời trang
2.			1.1.02		Mục tiêu phát triển công bố trên trang điện tử của trường
3.			1.1.03		Chiến lược phát triển trường Cao Đẳng Công nghiệp Nam Định giai đoạn 2016- 2020 và tầm nhìn 2025
4.				1.1.01	Bộ chương trình đào tạo nghề May thời trang
5.			1.1.04		Bộ Kế hoạch xây dựng và công bố chuẩn đầu ra năm 2018, 2019, 2020 nghề May thời trang
6.			1.1.05		Bộ Hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến của Doanh nghiệp năm 2018, 2019, 2020
7.			1.1.06		Hợp đồng thực tập thực hành nghề May thời trang với các đơn vị sử dụng lao động năm 2018, 2019, 2020
8.			1.1.07		Hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến cựu sinh viên May thời trang năm 2018, 2019, 2020 và 6 tháng đầu năm 2021
9.			1.1.08		Bộ quyết định ban hành chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra năm 2018, 2019, 2020; Địa chỉ trang web chương trình đào tạo
10.			1.1.09		Kế hoạch phát triển chương trình đào tạo trung cấp, cao đẳng
11.			1.1.10		Bộ biên bản đánh giá chương trình đào tạo và đề xuất xây dựng, chỉnh lý chương trình đào tạo hàng năm
12.				1.1.01	Bộ chương trình đào tạo nghề May thời trang
13.			1.1.11		Bộ quyết định thành lập hội đồng thẩm định nghiệm thu chương trình đào tạo
14.	1	2	1.2.01		Quyết định ban hành cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của trường Cao đẳng công nghiệp Nam Định; Quyết định giao nhiệm vụ cho khoa Công nghệ may thời trang
15.			1.2.02		Tổng hợp giảng viên giảng dạy các môn chung cao đẳng nghề May thời trang bậc cao đẳng năm 2018, 2019, 2020
16.			1.2.03		Tổng hợp kế hoạch phân công giảng viên giảng dạy nghề May thời trang năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
17.			1.2.04		Báo cáo kết quả hoạt động năm học và phương hướng nhiệm vụ năm học tới
18.			1.2.05		Bộ kết quả đánh giá phân loại công chức, viên chức khoa Công nghệ may và Thiết kế thời trang năm 2018, 2019, 2020
19.			1.2.06		Bộ biên bản thẩm định và nghiệm thu chương trình đào tạo khoa Công nghệ may thời trang hàng năm
20.			1.2.07		Tổng hợp khối lượng giảng dạy và thực hiện nhiệm vụ giảng viên khoa CN may & TKTT năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020
21.			1.2.08		Hồ sơ giảng dạy của giảng viên nghề May thời trang (Sổ tay giảng viên, sổ lên lớp, giáo án) năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dùng chung cho tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
22.			1.2.09		Báo cáo kết quả công tác thanh kiểm tra nội bộ hàng tháng năm 2018, 2019, 2020
23.	1	3	1.3.01		Bộ quyết định mức chi tối thiểu cho người học cao đẳng nghề may thời trang năm 2018, 2019, 2020
24.			1.3.02		Bảng tổng hợp dự trù vật tư của khoa
25.				1.2.09	Báo cáo kết quả công tác thanh kiểm tra nội bộ hàng tháng năm 2018, 2019, 2020
26.			1.3.03		Bộ phiếu lấy ý kiến phản hồi của HSSV về hoạt động giảng dạy của GV khoa CN May TT năm 2018÷2020
27.			1.3.04		Báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán kinh phí hoạt động các năm 2018, 2019, 2020; Biên bản thanh, kiểm tra hoạt động tài chính năm 2018, 2019, 2020
28.			1.3.05		Quyết định mức thu học phí các năm 2018, 2019, 2020
29.				1.3.04	Báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán kinh phí hoạt động các năm 2018, 2019, 2020; Biên bản thanh, kiểm tra hoạt động tài chính năm 2018, 2019, 2020
30.			1.3.06		Dự toán thu chi ngân sách nhà nước các năm 2018, 2019, 2020
31.	2	1	2.1.01		Quy chế tuyển sinh của Trường CĐCNĐ năm học 2018 -2019, 2019 - 2020, 2020- 2021
32.			2.1.02		Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
33.			2.1.03		Quyết định thành lập các tiểu ban tuyển sinh (Ban thư ký, Ban cơ sở vật chất, ban phúc tra) năm 2018, 2019, 2020
34.			2.1.04		Kế hoạch tuyển sinh năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
35.			2.1.05		Thông báo tuyển sinh của Trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
36.			2.1.06		Hồ sơ đăng ký học nghề May thời trang năm 2018, 2019, 2020
37.			2.1.07		Quyết định trúng tuyển nghề May thời trang năm 2018, 2019, 2020
38.			2.1.08		Báo cáo về việc kiểm tra hồ sơ của thí sinh trúng tuyển hệ Cao đẳng, trung cấp trong và ngoài trường năm 2018, 2019, 2020
39.			2.1.09		Báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh năm 2018, 2019, 2020
40.			2.1.10		Biên bản họp hội đồng tổng kết tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh năm 2018, 2019, 2020, 2021
41.			2.1.11		Quyết định thành lập các lớp Cao đẳng nghề May thời trang năm học 2018- 2019, 2019-2020, 2020-2021
42.	2	2	2.2.01		Kế hoạch đào tạo nghề May thời trang năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
43.				1.1.01	Bộ chương trình đào tạo nghề May thời trang
44.			2.2.02		Tiến độ đào tạo nghề May thời trang năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
45.				1.2.03	Tổng hợp kế hoạch phân công giảng viên giảng dạy nghề May thời trang năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dùng chung cho tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
46.			2.2.03		Thời khoá biểu các lớp Cao đẳng nghề May thời trang các học kỳ các năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021 và tổng hợp phân công ca thực tập hàng tuần của khoa
47.				1.2.08	Hồ sơ giảng dạy của giảng viên nghề May thời trang (Sổ tay giảng viên, sổ lên lớp, giáo án) năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
48.			2.2.04		Kế hoạch công tác thanh tra, kiểm tra học kỳ I, II năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
49.			2.2.05		Thông báo về việc củng cố và tăng cường công tác tổ chức đào tạo năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
50.				1.2.09	Báo cáo kết quả công tác thanh kiểm tra nội bộ hàng tháng năm 2018, 2019, 2020
51.				1.2.04	Báo cáo kết quả hoạt động năm học và phương hướng nhiệm vụ năm học tới
52.	2	3		1.2.08	Hồ sơ giảng dạy của giảng viên nghề May thời trang (Sổ tay giảng viên, sổ lên lớp, giáo án) năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
53.				2.2.04	Kế hoạch công tác thanh tra, kiểm tra học kỳ I, II năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
54.				2.2.05	Thông báo về việc củng cố và tăng cường công tác tổ chức đào tạo năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
55.				1.2.09	Báo cáo kết quả công tác thanh kiểm tra nội bộ hàng tháng năm 2018, 2019, 2020
56.			2.3.01		Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến của nhà giáo năm 2018, 2019, 2020 (Kế hoạch, Bộ phiếu thu thập ý kiến của nhà giáo, Danh sách nhà giáo tham gia khảo sát, Báo cáo kết quả thu thập ý kiến của nhà giáo)
57.			2.3.02		Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến của người học năm 2018, 2019, 2020 (Kế hoạch, Bộ phiếu thu thập ý kiến của người học, Danh sách người học tham gia khảo sát, Báo cáo kết quả thu thập ý kiến của người học)
58.			2.3.03		Hướng dẫn sử dụng phần mềm quản lý đào tạo Markman
59.			2.3.04		Đề tài NCKH xây dựng phần mềm trộn đề thi từ NHCH
60.			2.3.05		Danh sách giáo viên nghề may thời trang sử dụng phần mềm dạy học
61.			2.3.06		Danh sách các môn học/mô đun nghề may thời trang có sử dụng phần mềm dạy học
62.			2.3.07		Bài giảng điện tử của giáo viên nghề may thời trang năm 2018, 2019, 2020
63.	2	4		1.1.06	Hợp đồng thực tập, thực hành nghề May thời trang với các đơn vị sử dụng lao động năm 2018, 2019, 2020
64.				2.2.02	Tiến độ đào tạo nghề May thời trang năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
65.			2.4.01		Quyết định cử HSSV nghề May thời trang đi thực tập tốt nghiệp năm 2018, 2019, 2020
66.			2.4.02		Bảng thống kê danh mục các thoả thuận/hợp đồng thực tập của nghề May thời trang đã bố trí cho HSSV đi thực tập các năm 2018, 2019, 2020
67.			2.4.03		Quyết định cử giáo viên nghề May thời trang hướng dẫn thực tập năm 2018, 2019, 2020
68.			2.4.04		Hồ sơ thực tập của HSSV (Đề cương hướng dẫn thực tập, Bảng chấm công)

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dùng chung cho tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
69.			2.4.05		Báo cáo kết quả thực tập của sinh viên nghề May thời trang có nhận xét của Doanh nghiệp năm 2018, 2019, 2020
70.			2.4.06		Báo cáo kết quả thực tập của giáo viên nghề May thời trang giảng dạy năm 2018, 2019, 2020 (bảng điểm KQ thực tập)
71.			2.4.07		Danh sách HSSV nghề May thời trang hoàn thành khóa thực tập năm 2018, 2019, 2020
72.	2	5	2.5.01		Quy chế đào tạo trình độ Cao đẳng, trung cấp theo niên chế của trường CĐCNND
73.				2.2.01	Kế hoạch đào tạo nghề May thời trang năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
74.				2.2.02	Tiến độ đào tạo nghề May thời trang năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021
75.			2.5.02		Kế hoạch thi tốt nghiệp nghề May thời trang năm 2018, 2019, 2020
76.			2.5.03		Biên bản xét điều kiện dự thi tốt nghiệp các lớp cao đẳng nghề May thời trang năm 2018, 2019, 2020
77.			2.5.04		Quyết định v/v công nhận sinh viên đủ điều kiện thi tốt nghiệp nghề May thời trang năm 2018, 2019, 2020
78.			2.5.05		Quyết định thành lập hội đồng thi tốt nghiệp nghề May thời trang năm 2018, 2019, 2020
79.			2.5.06		Quyết định thành lập ban thư ký đề thi, coi chấm thi tốt nghiệp
80.			2.5.07		Danh sách cán bộ coi thi tốt nghiệp các lớp cao đẳng nghề May thời trang năm 2018, 2019, 2020
81.			2.5.08		Kết quả thi tốt nghiệp các lớp cao đẳng nghề May thời trang năm 2018, 2019, 2020
82.			2.5.09		Biên bản họp xét tốt nghiệp các lớp Cao đẳng nghề May thời trang năm 2018, 2019, 2020
83.			2.5.10		Biên bản chấm thi tốt nghiệp
84.			2.5.11		Quyết định công nhận tốt nghiệp nghề May thời trang năm 2018, 2019, 2020
85.			2.5.12		Danh sách sinh viên được công nhận và xếp loại tốt nghiệp nghề May thời trang
86.			2.5.13		Báo cáo kết quả thanh, kiểm tra tổ chức thi tốt nghiệp nghề May thời trang năm học 2018-2019, 2019- 2020, 2020- 2021
87.			2.5.14		Kết quả điểm rèn luyện của HSSV nghề May thời trang năm học 2018-2019, 2019- 2020, 2020- 2021
88.			2.5.15		Quy chế quy định về sử dụng phôi bằng tốt nghiệp TC, CĐ; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp TC, CĐ của trường CĐCNND
89.			2.5.16		Sổ cấp phát văn bằng chứng chỉ
90.			2.5.17		Thông báo về việc kiểm tra thực hiện các quy định về quản lý, cấp phát văn bằng, chứng chỉ đào tạo
91.			2.5.18		Hồ sơ trúng tuyển nghề May thời trang năm 2018, 2019, 2020
92.	2	6		2.2.04	Kế hoạch công tác thanh tra, kiểm tra học kỳ I, II năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
93.			2.6.01		Kế hoạch công tác hàng tháng của Khoa Công nghệ May năm 2018, 2019, 2020

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dùng chung cho tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
94.			2.6.02		Thông báo về việc thanh tra thực hiện các quy định trong giảng dạy
95.			2.6.03		Biên bản dự giờ hàng tháng của Khoa năm 2018, 2019, 2020
96.			2.6.04		Biên bản kiểm tra thi kết thúc môn học, mô đun
97.			2.6.05		Nhật ký thanh tra
98.			2.6.06		Báo cáo nhanh công tác kiểm tra giảng dạy và học tập
99.				1.2.09	Báo cáo kết quả công tác thanh kiểm tra nội bộ hàng tháng năm 2018, 2019, 2020
100.			2.6.07		Thông báo về việc hoàn thiện nghiệp vụ của giảng viên năm học 2018-2019; 2019- 2020; 2020- 2021
101.				2.3.01	Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến của nhà giáo năm 2018, 2019, 2020 (Kế hoạch, Bộ phiếu thu thập ý kiến của nhà giáo, Danh sách nhà giáo tham gia khảo sát, Báo cáo kết quả thu thập ý kiến của nhà giáo)
102.			2.6.08		Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến của cán bộ quản lý năm 2018, 2019, 2020 (Kế hoạch, Bộ phiếu thu thập ý kiến của CBQL, Danh sách CBQL tham gia khảo sát, Báo cáo kết quả thu thập ý kiến của CBQL)
103.	2	7		2.5.01	Quy chế đào tạo trình độ Cao đẳng, trung cấp theo niên chế của trường CĐCNNĐ
104.			2.7.01		Chương trình đào tạo liên thông nghề May thời trang
105.				2.1.05	Thông báo tuyển sinh của trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
106.			2.7.02		Quyết định về việc công nhận trúng tuyển bậc Cao đẳng liên thông năm 2018, 2019, 2020
107.			2.7.03		Quyết định thành lập lớp CĐ liên thông nghề May thời trang năm 2018, 2019, 2020
108.			2.7.04		Thông báo cho học sinh các môn học, modun trong chương trình học liên thông nghề May thời trang năm 2018, 2019, 2020
109.			2.7.05		Kế hoạch đào tạo toàn khóa năm 2018, 2019, 2020
110.				2.2.02	Tiến độ đào tạo nghề May thời trang năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
111.				1.2.03	Tổng hợp kế hoạch phân công giảng viên giảng dạy nghề May thời trang năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
112.			2.7.06		Thời khoá biểu các lớp CĐ liên thông nghề May thời trang năm 2018, 2019, 2020
113.				2.2.04	Kế hoạch công tác thanh tra, kiểm tra học kỳ I, II năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
114.				2.6.01	Kế hoạch công tác hàng tháng của Khoa Công nghệ May năm 2018, 2019, 2020
115.				2.6.02	Thông báo về việc thanh tra thực hiện các quy định trong giảng dạy
116.				2.6.03	Biên bản dự giờ hàng tháng của Khoa năm 2018, 2019, 2020;
117.				2.6.04	Biên bản kiểm tra thi kết thúc môn học, mô đun
118.				2.6.05	Nhật ký thanh tra

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dùng chung cho tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
119.				2.6.06	Báo cáo nhanh công tác kiểm tra giảng dạy và học tập
120.				1.2.09	Báo cáo kết quả công tác thanh kiểm tra nội bộ hàng tháng năm 2018, 2019, 2020
121.				2.6.07	Thông báo về việc hoàn thiện nghiệp vụ của giảng viên năm học 2018-2019; 2019- 2020; 2020- 2021
122.	3	1	3.1.01		Danh sách trích ngang cán bộ, giáo viên khoa Công nghệ may và Thiết kế thời trang; Tổng hợp bản photo văn bằng, chứng chỉ giáo viên khoa Công nghệ may và Thiết kế thời trang
123.			3.1.02		Trích ngang tổng hợp văn bằng chứng chỉ giáo viên tham gia giảng dạy các môn chung nghề May thời trang, phòng tổ chức hành chính
124.			3.1.03		Bộ quyết định cử giảng viên tham gia giảng dạy các khoá đào tạo nâng cao năng lực quản lý cho các cơ sở công nghiệp nông thôn nghề may
125.	3	2		1.2.01	Quyết định ban hành cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của trường Cao đẳng công nghiệp Nam Định Quyết định giao nhiệm vụ cho khoa Công nghệ may thời trang
126.			3.2.01		Bộ quy định chế độ làm việc đối với Nhà giáo của Hiệu trưởng trường CDCNNĐ
127.			3.2.02		Tổng hợp kế hoạch phân công nhiệm vụ và khối lượng giảng dạy của giảng viên năm 2018, 2019, 2020
128.			3.2.03		Trích kết quả đánh giá giảng viên tham gia giảng dạy môn chung nghề May thời trang trong 3 năm – phòng Tổ chức hành chính
129.				1.2.05	Bộ kết quả đánh giá phân loại công chức, viên chức khoa Công nghệ may và Thiết kế thời trang năm 2018, 2019, 2020
130.				1.2.07	Tổng hợp khối lượng giảng dạy và thực hiện nhiệm vụ giảng viên khoa CN may & TKTT năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020
131.				1.2.09	Báo cáo kết quả công tác thanh kiểm tra nội bộ hàng tháng năm 2018, 2019, 2020
132.				1.3.03	Bộ phiếu lấy ý kiến phản hồi của HSSV về hoạt động giảng dạy của GV khoa CN May TT năm 2018÷2020
133.	3	3		1.1.01	Bộ Chương trình đào tạo nghề May thời trang
134.				1.2.03	Tổng hợp kế hoạch phân công giảng viên giảng dạy nghề May thời trang năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
135.				3.2.02	Tổng hợp kế hoạch phân công nhiệm vụ và khối lượng giảng dạy của giảng viên năm 2018, 2019, 2020
136.			3.3.01		Bộ hợp đồng giảng dạy khoa Công nghệ may & TKTT năm 2018, 2019, 2020
137.			3.3.02		Bộ quyết định thành lập, danh sách lớp CĐ59MF1,2, LC59MF, LC60MF, CĐ60MF; CĐ61MF, LC61MF; Kế hoạch đào tạo năm 2017- 2018, 2019-2020, 2020-2021
138.				2.2.03	Thời khoá biểu các lớp Cao đẳng nghề May thời trang các học kỳ các năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021 và tổng hợp phân công ca thực tập hàng tuần của khoa

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dùng chung cho tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
139.				1.2.03	Tổng hợp kế hoạch phân công giảng viên giảng dạy nghề May thời trang năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
140.			3.3.03		Tổng hợp số liệu sinh viên cao đẳng nghề May thời trang trong 3 năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
141.			3.3.04		Bảng tổng hợp tỷ lệ quy đổi người học/nhà giáo trong 3 năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
142.	3	4	3.4.01		Bộ hồ sơ hoạt động nghiên cứu khoa học năm 2018
143.			3.4.02		Bộ hồ sơ hội giảng cấp khoa năm học 2017-2018
144.			3.4.03		Bộ hồ sơ hoạt động nghiên cứu khoa học năm 2019
145.			3.4.04		Bộ hồ sơ hội giảng cấp trường năm học 2018-2019
146.			3.4.05		Bộ hồ sơ hoạt động nghiên cứu khoa học năm 2020
147.			3.4.06		Bộ hồ sơ hội giảng cấp tỉnh 2020; Chứng nhận được tặng giải khuyến khích của ban tổ chức hội giảng nhà giáo GDNN tỉnh Nam Định năm 2020
148.	3	5	3.5.01		Báo cáo xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức, viên chức giai đoạn 2016- 2020
149.				3.1.01	Danh sách trích ngang cán bộ, giáo viên khoa Công nghệ may và Thiết kế thời trang; Tổng hợp bản photo văn bản, chứng chỉ giáo viên khoa Công nghệ may và Thiết kế thời trang
150.			3.5.02		Bộ hồ sơ hoạt động học tập bồi dưỡng của giáo viên khoa Công nghệ may thời trang năm 2018
151.			3.5.03		Bộ hồ sơ hoạt động học tập bồi dưỡng của giáo viên khoa Công nghệ may thời trang năm 2019
152.			3.5.04		Bộ hồ sơ hoạt động học tập bồi dưỡng của giáo viên khoa Công nghệ may thời trang năm 2020
153.				1.3.03	Bộ phiếu lấy ý kiến phản hồi của HSSV về hoạt động giảng dạy của GV khoa CN May TT năm 2018÷2020
154.	3	6	3.6.01		Bộ hồ sơ thực tập tại doanh nghiệp của giáo viên năm 2018
155.			3.6.02		Bộ hồ sơ thực tập tại doanh nghiệp của giáo viên năm 2019 Các quyết định V/v cử viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng tại CHLB Đức, chứng chỉ được cấp tại Đức
156.			3.6.03		Bộ hồ sơ thực tập tại doanh nghiệp của giáo viên năm 2020
157.	3	7	3.7.01		Quyết định cử cán bộ đi học lớp TCELLCT
158.			3.7.02		Thẻ đảng viên, chứng chỉ CCELLCT của trưởng phó khoa
159.				3.1.01	Danh sách trích ngang cán bộ, giáo viên khoa Công nghệ may và Thiết kế thời trang; Tổng hợp bản photo văn bản, chứng chỉ giáo viên khoa Công nghệ may và Thiết kế thời trang
160.	3	8		1.2.01	Quyết định ban hành cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của trường Cao đẳng công nghiệp Nam Định Quyết định giao nhiệm vụ cho khoa Công nghệ may thời trang
161.				1.2.04	Báo cáo kết quả hoạt động năm học và phương hướng nhiệm vụ năm học tới

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dùng chung cho tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
162.				1.2.05	Bộ kết quả đánh giá phân loại công chức, viên chức khoa Công nghệ may và Thiết kế thời trang năm 2018, 2019, 2020
163.			3.8.01		Bộ quyết định công nhận và khen thưởng danh hiệu thi đua cá nhân và tập thể khoa công nghệ may thời trang năm học 2017- 2018, 2018-2019, 2019-2020
164.	4	1	4.1.01		Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp
165.			4.1.02		Kế hoạch rà soát, đánh giá chương trình đào tạo nghề May thời trang các năm 2018, 2019, 2020
166.			4.1.03		Kế hoạch xây dựng, phát triển và chỉnh lý chương trình đào tạo nghề May thời trang năm 2018, 2019, 2020
167.			4.1.04		Quyết định thành lập Tổ biên soạn CTĐT năm 2018, 2019, 2020
168.			4.1.05		Các Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT cấp khoa, trường nghề May thời trang năm 2018, 2019, 2020
169.			4.1.06		Các biên bản nghiệm thu, hiệu chỉnh chương trình tổng quát hệ Cao đẳng nghề May thời trang
170.			4.1.07		Quyết định ban hành CTĐT nghề May thời trang
171.	4	2		4.1.04	Quyết định thành lập Tổ biên soạn CTĐT năm 2018, 2019, 2020
172.				4.1.05	Các Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT cấp khoa, trường nghề May thời trang năm 2018, 2019, 2020
173.				4.1.06	Biên bản về việc đánh giá chương trình đào tạo và đề xuất xây dựng, chỉnh lý phát triển chương trình đào tạo năm 2018, 2019, 2020 Biên bản về việc nghiệm thu chương trình đào tạo Cao đẳng năm 2018, 2019, 2020
174.				4.1.07	Quyết định ban hành CTĐT nghề May thời trang
175.			4.2.01		Phiếu đánh giá của các thành viên trong hội đồng thẩm định chương trình đào tạo năm 2018, 2019, 2020
176.				4.1.06	Biên bản về việc nghiệm thu chương trình đào tạo Cao đẳng năm 2018, 2019, 2020
177.	4	3		1.1.04	Bộ Kế hoạch xây dựng và công bố chuẩn đầu ra năm 2018, 2019, 2020 nghề May thời trang
178.				4.1.07	Quyết định ban hành CTĐT nghề May thời trang
179.				4.2.01	Phiếu đánh giá của các thành viên trong hội đồng thẩm định chương trình đào tạo năm 2018, 2019, 2020
180.				2.3.01	Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến của nhà giáo năm 2018, 2019, 2020 (Kế hoạch, Bộ phiếu thu thập ý kiến của nhà giáo, Danh sách nhà giáo tham gia khảo sát, Báo cáo kết quả thu thập ý kiến của nhà giáo)
181.				2.3.02	Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến của người học năm 2018, 2019, 2020 (Kế hoạch, Bộ phiếu thu thập ý kiến của người học, Danh sách người học tham gia khảo sát, Báo cáo kết quả thu thập ý kiến của người học)
182.	4	4		4.1.07	Quyết định ban hành CTĐT nghề May thời trang
183.				1.1.01	Bộ chương trình đào tạo nghề May thời trang

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dùng chung cho tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
184.				4.2.01	Phiếu đánh giá của các thành viên trong hội đồng thẩm định chương trình đào tạo năm 2018, 2019, 2020
185.	4	5		4.1.07	Quyết định ban hành CTĐT nghề May thời trang
186.				1.1.01	Bộ chương trình đào tạo nghề May thời trang
187.				4.1.06	Các biên bản nghiệm thu, hiệu chỉnh chương trình tổng quát hệ Cao đẳng nghề May thời trang
188.	4	6		4.1.07	Quyết định ban hành CTĐT nghề May thời trang
189.				1.1.01	Bộ chương trình đào tạo nghề May thời trang
190.				4.1.06	Biên bản về việc đánh giá chương trình đào tạo và đề xuất xây dựng, chỉnh lý phát triển chương trình đào tạo năm 2018, 2019, 2020
191.	4	7		4.1.04	Quyết định thành lập Tổ biên soạn CTĐT năm 2018, 2019, 2020
192.				4.1.05	Các Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT cấp khoa, trường nghề May thời trang năm 2018, 2019, 2020
193.				4.1.06	Biên bản về việc nghiệm thu chương trình đào tạo Cao đẳng năm 2018, 2019, 2020
194.				4.1.07	Quyết định ban hành CTĐT nghề May thời trang
195.			4.7.01		Hồ sơ xây dựng các chương trình đào tạo nghề May thời trang trình độ Cao đẳng
196.	4	8	4.8.01		Bảng đối chiếu danh mục các môn học/người học phải học bổ sung khi học liên thông giữa các cấp trình độ của nghề May thời trang
197.			4.8.02		Quy định công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và khối lượng kiến thức, kỹ năng đã tích lũy của người học được miễn trừ khi thực hiện chương trình đào tạo liên thông lên các nghề cao đẳng của Trường
198.			4.8.03		Quyết định phê duyệt và ban hành chương trình đào tạo nghề May thời trang trình độ cao đẳng
199.			4.8.04		Hồ sơ xây dựng các chương trình đào tạo nghề May thời trang trình độ Cao đẳng
200.			4.8.05		Văn bản hợp tác với Trường Đại học Sao Đỏ về việc đào tạo liên thông nghề May thời trang của Trường
201.			4.8.06		Các thông báo tuyển sinh đào tạo liên thông của các trường đại học
202.	4	9	4.9.01		Các Quyết định vv ban hành sử dụng giáo trình đào tạo lưu hành nội bộ nghề May TT (Quyết định vv ban hành sử dụng giáo trình đào tạo lưu hành nội bộ; Danh mục giáo trình đào tạo biên soạn, lựa chọn năm 2017, 2018, 2020)
203.			4.9.02		Bảng phân công nhiệm vụ biên soạn, lựa chọn giáo trình đào tạo Khoa CN may & thời trang ngày 8/9/2017 (tên các giáo trình biên soạn)
204.			4.9.03		Danh mục giáo trình nghề May thời trang trình độ Cao đẳng và các bản in đi kèm
205.			4.9.04		Đường link bản mềm giáo trình đào tạo nghề May thời trang trình độ Cao đẳng của Trường
206.	4	10	4.10.01		Kế hoạch biên soạn, lựa chọn giáo trình đào tạo năm 2017, 2018, 2020

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dùng chung cho tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
207.			4.10.02		Quyết định về việc thành lập tiểu ban biên soạn, lựa chọn giáo trình đào tạo năm 2017, 2018, 2020
208.			4.10.03		Phân công nhiệm vụ biên soạn giáo trình của các Trưởng tiểu ban lựa chọn, biên soạn năm 2017, 2020
209.			4.10.04		Biên bản Hội thảo về nội dung chi tiết giáo trình của các ngành, nghề đào tạo năm 2017, 2018, 2020
210.			4.10.05		Quyết định thành lập HĐ thẩm định giáo trình đào tạo năm 2017, 2020
211.			4.10.06		Biên bản thẩm định giáo trình của Hội đồng thẩm định năm 2017, 2018, 2020
212.			4.10.07		Phiếu đánh giá nghiệm thu giáo trình năm 2017, 2018, 2020
213.			4.10.08		Tổng hợp xác nhận của các Trưởng tiểu ban đã chỉnh sửa giáo trình sau thẩm định năm 2017, 2018, 2020
214.				4.9.01	Các Quyết định vv ban hành sử dụng giáo trình đào tạo lưu hành nội bộ nghề May TT (Quyết định vv ban hành sử dụng giáo trình đào tạo lưu hành nội bộ; Danh mục giáo trình đào tạo biên soạn, lựa chọn năm 2017, 2018, 2020)
215.	4	11	4.10.04		Biên bản Hội thảo về nội dung chi tiết giáo trình của các ngành, nghề đào tạo năm 2017, 2018, 2020
216.			4.10.06		Biên bản thẩm định giáo trình của Hội đồng thẩm định năm 2017, 2018, 2020
217.			4.10.07		Phiếu đánh giá nghiệm thu giáo trình năm 2017, 2018, 2020
218.			4.10.08		Tổng hợp xác nhận của các Trưởng tiểu ban đã chỉnh sửa giáo trình sau thẩm định năm 2017, 2018, 2020
219.				4.9.01	Các Quyết định vv ban hành sử dụng giáo trình đào tạo lưu hành nội bộ nghề May TT (Quyết định vv ban hành sử dụng giáo trình đào tạo lưu hành nội bộ; Danh mục giáo trình đào tạo biên soạn, lựa chọn năm 2017, 2018, 2020)
220.				4.9.03	Danh mục giáo trình nghề May thời trang trình độ cao đẳng và các bản in đi kèm
221.			4.11.01		Các biên bản sinh hoạt nghiệp vụ chuyên môn
222.				2.3.02	Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến của người học năm 2018, 2019, 2020 (Kế hoạch, Bộ phiếu thu thập ý kiến của người học, Danh sách người học tham gia khảo sát, Báo cáo kết quả thu thập ý kiến của người học)
223.				2.3.01	Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến của nhà giáo năm 2018, 2019, 2020 (Kế hoạch, Bộ phiếu thu thập ý kiến của nhà giáo, Danh sách nhà giáo tham gia khảo sát, Báo cáo kết quả thu thập ý kiến của nhà giáo)
224.				2.6.08	Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến của cán bộ quản lý năm 2018, 2019, 2020 (Kế hoạch, Bộ phiếu thu thập ý kiến của CBQL, Danh sách CBQL tham gia khảo sát, Báo cáo kết quả thu thập ý kiến của CBQL)
225.				1.1.05	Bộ Hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến của Doanh nghiệp năm 2018, 2019, 2020
226.				1.1.07	Hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến cựu sinh viên May thời trang năm 2018, 2019, 2020 và 6 tháng đầu năm 2021
227.	4	12	4.10.04		Biên bản Hội thảo về nội dung chi tiết giáo trình của các ngành, nghề đào tạo năm 2017, 2018, 2020
228.			4.10.06		Biên bản thẩm định giáo trình của Hội đồng thẩm định năm 2017, 2018, 2020
229.			4.10.07		Phiếu đánh giá nghiệm thu giáo trình năm 2017, 2018, 2020

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dùng chung cho tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
230.				4.10.08	Tổng hợp xác nhận của các Trưởng tiểu ban đã chỉnh sửa giáo trình sau thẩm định năm 2017, 2018, 2020
231.				4.9.01	Các Quyết định ban hành sử dụng giáo trình đào tạo năm 2017, 2018, 2020
232.				4.9.03	Danh mục giáo trình nghề May thời trang trình độ cao đẳng và các bản in đi kèm
233.				4.12.07	Hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến của Doanh nghiệp năm 2018, 2019, 2020
234.				1.1.07	Hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến cựu sinh viên May thời trang năm 2018, 2019, 2020 và 6 tháng đầu năm 2021
235.	5	1	5.1.01		Hồ sơ hoàn công các khối công trình (Nhà học lý thuyết, Nhà xưởng thực hành may, Nhà Giảng đường Thư viện, Tuyến cáp ngầm 35KV, TBA 400KVA và đường trục hạ thế, Hệ thống cấp nước, thu gom và xử lý nước thải).
236.				5.1.02	Ảnh phòng học lý thuyết
237.				5.1.03	Bảng nội quy phòng học lý thuyết
238.				5.1.04	Ảnh chụp phòng học chuyên môn
239.				5.1.01	Hồ sơ hoàn công các khối công trình (Nhà học lý thuyết, Nhà xưởng thực hành may, Nhà Giảng đường Thư viện, Tuyến cáp ngầm 35KV, TBA 400KVA và đường trục hạ thế, Hệ thống cấp nước, thu gom và xử lý nước thải)
240.				5.1.05	Ảnh chụp xưởng thực hành
241.				5.1.06	Bảng nội quy xưởng thực hành
242.				5.1.07	Biên bản họp phân công quản lý tài sản khoa CN May và thiết kế thời trang năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
243.				5.1.01	Hồ sơ hoàn công các khối công trình (Nhà học lý thuyết, Nhà xưởng thực hành may, Nhà Giảng đường Thư viện, Tuyến cáp ngầm 35KV, TBA 400KVA và đường trục hạ thế, Hệ thống cấp nước, thu gom và xử lý nước thải)
244.				5.1.08	Hợp đồng mua bán điện
245.				5.1.09	Bản vẽ thiết kế điện nhà xưởng Khoa CN May & TKTT
246.				5.1.10	Biên bản làm việc kiểm tra hệ thống điện
247.				5.1.11	Hợp đồng dịch vụ cấp nước sạch
248.				5.1.01	Hồ sơ hoàn công các khối công trình (Nhà học lý thuyết, Nhà xưởng thực hành may, Nhà Giảng đường Thư viện, Tuyến cáp ngầm 35KV, TBA 400KVA và đường trục hạ thế, Hệ thống cấp nước, thu gom và xử lý nước thải)
249.				2.1.11	Quyết định thành lập các lớp Cao đẳng nghề May thời trang năm học 2018- 2019, 2019-2020, 2020-2021
250.				5.1.12	Danh sách các phòng học chuyên môn và xưởng thực hành nghề May thời trang

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dùng chung cho tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
251.			5.1.13		Kế hoạch đào tạo, tiến độ giảng dạy các lớp Cao đẳng nghề May thời trang năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
252.				2.2.03	Thời khoá biểu các lớp Cao đẳng nghề May thời trang các học kỳ các năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021 và tổng hợp phân công ca thực tập hàng tuần của khoa
253.			5.1.14		Danh sách các nhóm sinh viên thực hành các môn học, mô đun các năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
254.				5.1.01	Hồ sơ hoàn công các khối công trình (Nhà học lý thuyết, Nhà xưởng thực hành may, Nhà Giảng đường Thư viện, Tuyến cáp ngầm 35KV, TBA 400KVA và đường trục hạ thế, Hệ thống cấp nước, thu gom và xử lý nước thải)
255.			5.1.15		Ảnh chụp bộ thiết bị, tiêu lệnh, nội quy PCCC
256.			5.1.16		Bộ hồ sơ về hệ thống PCCC (Bản vẽ hoàn công hạng mục phòng cháy và chữa cháy, Biên bản nghiệm thu hệ thống PCCC, Biên bản kiểm tra về PCCC, cứu nạn, cứu hộ các năm 2018, 2019, 2020)
257.			5.1.17		Nội quy sử dụng máy chuyên dùng
258.			5.1.18		Hình ảnh tem kiểm định trên thiết bị
259.				2.3.01	Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến của nhà giáo năm 2018, 2019, 2020 (Kế hoạch, Bộ phiếu thu thập ý kiến của nhà giáo, Danh sách nhà giáo tham gia khảo sát, Báo cáo kết quả thu thập ý kiến của nhà giáo)
260.				2.3.02	Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến của người học năm 2018, 2019, 2020 (Kế hoạch, Bộ phiếu thu thập ý kiến của người học, Danh sách người học tham gia khảo sát, Báo cáo kết quả thu thập ý kiến của người học)
261.				2.6.08	Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến của cán bộ quản lý năm 2018, 2019, 2020 (Kế hoạch, Bộ phiếu thu thập ý kiến của CBQL, Danh sách CBQL tham gia khảo sát, Báo cáo kết quả thu thập ý kiến của CBQL)
262.	5	2		1.1.01	Bộ chương trình đào tạo nghề May thời trang
263.				5.1.12	Danh sách các phòng học chuyên môn và xưởng thực hành nghề May thời trang
264.			5.2.01		Danh sách trang thiết bị chính tại các phòng chuyên môn, xưởng thực hành
265.			5.2.02		Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có đáp ứng danh mục thiết bị dạy nghề cho các môn học, mô đun
266.				5.1.13	Kế hoạch đào tạo, tiến độ giảng dạy các lớp Cao đẳng nghề May thời trang năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
267.			5.2.03		Các văn bản, tài liệu về việc sinh viên thực tập và học tại Doanh nghiệp (Hợp đồng vv tiếp nhận SV trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp; QĐ về việc điều động sinh viên các lớp CDMF đi thực tập và học tại Doanh nghiệp; Danh sách sinh viên thực tập tại Doanh nghiệp năm học 2018-2019, 2019-2020; QĐ vv cử giảng viên giảng dạy,

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dùng chung cho tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					quản lý học thực hành tại doanh nghiệp)
268.			5.2.04		Sổ giao ca, Sổ quản lý thiết bị tại các phòng chuyên môn, xưởng thực hành
269.			5.2.05		Biên bản kiểm kê tại phòng chuyên môn và xưởng thực hành nghề May thời trang năm 2018; 2019; 2020
270.				2.3.01	Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến của nhà giáo năm 2018, 2019, 2020 (Kế hoạch, Bộ phiếu thu thập ý kiến của nhà giáo, Danh sách nhà giáo tham gia khảo sát, Báo cáo kết quả thu thập ý kiến của nhà giáo)
271.				2.3.02	Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến của người học năm 2018, 2019, 2020 (Kế hoạch, Bộ phiếu thu thập ý kiến của người học, Danh sách người học tham gia khảo sát, Báo cáo kết quả thu thập ý kiến của người học)
272.				2.6.08	Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến của cán bộ quản lý năm 2018, 2019, 2020 (Kế hoạch, Bộ phiếu thu thập ý kiến của CBQL, Danh sách CBQL tham gia khảo sát, Báo cáo kết quả thu thập ý kiến của CBQL)
273.	5	3		5.1.12	Danh sách các phòng học chuyên môn và xưởng thực hành nghề May thời trang
274.				5.2.01	Danh sách trang thiết bị chính tại các phòng chuyên môn, xưởng thực hành
275.				2.1.11	Quyết định thành lập các lớp Cao đẳng nghề May thời trang năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
276.				5.1.13	Kế hoạch đào tạo, tiến độ giảng dạy các lớp Cao đẳng nghề May thời trang năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
277.				2.2.03	Thời khoá biểu các lớp Cao đẳng nghề May thời trang các học kỳ các năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021 và tổng hợp phân công ca thực tập hàng tuần của khoa
278.				5.1.14	Danh sách các nhóm sinh viên thực hành các môn học, mô đun các năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
279.				5.2.04	Sổ giao ca, Sổ quản lý thiết bị tại các phòng chuyên môn, xưởng thực hành
280.				5.2.05	Biên bản kiểm kê tại phòng chuyên môn và xưởng thực hành năm 2018; 2019; 2020
281.				2.3.01	Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến của nhà giáo năm 2018, 2019, 2020 (Kế hoạch, Bộ phiếu thu thập ý kiến của nhà giáo, Danh sách nhà giáo tham gia khảo sát, Báo cáo kết quả thu thập ý kiến của nhà giáo)
282.				2.3.02	Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến của người học năm 2018, 2019, 2020 (Kế hoạch, Bộ phiếu thu thập ý kiến của người học, Danh sách người học tham gia khảo sát, Báo cáo kết quả thu thập ý kiến của người học)
283.				2.6.08	Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến của cán bộ quản lý năm 2018, 2019, 2020 (Kế hoạch, Bộ phiếu thu thập ý kiến của CBQL, Danh sách CBQL tham gia khảo sát, Báo cáo kết quả thu thập ý kiến của CBQL)
284.	5	4	5.4.01		Sơ đồ bố trí thiết bị nhà xưởng thực hành
285.				5.1.05	Ảnh chụp xưởng thực hành
286.			5.4.02		Bảng Tiêu chuẩn 5S tại xưởng thực hành
287.				5.1.17	Nội quy sử dụng máy chuyên dùng

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dùng chung cho tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
288.				5.1.18	Hình ảnh tem kiểm định trên thiết bị
289.				5.2.04	Sổ giao ca, Sổ quản lý thiết bị tại các phòng chuyên môn, xưởng thực hành
290.				2.3.01	Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến của nhà giáo năm 2018, 2019, 2020 (Kế hoạch, Bộ phiếu thu thập ý kiến của nhà giáo, Danh sách nhà giáo tham gia khảo sát, Báo cáo kết quả thu thập ý kiến của nhà giáo)
291.				2.3.02	Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến của người học năm 2018, 2019, 2020 (Kế hoạch, Bộ phiếu thu thập ý kiến của người học, Danh sách người học tham gia khảo sát, Báo cáo kết quả thu thập ý kiến của người học)
292.				2.6.08	Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến của cán bộ quản lý năm 2018, 2019, 2020 (Kế hoạch, Bộ phiếu thu thập ý kiến của CBQL, Danh sách CBQL tham gia khảo sát, Báo cáo kết quả thu thập ý kiến của CBQL)
293.			5.4.03		Hồ sơ mua sắm thiết bị (Hợp đồng kinh tế; Biên bản bàn giao thiết bị; Bảng danh mục, thông số kỹ thuật của hàng hoá bàn giao; Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng)
294.				5.2.04	Sổ giao ca, Sổ quản lý thiết bị tại các phòng chuyên môn, xưởng thực hành
295.				5.1.17	Nội quy sử dụng máy chuyên dùng
296.			5.4.04		Quy chế quản lý tài sản công
297.			5.4.05		Quy định quản lý, sử dụng phòng thí nghiệm, thực hành
298.			5.4.06		Sổ lý lịch tài sản
299.			5.4.07		Báo cáo đánh giá việc bố trí thiết bị xưởng thực hành May thời trang năm học năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020
300.				5.2.01	Danh sách trang thiết bị chính tại các phòng chuyên môn, xưởng thực hành
301.			5.4.08		Báo cáo tình hình quản lý sử dụng phòng học chuyên môn, xưởng thực hành năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020
302.			5.4.09		Hồ sơ bảo dưỡng thiết bị tại Khoa Công nghệ may và thiết kế thời trang năm 2018; 2019; 2020 (Kế hoạch; Quyết định; Hợp đồng)
303.				2.3.01	Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến của nhà giáo năm 2018, 2019, 2020 (Kế hoạch, Bộ phiếu thu thập ý kiến của nhà giáo, Danh sách nhà giáo tham gia khảo sát, Báo cáo kết quả thu thập ý kiến của nhà giáo)
304.				2.3.02	Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến của người học năm 2018, 2019, 2020 (Kế hoạch, Bộ phiếu thu thập ý kiến của người học, Danh sách người học tham gia khảo sát, Báo cáo kết quả thu thập ý kiến của người học)
305.				2.6.08	Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến của cán bộ quản lý năm 2018, 2019, 2020 (Kế hoạch, Bộ phiếu thu thập ý kiến của CBQL, Danh sách CBQL tham gia khảo sát, Báo cáo kết quả thu thập ý kiến của CBQL)
306.	5	5	5.5.01		Hình ảnh kho vật tư
307.				1.1.01	Chương trình đào tạo nghề May thời trang trình độ cao đẳng năm 2018,2019, 2020

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dùng chung cho tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
308.			5.5.02		QĐ phê duyệt định mức kinh tế kỹ thuật đào tạo nghề May thời trang
309.			5.5.03		Định mức vật tư cho các môn học, mô đun nghề May thời trang hệ cao đẳng
310.				5.1.13	Kế hoạch đào tạo, tiến độ giảng dạy các lớp Cao đẳng nghề May thời trang năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
311.			5.5.04		Dự trữ vật tư tháng
312.			5.5.05		Bảng tổng hợp dự trữ vật tư tháng
313.			5.5.06		Phiếu nhập kho
314.			5.5.07		Quy định cung ứng, quản lý vật tư, hàng hóa, và dịch vụ các hoạt động của nhà trường
315.				2.2.03	Thời khoá biểu các lớp Cao đẳng nghề May thời trang các học kỳ các năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021 và tổng hợp phân công ca thực tập hàng tuần của khoa
316.			5.5.08		Giấy xin lĩnh vật tư của môn học, mô đun; Phiếu xuất kho
317.				5.5.03	Định mức vật tư cho các môn học, mô đun nghề May thời trang hệ cao đẳng
318.			5.5.09		Báo cáo quyết toán vật tư, hàng hoá sử dụng
319.			5.5.10		Đề nghị thu hồi; Biên bản thu hồi vật tư công cụ, dụng cụ sau khi sử dụng
320.				2.3.01	Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến của nhà giáo năm 2018, 2019, 2020 (Kế hoạch, Bộ phiếu thu thập ý kiến của nhà giáo, Danh sách nhà giáo tham gia khảo sát, Báo cáo kết quả thu thập ý kiến của nhà giáo)
321.				2.3.02	Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến của người học năm 2018, 2019, 2020 (Kế hoạch, Bộ phiếu thu thập ý kiến của người học, Danh sách người học tham gia khảo sát, Báo cáo kết quả thu thập ý kiến của người học)
322.				2.6.08	Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến của cán bộ quản lý năm 2018, 2019, 2020 (Kế hoạch, Bộ phiếu thu thập ý kiến của CBQL, Danh sách CBQL tham gia khảo sát, Báo cáo kết quả thu thập ý kiến của CBQL)
323.	5	6		1.1.01	Bộ chương trình đào tạo nghề May thời trang
324.				4.9.01	Các Quyết định vv ban hành sử dụng giáo trình đào tạo lưu hành nội bộ nghề May TT (Quyết định vv ban hành sử dụng giáo trình đào tạo lưu hành nội bộ; Danh mục giáo trình đào tạo biên soạn, lựa chọn năm 2017, 2018, 2020)
325.				5.1.01	Hồ sơ hoàn công các khối công trình (Nhà học lý thuyết, Nhà xưởng thực hành may, Nhà Giảng đường Thư viện, Tuyến cáp ngầm 35KV, TBA 400KVA và đường trục hạ thế, Hệ thống cấp nước, thu gom và xử lý nước thải)
326.			5.6.01		Ảnh chụp kho lưu trữ Thư viện
327.				4.9.01	Các Quyết định vv ban hành sử dụng giáo trình đào tạo lưu hành nội bộ nghề May TT (Quyết định vv ban hành sử dụng giáo trình đào tạo lưu hành nội bộ; Danh mục giáo trình đào tạo biên soạn, lựa chọn năm 2017, 2018, 2020)
328.			5.6.02		Bản in các giáo trình đã được phê duyệt

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dùng chung cho tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
329.			5.6.03		Biên bản kiểm kê công cụ, dụng cụ, mô hình các năm 2018, 2019, 2020
330.			5.6.04		Báo cáo kiểm kê sách thư viện các năm 2018, 2019, 2020
331.			5.6.05		Bản in sách, tạp chí, tài liệu tham khảo
332.				2.1.11	Quyết định thành lập các lớp Cao đẳng nghề May thời trang năm học 2018- 2019, 2019-2020, 2020-2021
333.			5.6.06		Sổ mượn sách thư viện năm 2018, 2019, 2020
334.			5.6.07		Trang Web http://thuvienso.cnd.edu.vn/ ; Danh mục tài liệu
335.			5.6.08		Phần mềm thư viện điện tử; Phần mềm Quản lý thư viện
336.			5.6.09		Hợp đồng cung cấp dịch vụ VNN/Internet trực tiếp số: 1109/TTKD/VNPTTTH-CĐCNNĐ/HĐINTTT ngày 11/9/2020
337.			5.6.10		Danh mục tài liệu điện tử
338.			5.6.11		Lướt truy cập thư viện điện tử
339.			5.6.12		Phiếu khảo sát bạn đọc
340.				2.3.01	Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến của nhà giáo năm 2018, 2019, 2020 (Kế hoạch, Bộ phiếu thu thập ý kiến của nhà giáo, Danh sách nhà giáo tham gia khảo sát, Báo cáo kết quả thu thập ý kiến của nhà giáo)
341.				2.3.02	Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến của người học năm 2018, 2019, 2020 (Kế hoạch, Bộ phiếu thu thập ý kiến của người học, Danh sách người học tham gia khảo sát, Báo cáo kết quả thu thập ý kiến của người học)
342.	5	7	5.7.01		Danh mục thiết bị, máy tính của thư viện
343.			5.7.02		Biên bản kiểm kê tài sản thư viện năm 2018, 2019, 2020
344.			5.7.03		Ảnh chụp phòng đọc của Thư viện
345.				5.6.09	Hợp đồng cung cấp dịch vụ VNN/Internet trực tiếp số: 1109/TTKD/VNPTTTH-CĐCNNĐ/HĐINTTT ngày 11/9/2020
346.				5.6.08	Phần mềm thư viện điện tử; Phần mềm Quản lý thư viện
347.			5.7.04		Bảng thời gian mở cửa
348.			5.7.05		Bảng nội quy thư viện
349.				2.3.01	Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến của nhà giáo năm 2018, 2019, 2020 (Kế hoạch, Bộ phiếu thu thập ý kiến của nhà giáo, Danh sách nhà giáo tham gia khảo sát, Báo cáo kết quả thu thập ý kiến của nhà giáo)
350.				2.3.02	Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến của người học năm 2018, 2019, 2020 (Kế hoạch, Bộ phiếu thu thập ý kiến của người học, Danh sách người học tham gia khảo sát, Báo cáo kết quả thu thập ý kiến của người học)
351.	5	8		1.1.01	Bộ chương trình đào tạo nghề May thời trang

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dùng chung cho tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
352.				2.2.03	Thời khoá biểu các lớp Cao đẳng nghề May thời trang các học kỳ các năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021 và tổng hợp phân công ca thực tập hàng tuần của khoa
353.				2.3.06	Danh sách các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo nghề May thời trang sử dụng phần mềm dạy học
354.			5.8.01		Hình ảnh các phần mềm ảo áp dụng thực tế trong giảng dạy nghề May thời trang
355.			5.8.02		Hình ảnh thể hiện các môn học, mô đun áp dụng các phần mềm dạy học
356.				2.3.02	Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến của người học năm 2018, 2019, 2020 (Kế hoạch, Bộ phiếu thu thập ý kiến của người học, Danh sách người học tham gia khảo sát, Báo cáo kết quả thu thập ý kiến của người học)
357.	6	1		2.1.04	Kế hoạch tuyển sinh năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
358.			6.1.01		Các tài liệu tuyên truyền tuyển sinh của Nhà trường hằng năm
359.			6.1.02		Những hình ảnh các buổi tuyên truyền tuyển sinh của Nhà trường
360.			6.1.03		Kế hoạch về việc học tập chính trị đầu khóa hàng năm
361.			6.1.04		Các tài liệu cung cấp cho HSSV trong tuần sinh hoạt đầu khoá
362.			6.1.05		Địa chỉ Website: http://cnd.edu.vn , Facebook: https://www.facebook.com/sinh.tuyen.35175
363.			6.1.06		Các nội quy của Trường
364.			6.1.07		Các biên bản sinh hoạt lớp
365.			6.1.08		Tổng hợp kết quả khảo sát hàng năm
366.	6	2	6.2.01		Các thông báo thực hiện chế độ miễn, giảm học phí hàng năm
367.			6.2.02		Quy trình miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập HSSV
368.			6.2.03		Quyết định miễn giảm học phí hàng năm
369.			6.2.04		Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, theo niên chế của Trường CĐ CN Nam Định
370.			6.2.05		Các quyết định công nhận sinh viên bậc Cao đẳng được hưởng học bổng khuyến khích học tập của Trường
371.			6.2.06		Quy trình cấp giấy xác nhận vay vốn cho HSSV
372.			6.2.07		Danh sách SV nghề May thời trang được hỗ trợ vay vốn học tập
373.			6.2.08		Quy chế HSSV Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định
374.			6.2.09		Văn bản số 53/2015 quy định chính sách nội trú của HSSV nhà trường
375.			6.2.10		Danh sách HSSV ở nội trú hằng năm
376.			6.2.11		Các quyết định trao học bổng tài trợ của doanh nghiệp cho HSSV của Trường
377.			6.2.12		Lịch trực phòng Ký túc xá

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dùng chung cho tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
378.				6.1.08	Tổng hợp kết quả khảo sát hằng năm
379.	6	3	6.3.01		Quyết định thành lập và Chức năng nhiệm vụ của Trung tâm Hợp tác đào tạo và Quan hệ doanh nghiệp
380.			6.3.02		Kế hoạch tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp năm 2018, 2019, 2020
381.			6.3.03		Hình ảnh các buổi tư vấn việc làm của Trường
382.			6.3.04		Thông báo tuyển dụng của Doanh nghiệp năm 2018, 2019, 2020
383.			6.3.05		Thông báo tuyển dụng của các đơn vị tư vấn du học xuất khẩu lao động năm 2018, 2019, 2020
384.			6.3.06		Kế hoạch tham quan Doanh nghiệp năm 2018, 2019, 2020;
385.			6.3.07		Những hình ảnh HSSV tham quan tại doanh nghiệp
386.				1.1.06	Hợp đồng thực tập, thực hành nghề May thời trang với các đơn vị sử dụng lao động năm 2018, 2019, 2020
387.			6.3.08		Báo cáo kết quả hoạt động tư vấn việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp năm 2018, 2019, 2020; ;
388.			6.3.09		Thông kê số lượng SV nghề May thời trang được thụ hưởng từ các hoạt động tư vấn việc làm của Trường hằng năm
389.				1.1.07	Hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến cựu sinh viên May thời trang năm 2018, 2019, 2020 và 6 tháng đầu năm 2021
390.			6.3.10		Kế hoạch tổ chức ngày hội việc làm năm 2018, 2019, 2020
391.			6.3.11		Danh sách các nhà tuyển dụng tham gia ngày hội việc làm năm 2018, 2019, 2020).
392.			6.3.12		Báo cáo kết quả tổ chức ngày hội việc làm năm 2018, 2019, 2020;
393.				1.1.07	Hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến cựu sinh viên May thời trang năm 2018, 2019, 2020 và 6 tháng đầu năm 2021
394.	6	4	6.4.01		Hình ảnh hội trường, sân khấu
395.			6.4.02		Hình ảnh các hoạt động văn hóa, thể thao của người học
396.			6.4.03		Các hình ảnh hoạt động của đội Thanh niên tình nguyện nhà trường năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020
397.			6.4.04		Kế hoạch tổ chức các hoạt động Công Đoàn, Đoàn thanh niên của Nhà trường năm 2018, 2019, 2020
398.			6.4.05		Các hình ảnh hoạt động của các phong trào năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
399.				6.1.08	Tổng hợp kết quả khảo sát hằng năm
400.			6.4.06		Báo cáo tổng kết công tác Đoàn và phong trào thanh niên
401.	7	1		6.3.01	Quyết định thành lập và Chức năng nhiệm vụ của Trung tâm Hợp tác đào tạo và Quan hệ doanh nghiệp
402.				1.1.05	Bộ Hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến của Doanh nghiệp năm 2018, 2019, 2020
403.	7	2	7.2.01		Quyết định công nhận tốt nghiệp và danh sách người học đã tốt nghiệp năm 2018, 2019, 2020 và 6 tháng đầu năm 2021

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dùng chung cho tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
404.			7.2.02		Kế hoạch điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm năm 2019, 2020, 6 tháng đầu năm 2021
405.			7.2.03		Phiếu khảo sát, bảng tổng hợp ý kiến và danh sách điện thoại liên hệ năm 2019, 2020, 2021
406.			7.2.04		Báo cáo kết quả điều tra lần vết về năm 2019, 6 tháng đầu năm 2021
407.	7	3		2.6.08	Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến của cán bộ quản lý năm 2018, 2019, 2020 (Kế hoạch, Bộ phiếu thu thập ý kiến của CBQL, Danh sách CBQL tham gia khảo sát, Báo cáo kết quả thu thập ý kiến của CBQL)
408.				2.3.01	Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến của nhà giáo năm 2018, 2019, 2020 (Kế hoạch, Bộ phiếu thu thập ý kiến của nhà giáo, Danh sách nhà giáo tham gia khảo sát, Báo cáo kết quả thu thập ý kiến của nhà giáo)
409.			7.3.01		Biên bản họp khoa; Biên bản đánh giá viên chức năm 2018,2019,2020).
410.	7	4		2.3.02	Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến của người học năm 2018, 2019, 2020 (Kế hoạch, Bộ phiếu thu thập ý kiến của người học, Danh sách người học tham gia khảo sát, Báo cáo kết quả thu thập ý kiến của người học)
411.			7.4.01		Kế hoạch đối thoại giữa lãnh đạo nhà trường với HSSV năm 2018, 2019, 2020
412.			7.4.02		Các biên bản đối thoại giữa Nhà trường và HSSV năm 2018, 2019, 2020
413.	7	5	7.5.01		Kế hoạch tự đánh giá chất lượng trường năm 2018, 2019, 2020
414.			7.5.02		Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá năm 2018, 2019, 2020
415.			7.5.03		Quyết định về việc thành lập ban thư ký, các nhóm chuyên trách phục vụ Hội đồng tự đánh giá năm 2020
416.			7.5.04		Quyết định ban hành báo cáo tự đánh giá trường các năm 2018, 2019, 2020
417.			7.5.05		Báo cáo tự đánh giá trường các năm 2018, 2019, 2020
418.			7.5.06		Báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo nghề may thời trang trình độ cao đẳng năm 2020
419.	7	6	7.5.05		Báo cáo tự đánh giá trường các năm 2018, 2019, 2020
420.			7.6.01		Kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng năm 2018, 2019, 2020
421.			7.6.02		Báo cáo kết quả đạt được của kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng năm 2018, 2019, 2020
422.	7	7		1.1.07	Hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến cựu sinh viên May thời trang năm 2018, 2019, 2020 và 6 tháng đầu năm 2021
423.	7	8	7.8.01		Kế hoạch thu thập ý kiến đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động năm 2018, 2019, 2020, 2021
424.			7.8.02		Danh sách đơn vị sử dụng lao động được thu thập ý kiến năm 2018, 2019, 2020
425.			7.8.03		Phiếu khảo sát ý kiến của đơn vị sử dụng lao động năm 2018, 2019, 2020
426.			7.8.04		Báo cáo kết quả thu thập ý kiến năm 2018, 2019, 2020